NĂM THỨ 6 — NGÀY 15-9-62

BÁCH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH *Algérie trên đường xây dựng độc lập* • DOHAMIDE *cuộc sống gia đình của người Chàm* • NGUYỄN VĂN TRUNG *thân xác và nghệ thuật* • CÔ LIÊU *bí mật của lòng đất* • NGUYỄN HIẾN LÊ *nhân đọc bộ Việt-Nam ca trù biên khảo* • NGUIỄN HỮU NGƯ *giải thưởng văn chương trên đất Việt* • LÊ MINH NGỌC – TRẦN THÚC VŨ — NGUYỄN ĐỨC TIẾU *thơ* • NGUYỄN MINH HOÀNG *(dịch J. Salinger) Teddy* • ĐOÀN THÊM *minh định về bài điểm sách* • VŨ HẠNH *con tư diêm* • TƯỜNG LINH–BÙI KHÁNH ĐẢN–LIÊN PHƯỢNG THÁI TÚ HẠP *thơ* • NHÃ ĐIỀN *con đường cụt* • ĐOÀN THÊM *hòa âm 12* • VĂN NÊN — NGUYỄN VĂN NGÔN — NGHIÊU ĐỀ *trả lời cuộc phỏng vấn quan niệm hội họa* • TRẦNG THIÊN *thời đại ngày nay và sáng tác theo ý Hermann Hesse* • THU THỦY *khỉ vẽ* • NGUIỄN NGU Í *thuật đại hội thanh niên thế giới tại Helsinki và quyết nghị về giáo dục trong thời đại kĩ thuật* •

137

Một sự may mắn ! ! !

Nếu **« VERIGOUD »**

được quảng-cáo rộng-rãi hơn, ai cũng sẽ nhận thấy rằng đó là thứ si-rô ngon nhất tại Việt-Nam và Quí vị sẽ khó - khăn lắm mới tìm mua được.

« VERIGOUD »

nước trái cây nguyên chất chế-tạo hầu Quí vị bởi Hãng :

SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

CÁC HIỆU BUÔN ĐỨNG ĐẮN ĐỀU CÓ BÁN VỚI GIÁ 65 $ MỘT CHAI

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 137 ngày 15-9-62

HOÀNG-MINH-TUYNH *Algérie trên đường xây dựng độc lập*	3
DOHAMIDE *cuộc sống gia đình của người Chàm*	11
NGUYỄN-VĂN-TRUNG *thân xác và nghệ thuật*	17
CÔ-LIÊU *bí mật của lòng đất*	23
NGUYỄN-HIẾN-LÊ *nhân đọc bộ Việt-Nam ca trù biên khảo*	29
NGUIỄN-HỮU-NGƯ *các giải thưởng văn chương trên nước Việt*	37
LÊ-MINH-NGỌC *tưởng nhớ (thơ)* • NGUYỄN-ĐỨC-TIẾU *duyên sau (thơ)*	45
TRAN-THÚC-VŨ *hồi âm, chân dung (thơ)*	46
NGUYỄN-MINH-HOÀNG *(dịch J. David Salinger) Teddy*	47
ĐOÀN-THÊM *minh định vài điểm về bài điểm sách « Tìm hiểu hội họa »*	71
VŨ-HẠNH *con tư diêm (truyện ngắn)*	73
TƯỜNG-LINH *bài trong nhật ký (thơ)* • BÙI-KHÁNH-ĐAN *sáng chiều chủ nhật (thơ)* • PHƯƠNG-LIÊN *chủ nhật thứ hai (thơ)*	82 83
THÁI-TÚ-HẠP *Biển chiều. Về (thơ)*	84
NHÃ-ĐIỂN *con đường cụt (truyện ngắn)*	85
ĐOÀN-THÊM *hòa âm 12 (thơ)*	90
VĂN-NÊN — NGUYỄN-VĂN-NGÔN — NGHIÊU-ĐỀ *trả lời cuộc phỏng vấn về quan niệm hội họa*	92
NGHIÊU-ĐỀ *bài cuối của Lê (thơ)*	101
TRÀNG-THIÊN *thời đại ngày nay và sáng tác theo ý Hermann Hesse*	103
THU-THỦY *khỉ vẽ*	106
NGUIỄN-NGU-Í *thuật đại hội thanh niên thế giới tại Helsinki và quyết nghị về giáo dục trong thời đại kĩ thuật*	108 112

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Algérie trên đường độc lập (2)	HOÀNG-MINH-TUYNH
Người sống và kẻ chết trong phong tục Chàm	DOHAMIDE
Vấn đề giáo dục của Phụ nữ Nhật-Bản ngày nay	ĐOÀN-VĂN-AN
Clément Rosset : triết-lý bi đát	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
Phải thống nhất nhan đề và thoại của các áng văn thơ cổ	NGUYỄN-HIẾN-LÊ
Chuyện Triệu-Việt-Vương, một chuyện tiểu thuyết ?	NGUYÊN-PHƯƠNG
Góp ý về cú pháp	ĐỖ-HỒNG-VŨ
Phật giáo Thiền tông và triết lý Thiền	LÊ-XUÂN-KHOA
Tìm đẹp : tộ điểm trong mỹ nghệ	ĐOÀN-THÊM
Lò đào tạo người thượng lưu	VI-HUYỀN-ĐẮC
Claude Simon	TRÀNG-THIÊN
Đọc « Những kẻ trầm luân ở thế-gian » của Frantz Fanon	NGUYỄN-VĂN-TRUNG
Con mồi (truyện dịch của G. Langelaan)	NGUYỄN-CHÂU
Viếng thăm báo Figaro	Cô MINH-ĐỨC
Về đâu (truyện dài)	VÕ-PHIẾN
Tiêu bạc giả (truyện ngắn)	NGUYỄN-MẠNH-CÔN
Nỗi chết không rời (truyện ngắn)	THANH-TÂM-TUYỀN

Algérie trên đường xây dựng độc lập

HOÀNG-MINH-TUYNH

QUỐC gia Algérie xuất phát tự các thỏa hiệp ký kết giữa Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia và chính phủ Pháp, rồi tự các cuộc hiệp thương hoàn tất ngày 17 tháng 6 theo sáng kiến của ông Aberrahmane Farès với sự giúp giập của ông nguyên tổng trưởng Pháp Jacques Chevallier, đã ra mắt chào đời sau bảy năm chinh chiến đầy thảm khốc và điêu tàn đáng lẽ có thể tránh được cho cả nước Pháp lẫn nước Algérie.

Một nhà chính trị gốc Algérie có thiện tâm mà cũng khá sáng suốt là ông Pierre Bloch, có viết trong một cuốn sách mới xuất bản gần đây, rằng : « Algérie là đất của những cơ hội lỡ làng ». Lời nói rất đúng, nhưng Algérie không phải chỉ là « đất của những cơ hội lỡ làng », nó còn là nơi chứng kiến những cơ hội rất tốt đến với nó, song đã bị người ta từ khước một cách thực phũ phàng.

Xin nhắc lại ở đây những từ khước đó :

Thứ nhất là từ khước cởi bỏ thành kiến đòi tổ chức Algérie thành ba quận Pháp, thành kiến từng bị ông Jules Ferry, chủ tịch ủy ban điều tra Thượng Nghị Viện, lên án năm 1892 ;

Thứ hai là từ khước nghe lời kêu gọi của Emir (1) Khaled võ quan thuộc quân đội Pháp, năm 1919, đã lên tiếng yêu cầu ban

(1) Tên gọi con cháu của nhà tiên tri Mahomet.

hành bình đẳng dân quyền cho các cựu chiến sĩ Hồi-giáo có công trong cuộc phản công thắng lợi tại miền La Marne năm 1914 và tại miền l'Aisne năm 1918, cũng như trong cuộc kháng chiến tại Verdun năm 1916 ;

Thứ ba là từ khước chấp thuận dự luật Blum-Violette năm 1936 nhằm mở rộng cử tri cho các phần tử Hồi-giáo và đề nghị cho người Algérie một tổ quốc.

Thứ tư là từ khước hồi tháng ba năm 1944, tiếp nhận các phần tử Hồi-giáo Algérie vào cử tri công dân Pháp và thiết lập tuyển cử đoàn cho hai cộng đồng Pháp — Hồi tuy có liên kết nhưng bị phân tán dưới ưu thế của cộng đồng Pháp ít người hơn nhưng lại có quyền lực mạnh hơn ;

Thứ năm là từ khước thiết lập tuyển cử đoàn duy nhất theo quy chế năm 1947 ;

Thứ sáu là từ khước, năm 1948, thi hành qui chế bị cắt xén trên đương nhiên trở thành đạo luật quốc gia ;

Thứ bảy là từ khước, năm 1956, áp dụng thích nghi các điều khoản của cuộc điều đình Áo — Hung năm 1867 để cho Algérie được thâu hồi độc lập và chủ quyền ;

Thứ tám là từ khước thi hành cho Algérie các điều khoản của Hiến Pháp Cộng Hòa Nhân Dân Liên-Hiệp Nam-Tư nhằm phát triển văn hóa và sử dụng các thổ ngữ khác nhau, dùng những nguyên tắc khoan đại để đoàn kết các sắc dân lại.

Nêu lên và nhắc lại ở đây một số những sai lầm người Pháp đã mắc phải trong quan hệ đối với Algérie trong suốt thời gian nội thuộc của nước này, là cốt để thấy sự cương quyết giành độc lập của người Algérie, cũng như của chúng ta trước đây, không thiếu những lý do chính đáng và để thấy người Algérie không phải là những người thiếu kiên nhẫn đối với kẻ đã chinh phục họ.

Chúng ta thấy lúc này vẫn còn có những kẻ muốn ngăn cản người Algérie trên con đường xây đắp nền độc lập của họ và tỏ vẻ hoài nghi sức đấu tranh của họ để ra khỏi cảnh lầm than và hỗn loạn họ đang mắc phải trên bình diện chính trị và nhất là kinh tế.

Người Algérie liệu có sống được sau khi họ thâu hồi độc lập và chủ quyền không ?

Đó là câu hỏi chúng tôi xin cố gắng giải đáp trong số này.

Nước Algérie có thể tồn tại được không?

Chắc chắn nước ấy sẽ tồn tại. Đó là vì ba trở ngại chính dựng lên để ngăn cản bước tiến của họ trên đường độc lập đã vượt qua được: sự đối lập của các đại hiệp hội tài chính và công nghiệp Pháp, tính ngoan cố của các nhà thực dân có thế lực và thói ương ngạnh của người dân Âu lập nghiệp tại các thành thị.

Trở ngại thứ nhất đã vượt được.

Miền Sahara là miền hình như đã gây ra chướng ngại lớn lao nhất cho cuộc hiệp thương về phía người Pháp. Các công ty dầu hỏa trong vùng này đòi các bảo đảm cần thiết cho vốn đầu tư của họ được tiếp tục đem về lợi tức ngay từ khi mở các cuộc hội đàm tại Tunis năm 1959. Các cuộc hiệp thương mở ra về sau đã tỏ ra biết đếm kể đến những yêu sách ấy một cách rộng rãi, nên các tay tài phiệt cầm đầu các xí nghiệp tư doanh, cảm thấy yên lòng, không phải canh cánh lo âu cho số phận tư bản đã bỏ ra để khai thác những khoảng sa mạc hoang vu nọ. Miền Sahara trở thành thành-phần của toàn bộ nước Algérie.

Các đường giao thông cho người và vận tải cho nguyên liệu được tự do sử dụng tự phía Địa-Trung-Hải trở vô và trở ra vô điều kiện.

Miền Sahara đem lại cho nền kinh tế Algérie trên 50.000 tấn chà là, trong số có loại đặc biệt gọi là «dà-glat nour», có thể xuất cảng được gần hết. Nó chứa đựng một số dự trữ dầu hỏa 650 triệu tấn, khí đá 1.000 triệu mét khối, quặng sắt 750 triệu tấn hàm lượng trên 57% có thể khai thác lộ thiên, lại thêm rất nhiều kim khí khác như đồng, Wolfram. Lớp nước phủ một phần tư vùng đông-bắc sa mạc, dung lượng có thể thỏa mãn nhu cầu thường xuyên 30 mét khối một giây, và mỗi năm có thể cung 100 triệu mét khối cho nông dân trồng 6.500 hecta vườn lá kè (palmerais). Chúng ta hiểu vì sao Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia cương quyết đòi thống nhất lãnh thổ Algérie và nhất định không chịu nhân nhượng trước đề nghị của người Pháp, nhất là Sahara sẽ phải đóng góp một phần lớn lao vào công cuộc kiến tạo quốc gia tân lập để bảo đảm cán cân thương mại, quân bình ngân sách và ứng phó hữu hiệu trước nỗ lực trang bị xứ sở phải theo đuổi sau này.

Đổi lại các yêu sách của người Pháp đòi cho họ được tiếp vận các khoáng chất và được hoàn giảm vốn đầu tư xuất ra cho cuộc tìm xét khoáng mạch cùng thiết lập máy móc khơi đào và bơm hút, đều được bảo đảm bằng sự duy trì các luật lệ hiện hành về dầu mỏ, bằng quyền ưu tiên dành cho các hiệp hội khai thác của người Pháp, bằng sự nhân nhượng cho họ thanh toán các trái khoản về khoáng sản khai thác bằng đồng quan Pháp. Như vậy là trở ngại thứ nhất, trở ngại có chiều như lớn lao và khó khăn đặc biệt đã vượt được, khiến cho hầu hết các tay tài phiệt thượng thặng của Pháp đều

thỏa thuận nhìn nhận quốc gia Algérie, nhất là khi họ thấy chắc chắn các vụ chuyển ngân về Pháp sẽ được hưởng một chế độ tự do khá rộng rãi nữa.

Trở ngại thứ hai cũng đã thắng được

Trở ngại thứ hai cũng theo trở ngại thứ nhất mà giảm đi rõ rệt, nhân khi ký kết các thỏa hiệp ngày 19-3. Đó là trở ngại của các nhà thực dân người Âu. Nguyên từ sau cuộc cải tổ chế độ nông tín năm 1937, các tay thực dân có nhiều uy thế nhất được một số lớn các tay thực dân bực tiểu và bực trung vốn là hai lạng sống trực tiếp và cũng nhiều khi sống caung đụng với các nhà trồng tỉa Hồi giáo, nghe theo răm rắp. Trước đó, vì sợ uy thế và quyền lợi của họ bị hạn chế, họ luôn luôn quyết liệt phản đối mọi đề nghị để cho người Hồi giáo được thăng tiến lên ngang hàng với họ trên các mức thang công vụ, trong các cuộc quản trị xứ sở về mặt chính trị và trong các cơ cấu khai thác nông nghiệp. Bây giờ thì các mối lo ngại của họ đã tiêu tan gần hết. Nước Algérie đã vui lòng cam kết với họ sẽ không để xảy ra bất luận một phân biệt nào về sự hưởng thụ yên ổn và tự do các quyền di sản đã tạo lập được trên lãnh thổ Algérie trước ngày trưng cầu dân ý tự quyết và không một ai bị tước quyền ấy mà không được bồi thường theo sự công bình đã ấn định trước.

Các tay đại thực dân vẫn rất e sợ người Algérie phỏng theo gương mẫu hiện đại hóa hương thôn của người Trung Hoa và người Nam Tư mà thi hành một cuộc cải cách điền địa vẫn thường được các phần tử kháng chiến trong các chiến khu yêu sách thực ráo riết và được ghi cả trong chương trình của Mặt Trận Giải Phóng Qnốc Gia (1). Nhờ nước Pháp dưới thời thượng tướng De Gaulle biết khôn ngoan tận lực giúp đỡ và đưa lại những giải pháp tốt đẹp nên Algérie đã khắc phục được những khó khăn trong phạm vi cuộc cải cách điện địa và không cần phải dùng tới phương pháp của người Trung-Hoa hay Nam-Tư như đã dự tính. Nước Pháp chấp nhận bỏ tiền mua lại quyền sở hữu của các kiều dân Pháp. Trên căn bản một kế hoạch phục hồi do chính các nhà có thẩm quyền của Algérie thiết lập, nước Pháp thỏa thuận với Algérie, ấn định thể thức viện trợ, dung hòa việc thi hành chính sách kinh tế và xã hội của quốc gia tân lập với việc phân phối các ngân khoản tài trợ của mình.

Sau hết trở ngại thứ ba cũng đã khắc phục được

Như vậy là chỉ còn lại có một trở lực nữa cần phải đánh tan đó là mối lo sợ của đám đông dân người Âu tại các thành thị gồm những gia đình trung lưu của các công, tư chức, tiểu thương gia, công nhân chuyên nghiệp. Đám người này thường có thái độ phân vân, lưỡng lự trước các cao

(1) Xin coi Express số 583, 16-8-1962, Le programme de Hammamet, của Claude Krief, trg 10.

trào chính trị, nhưng lại thường phẫn khích, phẫn nộ rất mau lẹ và rất dễ nghe theo những lời kêu gọi của Tổ chức Quân đội Bí mật (O.A.S.) lúc nào cũng sẵn sàng gây hoang mang bằng những luận điệu xuyên tạc rằng người Hồi giáo rồi đây sẽ nổi lên tranh giành chỗ làm với họ và cướp giựt phương kế sinh nhai của họ. Họ chiếm lối 9 phần 10 số người Âu và lối 8 phần 10 số công chức, tư chức các ngành công nghiệp và thương mãi của Algérie. Họ có khuynh hướng muốn dìm người Hồi giáo ở mãi trong hoàn cảnh dưới mức vô sản, có số lương chỉ bằng một phần mười của họ. Do đấy, họ thường cấu kết với các tay thực dân phú hào, các đại thương gia và đại kỹ nghệ gia, mỗi khi uy tín trong xã hội và đặc quyền kiếm việc làm của họ bị xâm phạm.

Trước đây, họ bị các tay có thế lực lớn lợi dụng và lường gạt họ quá nhiều để thực hiện những thủ đoạn đen tối rồi rút lui bỏ mặc họ lại với số phận hẩm hiu, thua thiệt, họ tức bực quay ra gây gỗ với người Hồi giáo kịch liệt. Lúc này, họ rất lo sợ người Hồi giáo trở lại báo thù. Nhất là những người Hồi giáo được tuyển vào các đơn vị cảnh vệ địa phương, từ trước ngày tổ chức cuộc trưng cầu dân ý.

Hai ông Aberrahmane Farès và Jacques Chevallier, thấy rõ những mối xung động và phản ứng của đám người Âu trên, đã cắt công cố gắng đứng ra làm trung gian giữa những người này và các đảng viên trong Phong Trào Giải Phóng Quốc Gia để làm giảm bớt sự lo sợ của người Âu cùng sự căm thù của người Hồi và để lật đổ những âm mưu của những phần tử phản động muốn phá vỡ tình hữu nghị Pháp - Algérie. Nỗ lực của hai ông đã đạt tới kết quả khả quan và dẫn tới thỏa hiệp ngày 17 tháng Sáu khiến cho người Âu ở các thành thị bắt đầu nhận ra rằng họ bị Tổ chức Quân đội Bí mật lừa dối và họ có quyền được hưởng luật ân xá đối với tất cả các hành vi đã phạm trước ngày trưng cầu dân ý, trước ngày kết nhập các đơn vị quân đội người Âu vào trong quân đội cảnh vệ địa phương có phận sự duy trì an ninh và trật tự cho dân chúng không phân biệt Pháp, Hồi.

Tuyên ngôn ngáy 18 tháng Sáu của Bác sĩ Chaouki Mostefaï phát thanh trên đài vô tuyến Alger đã làm cho họ yên lòng về tương lai, về số phận và về nhân cách cùng nhân phẩm của họ. Tuyên ngôn trên lên tiếng mời gọi họ cởi bỏ hận thù, hòa đồng với người Hồi để cùng tiến hành công cuộc kiến tạo quốc gia và mưu cầu thịnh đạt kinh tế và xã hội cho Algérie. Tuyên ngôn của ông Jacques Chevallier, đọc ngày 20 tháng Sáu, thì nhằm giải đáp các thắc mắc, nghi ngờ của họ, và mở ra cho họ những viễn tượng tốt đẹp của một cuộc hợp tác chân thành giữa hai quốc gia Hồi — Pháp để xây dựng một tổ quốc Algérie. Tuyên ngôn này bày tỏ rõ ràng cho người Âu hiểu cái lợi của họ, trước tình thế mới nó không có chứa đựng yếu tố nào đáng làm cho

họ lo ngại vì sẽ phải kém thế về vật chất hay tinh thần. Tuyên ngôn của ông tổng trưởng Pháp cũng trần tình họ rằng người Hồi tỏ ra rất cần đến họ để làm cho công việc quốc gia được suôi chạy và nền kinh tế được mở mang, tần tới, hơn nữa để làm cho nước Algérie mới trở nên phú cường, nhờ bởi biết dung hòa được tính chất và quan điểm của hết mọi công dân không kỳ thị màu da hay tôn giáo, hầu chung đúc nên một tinh thần thống nhất trong dị biệt và dị biệt trong thông nhất.

(còn tiếp một kỳ)

HOÀNG-MINH-TUYNH

Sẽ phát-hành cuối tháng 9-1962 :

NỔI LỬA

truyện của **THANH-THƯƠNG-HOÀNG**

Bìa do HUY-TƯỜNG trình bày

SÙNG-CHÍNH-VIỆN xuất bản

PHÁP-LUẬT BÁN-NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN PHỔ-THÔNG LUẬT-PHÁP

PHÁT HÀNH NGÀY 15 VÀ 30 MỖI THÁNG

● Do một nhóm luật-gia và văn-sĩ chủ-trương biên tập.

● GỒM CÓ : Các bài dễ hiểu về hình, về hộ. về kinh-lề, thuế má, thương-mại v. v... — Mục giải đáp pháp-luật do các tuật-gia nhiều kinh.nghiệm phụ trách ; sẽ trả lời các thắc mắc của bạn đọc. — Các truyện do các văn.sĩ tên tuổi viết theo các án cổ kim, đông tây, vừa giải trí vừa mở rộng sự hiểu biết về pháp-luật cho độc-giả.

TÒA SOẠN : 165, Phan-Thanh-Giản — Saigon ✻ Đ. T. 23.089

Quản nhiệm : **PHÚC-AN**

Giấy phép số 4367/CDV/TT/BCI ngày 15-8-62 của N.T.T. và B.C.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ★ ☆

HEAD OFFICE	*Plapplachai, Bangkok.*
OVERSEAS BRANCHES :	
LONDON	*Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2*
TOKYO	*No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo*
HONGKONG	*60, Bonham Strand West.*
CENTRAL DISTRICT	*Shell House, Queen's Road.*
KOWLOON	*580 A. Nathan Road Kowloon.*
SINGAPORE	*64 South Bridge Road.*
KUALA LUMPUR	*14 Ampang Street.*

SOCIÉTÉ INDOCHNIOISE DE DOCUMENTATION

et de

REPRÉSENTATIONS COMMERCIALES

S.I.D.E.R.C.O.

EXCLUSIVITÉS :

Whisky « **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & Co MONOPOLE** »

Vins de Chianti et Vermouth « **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpoliella Chiaretto « **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng — *Tél : 20.055*
SAIGON

LA SOCIÉTÉ URBAINE FONCIÈRE

S. U. F. O.

18, BEN BACH DANG — SAIGON

DOHAMIDE

3

NGƯỜI CHÀM

tại Việt Nam ngày nay

(xem từ B. K. số 135)

c) Cuộc sống gia đình

Nói chung, người Chàm miền Trung theo chế độ mẫu hệ tức sự nối dõi do con gái. Tuy nhiên không hoàn toàn hẳn đàn bà là chủ trong gia đình. Người ta có thể tìm một số đặc điểm của chế độ này bằng cách theo dõi cuộc sống của một cá nhân từ ngày được chấp nhận chánh thức vào tập thể cho đến khi kết hôn và thừa hưởng tài sản của người quá vãng.

Lễ « Krởh » và « Ykrăk ».

Đối với người Chàm *bani*, con trai đến 18 tuổi và con gái 15 tuổi đều phải chịu lễ trước các vị chức sắc trong thôn ấp.

Về người con gái thì lễ ấy gọi là « krởh » thường do các bậc mẹ cha có con gái đồng lứa tuổi, họp nhau lại chung đậu tiền tổ chức, vào những ngày tháng do « ông Guru » định.

Trước đó một ngày người con gái liên hệ phải ở trong nhà nghe bà mẹ cùng các cụ già chỉ bảo cách thức hành lễ, một cử chỉ lỗi lầm trong dịp này được xem là điềm không hay cho cả đời người.

Một mái lá được dựng lên ngoài trời trước cửa nhà, hàng xóm được mời đến tụ họp, các cô gái đầu đội khăn, mình mặc một cái chăn buộc chặt ngang ngực, ngồi sắp hàng đợi đến phiên mình được kêu tên thì đến

trước mặt các vị chức sắc trong đạo để chịu lễ.

Trước hết là thủ tục cắt da quy-đầu (circoncision) nhưng ở đây chỉ có tính cách tượng trưng mà thôi ; người ta dùng con dao bằng cây.

Ông Gurù, với tư cách là đại diện Pô Owloah (Thượng đế) cầm một miếng bông gòn thấm nước trầm, rồi đưa tay chỉ trên trán cô gái, ban cho một cái tên, rồi đọc một vài câu kinh.

Sự thực thì người ta chỉ nghe lập đi lập lại hai tên « *Foatimwh* » và « *Ây Sa* » và chỉ các vị tu sĩ đang chủ tọa lễ đó thì mới biết được, còn chính đương sự cũng không rõ được việc mình mới vừa nhận tên đó.

Trước các cử chỉ thần bí đó, các cô gái chắp tay đưa ngang trán, rồi rạp mình xuống lạy tạ.

Sau đó, các mâm đồ ăn được lần lượt dọn lên cho ông Guru và hai ông Mươm dùng, trước sự chứng kiến đầy vẻ thán phục của dân chúng chen nhau ngồi xa xa từ đầu góc kia.

Cuộc lễ chấm dứt bằng một buổi lễ cầu nguyện của ba vị và trong khi đó, mọi người cùng chắp tay tưởng niệm hay quì mọp xuống lạy tạ.

Ykrăk là lễ của người con trai. Nhưng ở đây, người con trai phải học thuộc 19 bài kinh trong « *Kitab Alhamdu* », để đến ngày lễ thì đọc trước mặt ông Guru và Mươm rồi sau đó, các vị này sẽ chánh thức chấp nhận và ban cho một cái tên, luẩn quẩn quanh hai chữ « *Hô Thanh* » « *Hô Thai* ».

Trong dịp này, người con trai mặc y phục trắng, đầu vấn khăn như các Thầy Chang vậy.

Cuộc lễ đánh dấu một quãng đời mới đối với người thanh niên và làm nở mặt nở mày cha mẹ đối với xóm giềng.

Phải chịu lễ này rồi người thanh niên mới dự lễ tảo mộ được, có lẽ vì trong việc tảo mộ nầy người thanh niên cần biết đọc 19 bài kinh kể trên để tưởng niệm người quá vãng.

(Danh từ Y Krăk nguyên là do chữ khởi đầu của bài kinh thứ 19).

Cũng bắt đầu từ khi chịu lễ này, người thanh niên mới được kể là tín đồ Hồi Giáo và cũng vì vậy mà trước khi chịu lễ này, các thanh niên chết đi không được giới tăng lữ cho mai táng theo các lễ đạo thường lệ.

Như trên đã nói, lễ « *Krởh* » cũng như « *Ykrăk* » mặc dù có ý nghĩa là lễ ban tên cho thanh niên và thiếu nữ 18 và 15 tuổi để được chấp nhận một cách chánh thức vào cộng đồng, nhưng những cái tên ấy thường chỉ các vị lãnh đạo tinh thần thôn ấp mới rõ, còn tên dùng thường ngày là tên khác.

Ngày nay, người Chàm miền Trung không còn giữ những tên ngày xưa của thời Chiêm Thành nữa. Những tên này thường chỉ còn nhắc lại dưới hình thức tên những nhân vật trong những chuyện cổ tích do các người lớn tuổi đêm đêm, dưới ánh đèn dầu ngồi kể lại cho một sồ trẻ con bao quanh nghe mà thôi.

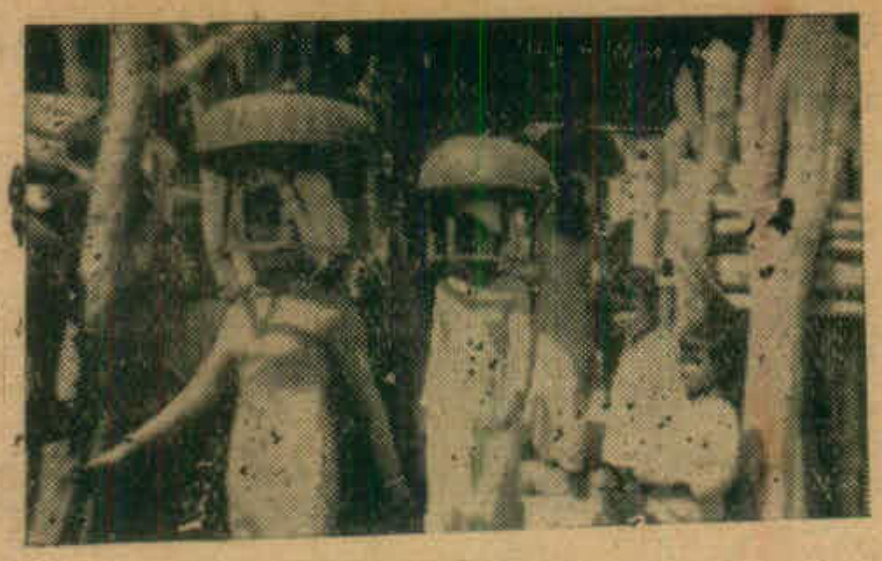

Sau khi ông Chang « nhậu » xong, họ lũ lượt kéo nhau đội mâm ra về

Ngày nay, căn cước người Chàm miền Trung đều mang tên họ Việt-Nam thuần túy như họ Nguyễn, họ Trần, họ Tôn, họ Từ... và chính tên họ này là tên họ được dùng thường ngày.

Hiện nay giới phụ nữ trẻ đã mang tên họ, chứ hồi xưa các tên đàn bà chỉ có chữ «*Thị*» khởi đầu theo sau là tên thôi.

Các cụ già có kể lại có một thời, trước đây, người ta đặt tên cho con bằng những cái tên rất xấu như «*Djuk*», «*Knao*», «*Eh Măk*», «*Eh Ôông*», «*Căk Măk*», «*Căk Ôông*»... e rằng nếu đặt tên tốt, các thần linh sẽ ghen tị và khiến đau ốm.

Mặt khác nghe nói người Chàm miền Trung theo chế độ mẫu hệ, người ta có thể sớm kết luận là tất cả các con sẽ lấy họ mẹ.

Nhưng ở đây khó mà đưa ra một định luật tổng quát, vì quan niệm về «họ», trên phương diện hình thức, dường như chỉ là một sản phẩm từ bên ngoài du nhập và mới được cộng đồng chấp nhận sau này, cho nên nó hãy còn là vấn đề tùy theo ý thích và tùy lối giải thích của mỗi cá nhân cùng từng gia đình.

Có gia đình phân hai, con gái theo họ mẹ, con trai theo họ cha, có gia đình lại cho tất cả theo họ mẹ và một số ít có tiếp xúc với bên ngoài, cho con theo họ cha hết.

Nhưng tất cả những việc đặt tên họ ấy không có ảnh hưởng gì quan trọng đến căn bản của tập tục.

Lễ cưới.

Lễ cưới người Chàm *Kafia* chỉ bao gồm giản dị một buổi tiệc tụ họp giữa hai gia đình, mừng đôi vợ chồng mới.

Đối với người Chàm *bani*, lễ cưới gồm một số nghi thức bắt buộc và được xem là có tính cách hợp thức hóa một cuộc sống chung nhiều tháng giữa đôi thanh niên và thiếu nữ.

Cuộc hôn nhân khởi đầu do đàng gái nhờ mai mối mang lễ vật, trầu cau đến dạm hỏi người con trai.

Sau khi được thỏa hiệp, hai bên sẽ nhờ ông Guru định ngày lành tháng tốt để cho hai bên trai gái gặp nhau.

Đến ngày đã định, thường vào ban đêm và mùa gió bấc, và dưới sự hướng dẫn của ông mai và họ đàng trai, người thanh niên đến nhà vị hôn thê của mình.

Trước mặt họ hàng, ông mai rót rượu van vái thần linh, chính thức thông báo cuộc hứa hôn, người con trai và người con gái ngồi đối diện nhau, cùng trao đổi và ăn miếng trầu.

Trong khi bên ngoài khách khứa trò chuyện, thì đôi trai gái tự do trao đổi ý kiến trong buổng riêng và cuộc trao đổi ý kiến đó sẽ diễn ra trong 3 đêm như vậy.

Sau đó, nếu nhà nào có tiền thì làm lễ cưới ngay hoặc nếu không thì hoãn lại một thời gian tùy hoàn cảnh. Nhưng trong thời gian đó, người thanh niên thường sang ở rể bên nhà gái luôn tới ngày cưới.

Đến ngày cưới, người ta dựng lên một mái lá tạm ngoài trời, và giết dê, gà, vịt, làm cơm bên cạnh. Những con vật đó thường do nhà trai mang đến còn nhà gái góp gạo và bánh trái.

Chiều tối, cô dâu và chú rể vận y phục như khi làm lễ «Krởn» và «Y-Krăk» từ trong nhà đi ra, chú rể đi trước, cô dâu theo sau nắm chặt vạt áo chú rể, đến mái lá nơi đó đã có ông Guru cùng họ hàng hai bên ngồi đông đủ.

Thường người ta trải chiếu từ nhà ra đến mái lá.

Cha mẹ cô dâu nói với chàng rể rằng mình gả cho y đứa con gái tên gì đó, chú rể đáp : « Con chịu nhận » nhưng phải nói 3 lần như vậy trước sự chứng kiến của các ông Mươm.

Xong hai vợ chồng sẽ quỳ trước các vị Guru và Mươm, rồi nằm rạp xuống lạy 3 lạy, chồng trước vợ sau.

Cô dâu sau đó sẽ trở vào nhà một mình.

2 ông Mươm sẽ đến ngồi cạnh chú rể và ông Guru sẽ hỏi chú rể có chịu cho mình làm trung gian để làm lễ cưới cho đúng với lễ đạo không. Cũng nhân dịp này ông Guru được chàng rể trình tặng vật mà y tặng cho cô dâu. Tặng vật gồm có thể mọi loại như trâu, cỗ xe..., nhưng vật chính yếu là chiếc nhẫn bằng bạc.

Trong lễ cưới này, từ ông Guru đến cô dâu chàng rể đều mang tên những vị Thánh khai nguyên Hồi giáo như ông Guru chẳng hạn hành lễ với tư cách là Pô Muhammad (tức Giáo Chủ Muhammad) một ông Mươm lấy tư cách là Thánh Omar, một ông Thánh Abubaca, chú rể là Thánh Ali, còn cô dâu thì là Foatimưh (tức Fatimah).

Hai ông Mươm đem chiếc nhẫn vào trong nhà và hỏi cô dâu : « Này Foatimưh, Pô Muhammad sai ta đến hỏi ngươi có thuận lấy Ali làm chồng không ? »

Cô dâu trả lời thuận.

Một ông Mươm vừa đeo chiếc nhẫn vào tay cô dâu vừa nói : « Ali gởi cho ngươi chiếc nhẫn và các tặng vật này ».

Sau khi cô dâu nói rõ là mình chịu nhận, hai ông Mươm trở ra trình sự việc với ông Guru.

Liền đó, ông Guru cầm tay chú rể, đọc kinh ba lượt và cho hai vị Mươm dẫn chú rể vào nhà.

Hai vị Mươm đi đầu, sau đó đến chàng rể và hai đứa trẻ mặc quần áo trắng, một đứa ôm mâm trầu, một đứa cầm chiếc chiếu và tấm vải dành để trải phòng ngủ.

Đến cửa, chú rể nghiền nát ba miếng trầu với cục đá trên thềm và vào ngồi bên cạnh cô dâu trên miếng vải đã được trải ra.

Sau khi thắp nến lên, hai ông Mươm bảo : « đây là người chồng của ngươi, có chịu nhận không ? ».

Bốn cụ già cùng cô dâu đồng thanh trả lời chịu nhận.

Hai ông Mươm mới đặt bàn tay chàng rể trong bàn tay cô dâu.

Các ông Mươm đọc kinh cầu và đi ra ngoài.

Cô dâu têm một miếng trầu, đưa vào miệng chú rể. Cả hai sau đó cùng đi ra lạy tạ các Guru và Mươm một lần nữa.

Cô dâu sẽ đến chào cha mẹ chồng và được tặng những vật dụng tùy trường hợp.

Lễ cưới chấm dứt bằng một bữa tiệc linh đình.

Liên hệ thân tộc.

Theo nghi thức của lễ cưới kể trên, chàng rể phải về sống luôn bên nhà vợ, và rủi vợ có chết thì được xem như không liên hệ gì với gia đình này và thường trở về nhà mình, của cải thuộc các con thừa hưởng. Khi chết cũng vậy, các con đều được chôn bên cạnh mồ mẹ, hoặc cùng hàng. Sự săn sóc mồ mả, cúng kiếng cha mẹ đều do con gái út giữ trách nhiệm. Người con gái út này khi lấy chồng vẫn tiếp tục sống với cha mẹ.

Trong những gia đình giàu có, con gái hưởng gia tài như nói trên, nhưng nếu không có con gái thì tài sản ấy sẽ giao cho thân tộc hưởng và lo việc cúng lễ.

Con trai chỉ được hưởng một phần động sản, còn bất động sản hoàn toàn thuộc thân tộc quản trị. Lấy một thí dụ cụ thể là cha mẹ lúc sanh tiền có thể cho đứa con trai hưởng hoa lợi một sồ thửa ruộng, nhưng khi đứa con trai này — dù đã có gia đình và con cái — mà chết đi thì thửa ruộng đó phải hoàn về tài sản của gia đình, chớ không kể vào của thừa kế.

Con gái dù là con cả hay con thứ, ngoại trừ con gái út, sau khi lấy chồng về nhà, cha mẹ cho ăn ở riêng (ở trong « *Thang yơ* » hoặc cất nhà riêng nơi khác nếu vòng rào đã chật), cấp cho một trâu, một thửa ruộng hay chút ít tiền bạc.

Sau khi cha mẹ lâm chung, vợ chồng con gái út được hưởng trọn gia tài.

Nếu mẹ chết trước mà tài sản chưa kịp chia, người cha phải mời thân tộc bên mẹ họp lại để phân chia.

Nếu cha chết trước thì mẹ trọn quyền phân chia, nếu là tài sản do vợ chồng tự tạo ra. Còn nếu tài sản đó là của ông bà để lại thì người mẹ phải mời thân tộc đến thị chứng.

Sự nối dòng do các điều kể trên đều lấy con gái út làm căn bản, quyền hạn trong gia đình hầu như lấn át người đàn ông trong công việc « tề gia » cũng như giao tiếp với bên ngoài.

Sự lần át đó một phần nhờ những yếu tố thuận lợi của lễ tục. Trong lễ cưới chẳng hạn người con gái đi dạm hỏi người con trai và khi cưới rồi người con trai ở rể bên đàng gái, có thể nói dù muốn dù không cũng phải « phục vụ » và phục tùng một phần nào giang san nhà vợ.

Tuy nhiên, nói thế không có nghĩa là người đàn ông trong gia đình chỉ tùy thuộc vào đàn bà.

Xã hội vẫn hạn định tầm hoạt động của nữ giới trong một khuôn khổ. Chẳng hạn người con gái không thể nào ngang nhiên đến chơi nhà con trai được. Quan niệm về nết na, về gia phong, thông thường trong xã hội Việt-Nam, vẫn có giá trị ở đây.

Trong giai đoạn đầu, các trai thanh niên thường đến chơi nhà các cô, trước được tiếp xúc với cha mẹ cô gái đó, rồi sau hai đàng mới dần dà quen biết nhau và trao đổi ý kiến. Cha mẹ thấy hai bên tâm đầu ý hợp mới nhờ người đến nói.

Những thanh niên có tiếng là đoan trang, hiền lành thường được nhiều nơi đến dạm hỏi, và người thanh niên có sự thỏa hiệp của cha mẹ sẽ được tự do chọn lựa. Người đàn ông do đó vẫn có lợi khí để bảo vệ và đề cao giá trị bản thân mình !

Trở lại với vấn đề liên hệ thân tộc, người ta nhận thấy có sự tương đồng. Trong các từ ngữ được dùng giữa họ hàng bên mẹ và họ hàng bên cha. Nghĩa là không có danh từ gì phân biệt họ hàng bên cha với bên mẹ cả nên có lẽ không thể dùng các danh từ « nội » « ngoại » theo ý nghĩa thông thường trong tiếng Việt được : Thí dụ : Ông nội, Bà nội hay Ông ngoại, Bà ngoại đều gọi là : « *Ôông* » và « *Măk* » cả. Anh, chị của cha hay của mẹ đều gọi là «*wa*», Em trai của cha hay của mẹ cũng gọi cả là «*chei*»; em gái của cha hay của mẹ cũng gọi cả là «*nai*». Có một danh từ «*amik matâu*» để chỉ cả con rể lẫn con dâu cũng như có một danh từ «*Tamha*» để chỉ cả cha mẹ vợ lẫn cha mẹ chồng...

Tuy hầu hết các danh từ chỉ định họ hàng hai bên cha mẹ, nội ngoại, đều giống nhau, nhưng trong thực tế chỉ những người trong họ hàng bên mẹ mới được xem như ruột thịt và con cháu về sau có bổn phận phải thờ phượng, cúng kiếng cùng đi tảo mộ hàng năm.

DOHAMIDE

Kỳ tới.— *Kẻ sống và người chết.*

THỜI BÁO

tờ báo của mọi gia đình

NGUYỄN - VĂN - TRUNG

thân xác và nghệ thuật

NGƯỜI đầu tiên tìm thấy Marilyn Monroe nằm chết trên giường một buổi sáng bên cạnh một lọ chứa chất độc barbiturique chú ý tới bàn tay của nàng vẫn với lên và nắm lấy máy điện thoại trắng mà như không đủ sức để gọi hay không có ý định gọi thực sự. Cái bàn tay kia bây giờ bất động trên ống nghe điện thoại chứng minh một lần cuối cùng những nỗ lực của một người muốn thoát khỏi cảnh cô đơn, cái cô đơn đã bám sát vào cuộc đời mình từ lúc bé cho đến khi chết. Nhưng bất lực và tuyệt vọng. Nàng biết gọi ai? Hằng trăm triệu người trên thế-giới biết nàng, khâm phục nàng, trong số đó, phần đông là thanh-niên suýt soát tuổi với nàng. Nhưng họ chỉ biết nàng như một cái xác, chứ không quen biết và yêu mến nàng như một người, một tâm hồn.

Ngay cả những người đàn ông đã kinh qua đời nàng cũng đã chỉ lợi dụng thân xác của nàng, coi nàng như một cái xác, nghĩa là một sự vật để hưởng thụ trong một thời gian ngắn ngủi rồi bỏ đi.

Cho nên Marilyn Monroe, người đàn bà « thiếu thốn tình yêu » không bao giờ được đi vào một hôn nhân trong đó nàng có thể nói « Tôi là người và muốn được chấp nhận, yêu đương vượt khỏi thân xác tôi ». Mồ côi từ lúc còn thơ ấu, không xóa bỏ được cô độc trong hôn nhân, Nàng tìm đến với hết mọi người bằng cách phơi bầy thân xác của mình. Nàng thoát y, cho người ta chụp ảnh để in vào lịch vào báo, quay trên màn ảnh. Đột nhiên trăm nghìn người biết nàng. Từ nay nàng sẽ không còn bị lãng quên bỏ rơi, vì ít ra nàng cũng có mặt, cũng sống trong cái nhìn của muôn người trên thế giới. Tiền bạc đến với nàng tràn ngập cùng một lúc với tiếng tăm, danh vọng. Nàng đã dùng thân xác nàng để nuôi sống mình, để xây dựng sự nghiệp, nhưng như thế đã là hạnh phúc chưa ? Một vài ngày trước khi chết, hình như

nàng cớ nói với một nhà báo Mỹ về cái vinh quang của minh tinh trên màn bạc nó mỏng manh và giả dối biết bao. Phải chăng nàng đã cảm thấy sự giầu sang phú quí chỉ vì được quần chúng hâm mộ tài sắc thế nào cũng đưa đến chỗ tự hủy diệt như một thứ định mệnh không cưỡng lại được. Nàng bị kẹt trong cái mà người Mỹ gọi là « hệ-thống minh-tinh » (Star system) cái máy khổng lồ sản xuất, chế tạo ra những minh-tinh, dùng nó cho đến khi không thể sài được thì phế bỏ đi. Người đàn bà muốn trở thành minh-tinh phải bán mình cho những hãng phim. Sau đó, họ không có quyền về thân xác của họ nữa. Từ nay, thân xác họ là sở-hữu của hãng phim. Chính người sản xuất phim quyết định về trang sức, về mầu da, sắc tóc, nét mặt, chân tay, thân hình, cân nặng. Nếu cần sửa đổi một đường cong ở má, người ta có thể bắt nhổ răng. Nếu cần giữ thân hình mềm mại, uyển chuyển người ta có quyền áp-dụng một quy chế về ăn uống, nghỉ ngơi luyện tập, và do đó có quyền xếp đặt hoàn toàn đời tư của minh-tinh.

Người đàn bà khi bị giản lược vào một đồ vật, khi chỉ còn là một cái xác để kích thích, làm thỏa mãn những con mắt của dục vọng, làm sao không lo lắng sao xuyến khi cảm thấy tới gần cái giờ phút mình sẽ không còn thể quyến rũ, làm cho quần chúng thèm khát nữa.

Người ta có thể giấu sự thật bi đát đó dưới hình thức nghệ thuật. Phim ảnh là một nghệ-thuật vì nó nhằm thể hiện vẻ đẹp. Nhưng vẻ đẹp sống động nhất lại là chính con người. Ở nơi người đàn bà, nó có thể đạt tới mức độ tuyệt vời, và minh-tinh là hiện thân của vẻ đẹp tuyệt vời đó.

Nhưng luận điệu trên chỉ tố cáo một gian lận vô liêm sỉ, một đánh tráo nghệ thuật trắng trợn nơi những người sản xuất minh-tinh khai thác tài sắc của họ để hốt bạc mà không hề đếm sỉa tới con người của họ. Nghệ thuật chân chính không tiêu diệt con người, không đòi hỏi sự sa đọa tinh thần của con người như điều kiện xây dựng và thực hiện nghệ-thuật. Ngược lại, nghệ-thuật đưa tới sự thăng tiến con người, khi nó biểu lộ được vẻ cao cả con người không phải chỉ là một thân xác, nhưng như là một tinh-thần nhập thể.

Khi nghệ-sĩ vẽ một cảnh vật hay tạc một tượng người đã hẳn ông lấy đề tài và chất liệu trong thiên nhiên thực tại, nhưng không phải là bắt chước thực tại Nếu vẽ một cảnh vật mà chỉ cốt làm sao cho giống và vẽ càng giống càng đẹp thì thật là vô ích. Vì nếu lấy tiêu chuẩn là giống để xác định nghệ thuật thì không có cái gì giống nó cho bằng chính nó. Do đó, nếu nhận định nghệ-thuật là bắt chước thực tại, thiên nhiên, thì chỉ việc nhìn cảnh thực, đến tận nơi chiêm ngưỡng nó không cần xem những bức tranh mô-phỏng. Nhưng chúng ta vẫn cần hội họa nghệ-thuật, vẫn muốn đi xem tranh ở các phòng triển lãm và có thể nhận thấy một vẻ đẹp đặc biệt của cảnh vật trong bức họa. Đó là cái đẹp nghệ thuật. Nó khác cái đẹp thiên nhiên về bản chất và cũng vượt quá vẻ đẹp đó vì nó là một sản phẩm của tinh-thần.

Chính óc tưởng tượng và tâm trí nghệ sĩ đã quan niệm và cấu tạo nó bằng cách xếp đặt, phối hợp những mầu sắc, chiều bề đường góc theo một hình thức nào đó. Cho nên tác phẩm nghệ thuật bao giờ cũng là một công trình sáng tạo của tinh thần, dựa vào thực tại, nhưng vượt thực tại tự nhiên, xây dựng một thế giới khác biểu lộ một vẻ đẹp khác.

Đến những nghệ thuật như ca nhạc, vũ điệu lấy chính thân xác con người làm chất liệu xây dựng nghệ thuật, thì vẻ đẹp thẩm mỹ trong những nghệ thuật đó cũng không phải là cái đẹp tự nhiên của thân xác, nhưng là cái đẹp mà nghệ sĩ, tác giả những điệu vũ đã sáng tạo bằng cách liên kết những cử động, những dáng điệu, nhịp bước theo một hòa đồng nào đó nhằm diễn tả một ý nghĩa tinh thần nào đó. Hai cánh tay của vũ nữ dơ lên cùng với đầu, mắt và toàn thân cũng vươn lên như thể khao khát một cái gì và hy vọng được đón nhận. Nếu hàng chục cánh tay của hàng chục vũ nữ, đến một chỗ nào đó trong bài múa, cùng một lúc, cùng dơ lên với thân hình vươn lên đều đặn, nhất loạt, vẻ đẹp nghệ thuật càng được trọn vẹn và ý nghĩa của cử chỉ càng được thể hiện mãnh liệt. Nếu chỉ muốn phô bày vẻ đẹp tự nhiên, người ta chỉ việc đem cái xác đã được trang điểm đặt trước công chúng. Không cần nghệ thuật. Sắc đẹp tự nhiên là cái đẹp của thể chất, của thân xác. Cái đẹp nghệ thuật là cái đẹp của tinh thần hiện thân trong thể xác. Thân xác trong cái đẹp tự nhiên là một thân xác tách khỏi tinh thần. Thân xác trong cái đẹp nghệ thuật tham dự mật thiết vào đời sống tinh thần, và là biểu hiện của tinh thần. Đứng về phía người xem, hưởng thụ, cái đẹp tự nhiên là đối tượng của ước muốn, dục vọng và cái đẹp nghệ thuật là đối tượng của cảm xúc nghệ thuật, của năng khiếu thẩm mỹ. Trước một bức tượng khỏa thân Vénus, vẻ đẹp nghệ thuật giết chết dục vọng đối với người đàn bà, vì không thể cùng một lúc chiêm ngưỡng vẻ đẹp nghệ thuật và ước muốn thực hiện một dục vọng với người đàn bà. Nếu ước muốn, phải bỏ quên bức tượng là tác phẩm nghệ thuật để chỉ nhìn cái vẻ đẹp tự nhiên của thân xác.

Khi suy nghĩ về điêu khắc, Hégel đã muốn tìm hiểu tại sao nghệ thuật điêu khắc Hy-Lạp thường trình bày những tác phẩm khỏa thân. Ông cho rằng bất cứ một dân tộc nào khi đã tới giai đoạn có ý thức về thân xác (chỉ người văn minh mới có ý thức về thân xác, người mọi rợ không có) bao giờ cũng coi thân xác là cái cần được che kín như có ý biểu lộ rằng con người không phải *chỉ là* thân xác. Nhưng người Hy-Lạp có một ý thức về thân xác rất cao đến nỗi coi thân xác là hiện thân của tinh thần trong những hình thức toàn mỹ nhất. Do đó phô bày thân xác không phải là xóa bỏ luân lý, văn minh, tình cảm e lệ kín đáo, để cho thấy con người chỉ là thân xác và do đó kích thích dục vọng, nhưng vì coi thân xác là vẻ đẹp nghệ thuật biểu hiệu tinh thần ở mức độ cao nhất và ở mức độ đó, con người lãnh đạm với những ước muốn dục vọng. Cho nên tự bản chất, nghệ thuật chống lại dục vọng và sắc đẹp thể xác không phải là nghệ thuật. Tuy nhiên trước một bức tượng là một nghệ phẩm, người ta vẫn có thể từ bỏ thái độ nghệ thuật và ước muốn dục vọng.

Đó là tính cách hàm hồ căn bản (1) của nghệ thuật. Tùy theo ý hướng sáng tạo hay thái độ lãnh hội mà tác phẩm sẽ là nghệ thuật hay khiêu dâm.

Trong ý định chế tạo minh tinh, rõ ràng những người sản xuất phim ảnh không nhằm thể hiện vẻ đẹp nghệ thuật gì hết, mà chỉ nhằm kích thích thỏa mãn thú tính trong con người quần chúng.

Người đàn bà minh-tinh chỉ còn là cái xác khêu gợi trước cái nhìn thèm khát của khán giả được dịp gian lận chốc lát với Đạo đức, địa vị xã hội của mình trong bóng tối của căn phòng chiếu bóng. Marilyn, nàng chỉ là một cái xác khêu gợi và tới khi nó không còn thể khêu gợi nữa thì cũng chẳng ai thèm để ý tới nàng. Cái xác kia lúc nãy, bao nhiêu người thèm muốn, giờ đây bất động im lìm, có ai thiết đến nữa đâu ? Nàng càng thuộc về nhiều người càng không phải là của ai. Cả trong khi sống cũng như bây giờ đã chết. Cô đơn và cô đơn.

Thật là giản dị khi coi nàng chỉ là nạn nhân của kỹ-nghệ phim ảnh. Nhưng nếu không có hàng trăm triệu người đòi hỏi ước muốn, thì những người sản xuất phim ảnh còn phô bầy thân thể Marilyn Monroe với ai ? Cả cái xã hội, cả một nền văn minh đã đồng lõa với sự giết người đó. Người ta đã lấy tài sắc tuổi trẻ làm hạnh phúc, đã không cho con người xấu già được quyền sống và những kẻ chống lại định luật đó sẽ bị sa thải không chút thương hại.

Nếu bạn là người biết Marilyn và có thể còn khâm phục nàng, giả thử lúc nàng cầm điện thoại để cầu cứu một lần cuối cùng, chính bạn là người mà nàng muốn gọi : « Tôi là Marilyn, chán đời quá rồi, tôi sắp tự tử đây, bạn có thể giúp tôi được gì không ». Bạn sẽ trả lời làm sao ? Bạn có hể đem đến ngay cho nàng cái nàng đang thiếu thốn nhất để có thể ở lại với cuộc đời là ý muốn sống không ?

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

(1) tiếng Pháp gọi là «l'ambiguité fondamentale»

Đã có bán tại các hiệu sách lớn ở Saigon :

VĂN MỚI ĐÓNG TẬP

TỪ SỐ 1 ĐẾN 6 — GIÁ 40$

Tạp chí qui tụ hơn 30 nhà văn nhà thơ tiền bộ hiện đại

Sẽ phát hành trong tháng 6-1962 :

SÁNG MUÔN THU

Thơ DIỄM-CHÂU

HOA PHƯƠNG ĐÔNG xuất bản

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT

Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. $ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

— SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

— ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập

ĐẢM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

Bí mật của lòng đất

CÔ - LIÊU

TRONG khoảng 10 năm trở lại đây, khoa học đã lập được nhiều thành tích trong cuộc phiêu lưu đến những bến bờ xa xôi hiểm hóc. Người ta đã chinh phục đỉnh núi Everest, Nam cực, lặn xuống tới đáy biển sâu nhất, bay lên không gian cao thẳm. Ấy thế mà trong lòng đất dưới chân ta chưa ai biết có gì, lòng đất vẫn giữ kín những bí mật của thiên nhiên.

Có lẽ chẳng bao lâu nữa người ta có thể nắm trong bàn tay nắm đất bí hiểm của Hỏa-tinh, nhưng người ta vẫn chưa biết rõ tính chất của lớp đất cách gót chân ta chỉ độ hơn 10 cây số.

Tương lai nền văn minh của ta trông đợi nhiều kết quả của một cuộc thám hiểm trong lòng trái đất để giải đáp những câu hỏi chính yếu về địa chất học : Trái đất lạnh dần đi và co rút bớt lại hay nóng dần lên và nở lớn ra ? Trái đất rồi sẽ nguội đến giá băng hay sẽ đến lúc nổ tung ? Có thể ở trên mặt đất mà dò biết những mỏ kim khí ở sâu dưới đất không ? Động đất là nguồn gốc núi lửa hay núi lửa gây ra động đất ? Có thể biết đích xác được những cuộc thử bom bí mật không ?

Để trả lời những câu hỏi ấy, rồi đây những cuộc do thám vĩ đại nhất lịch sử sẽ mở ra những cửa ngõ trên vỏ trái đất để đi sâu vào lòng đất. Đó là mục tiêu của viện Khoa Học Quốc Gia Mỹ (Scientific National Foundation).

Các nhà địa chấn học trên hoàn cầu đã đến các hỏa diệm sơn trên hoàn cầu để khảo cứu. Họ cũng xuống tận đáy các giếng dầu hỏa, các hầm mỏ. Giáo sư Beloussov ở Mạc Tư Khoa, bác học Inge Lehmann chuyên viên Trắc Địa học Copenhague. Giáo sư John Hodyson ở Ottawa là những người nhiệt tâm với khoa học. Họ xét nghiệm các hồ trên miệng núi lửa, các hầm hố do vẫn thạch rớt xuống làm lõm đất. Họ nghe ngóng tiếng động trong lòng đất và say mê khoa học đến nỗi cầu khẩn xảy ra những

thiên tai đảo lộn mặt đất để giúp họ tìm ra manh mối những hiện tượng địa chấn.

Năm 1958 khoa địa chấn học khởi đầu trở nên một ngành khảo sát có tầm quan trọng khác trước nhờ công dụng tìm kiếm những vụ nổ bom dưới đất. Người ta phải nhờ đến các nhà địa chấn học để soạn thảo hệ thống kiểm soát vũ khí cho Hội Nghị Giơ-Neo. Tại Gia-Nã-Đại nhà địa chấn học Patrick Willmore hoàn thành một hệ thống trạm kiểm soát ba động đặt dưới đất khắp địa phận nước Gia-Nã-Đại.

Từ Hội Bác Học AMSOC kỳ dị đến chương trình khoan thủng trái đất

Tại nước Mỹ có một hội các nhà bác học rất kỳ lạ. Đó là những bác học nhàn rỗi thuộc các ngành hải dương học, địa chất học, địa chất — vật lý học, họp nhau thành lập hội AMSOC.

Hội ở California. Họ đưa ra những ý kiến kỳ dị, những dự án vẩn vơ, như làm cách nào để đem những tảng băng tuyết ở Nam cực về bờ biển California. Tìm cách dùng rong biển «plancton» để khám phá những tầu lặn bí mật. Sửa soạn để tiếp đón một vị thượng khách từ thế giới khác đến viếng thăm. Làm cách nào dạy cho loài vật biết mình thuộc về giống gì?

Tuy nhiên, dự án của nhóm bác học ưa khôi hài này cũng hãy còn tầm thường quá đối với hai bác học Munk và Hess, nhân viên hội AMSOC. Hai người cho ra một chương trình có vẻ cao kỳ hơn : chọc thủng trái đất. Làm cách nào để khoan một lỗ ở giữa đại dương mà nghiên cứu những lớp đất ở dưới.

Dự án được soạn thảo kỹ càng và gửi đến viện nghiên cứu khoa học Scientific National Foundation, viện này dành một chỗ đặc biệt trong kẹt tủ cho dự án ngủ yên một năm. Rồi bỗng dưng người ta đem ra nghiên cứu cẩn thận, và cho là rất lý thú. Tác giả nó được tài trợ 50.000 mỹ-kim để thực hiện. Khởi đầu là một câu truyện trà dư tửu hậu, nay trở thành một chương trình vĩ đại huy động những lực lượng khổng lồ để thực hiện.

Có đủ điều kiện, người ta có hy vọng đục xuyên qua vỏ ngoài trái đất để đến lớp « áo tơi ». Lớp áo tơi ấy xưa nay vẫn là một điều bí mật hoàn toàn đối với khoa học. Áo tơi chống đỡ các đại châu. Năm 1919 Bác học Mohorovicic, người Nam Tư, nghiên cứu những ba động địa trấn cho rằng thành phần hoá chất của áo tơi khác hẳn vỏ ngoài trái đất. Nhân cuộc khám phá ấy, người ta đặt tên cho chỗ áo tơi tiếp giáp với vỏ ngoài trái đất là Moho, chữ viết tắt của danh từ discontinuité Mohorovicienne.

Các nhà bác học băn khoăn tự hỏi Moho làm bằng chất gì — vì ba động truyền đi trong áo tơi nhanh hơn ngoài vỏ, nên người ta kết luận rằng thành phần của áo tơi là một kim loại chưa ai biết ; có nhiều thuyết cho rằng trên lớp áo đó các đại châu di động được như các phiến băng trên Bắc cực — Vỏ trái đất ở phần đáy đại dương dĩ nhiên là mỏng người ta có thể khoan dễ dàng một lỗ hổng để tới lớp Moho. Điểm bí mật trọng yếu về

Ba địa điểm đặt máy khoan : I của Mỹ tại bờ biển Mễ-Tây-Cơ ;
II và III của Gia-Nã-Đại, tại Muskok và Mont Albert

địa cầu đợi mũi khoan của hai nhà bác học khôi hài để được giải đáp.

Hess và Munk mạnh dạn nhờ trợ cấp của chính phủ, nẩy ra ý định kêu gọi hoàn cầu góp sức với mình để chọc thủng trái đất. Năm 1957 Liên-Hiệp-Quốc-Tế-Địa-Chất-Học nhóm họp ở Toronto, giáo sư Hess long trọng mời các nước trên hoàn cầu tham dự vào chương trình của ông. Một bác học Nga đứng lên tuyên bố :

— Nước Nga đã có đủ khí cụ để khoan một lỗ như thế. Hiện chúng tôi đang tìm chỗ nào thuận tiện để khởi công.

Thế giới đã bắt đầu chú trọng đến lớp áo tơi của địa cầu. Năm 1960, ở Helsinki, bác học Beloussov đưa ra một đề nghị khác :

— Bác học hoàn cầu đã hợp tác vào một công cuộc vĩ đại, Năm Địa Cầu Vật Lý quốc tế. Tại sao bây giờ chúng ta không góp sức lại để nghiên cứu lớp áo tơi của địa cầu ?

Đề nghị được 60 nước chấp thuận. Từ đây đến tháng 8-1963, người ta sẽ thực hiện. Kế hoạch Upper Mantle Project.

Mở đường cho khoa học đi vào lòng đất

Từ 3 địa điểm trên trái đất, một ở bờ biển Mễ Tây Cơ, địa điểm thứ hai ở Muskox (Gia-Nã-Đại), địa điểm thứ ba ở Mont Albert (Gia-Nã-Đại), người ta đặt những máy khoan khổng lồ đầu bằng kim cương để thực hiện giấc mộng phiêu lưu của Jules Verne và Conan Doyle.

Từ đầu năm 1961, Mỹ thi hành giai đoạn đầu cuộc khoan lỗ. Cách 80 dặm về phía Tây bờ biển Mễ Tây Cơ, gần Guadeloupe, chiếc tầu Cuss I cắm neo. Một chiếc tầu trọng tải 3.000 tấn chuyên việc đào giếng dầu hỏa dưới đáy biển. Trên tầu có một cái giàn 9 tầng để đặt máy khoan. Đoạn dây cáp dài ba cây số, đầu là mũi khoan kim cương, xoay tròn với tốc lực 40 vòng một phút, sẽ khoan lỗ từ lớp vỏ ngoài trái đất. Nguyên công việc này đã phí tổn hết 20 triệu Mỹ kim.

Conan Doyle đã đục thủng trái đất bằng trí tưởng tượng của nhà văn. Chuyên gia Mỹ cụ thể hóa giấc mộng của nhà văn để mũi khoan thép mở đường cho khoa học địa chất đi vào lòng đất.

Trong khi ấy Gia Nã Đại cũng thực hiện chiến dịch «xuyên sơn» với phương tiện riêng của mình. Họ không theo quan

điểm của Mỹ, khoan đáy bể, mà họ khoan ngay trên núi, một lỗ ở núi Albert miền Gaspésie một lỗ ở Muskox gần hồ Grand Lac de l'Ours. Đồng thời họ cũng theo dự án của Willmore, khoan nhiều lỗ nhỏ trên khắp lãnh thổ Gia Nã Đại để thăm dò lòng đất thuộc lãnh thổ toàn quốc. Hầm mỏ xứ Gia Nã Đại đã gần đến lúc khánh tận, họ cần phải xuống sâu tới 10 hay 20 cây số dưới đất để tìm nguyên liệu cần thiết cho kỹ nghệ tương lai.

Tại sao Gia Nã Đại lại lựa miền núi mà khoan lỗ ? Địa điểm Muskox đã được chuyên gia nghiên cứu và cho rằng ngay phía dưới không xa, có một vùng mà áo tơi trong lòng đất nhô lên gần sát với mặt đất. Địa điểm ở núi Albert, có một khoảng rộng cả mấy cây số vuông không có cây cỏ. Đất ở đấy có lẽ chứa nhiều sắt và magnésium nên cây cối không mọc được. Hai kim loại này được khoa học giả thuyết là có nhiều ở lớp áo tơi. Hai lỗ khoan chỉ sâu tới bốn cây số thôi, còn sau này sẽ tiếp tục khoan tới lòng đất.

Bác sĩ Hodgsen chỉ huy sự thiết lập những trạm quan sát chấn ba. Cách mỗi ngàn cây số lại khoan lỗ sâu 600 thước để nghe ngóng từng chuyển động nhỏ trong lòng đất. Những trạm nhỏ đó sẽ liên lạc với Ottawa. Ba trạm Cornwallis, Ellesmere và Patrix đã nhờ máy móc ghi ba động tính ra những vụ thử bom nguyên tử kín đáo của Nga.

Các đại châu trượt trên một lớp áo tơi nằm ở dưới

Địa chất học Gia-Nã-Đại nghiên cứu cường độ điện từ của quặng kim khí khắp các nước thấy chiều điện từ khác hẳn chiều điện từ của trái đất, điều này muốn như chứng tỏ vỏ trái đất di chuyển trên lớp áo tơi. Hình như lớp áo tơi thung rãn đến một mức nào đó khiến cho các đại châu ở trên di chuyển được. Người ta nghĩ rằng trước kia xứ Gia-Nã-Đại ở vị trí Châu-Âu bây giờ, nước Ấn-Độ ở vị trí Châu Phi. Đáy biển vùng California là những nham thạch lớn bằng cả tiểu bang Texas, đã di chuyển đến vài trăm cây số. Các đại châu giữ được thăng bằng trong khi di chuyển như vậy, hẳn là phải có một thế gì để quân bình. Mỗi ngọn núi, tất thị vỏ ngoài trái đất ở chân nó cũng phải dầy và sâu bằng chiều cao của nó, như thể bóng nó ở dưới nước. Vì áo tơi thung giãn nên lớp vỏ ngoài mới có thể di chuyển như vậy.

Mặt khác, các nhà bác học đang nghiên cứu những hầm hố do vẫn thạch đào lõm xuống. Năm 1951 viện bảo tàng Ontasio đã thám hiểm miệng núi lửa Chubb ở phía đông vịnh Hudson để xác định đó là miệng núi lửa thật hay là hố vẫn thạch. Theo kết quả cuộc khảo cứu cho biết, thì miệng Chubb là vết tích một thiên tai lớn trong lịch sử địa cầu. Thiên văn học giả thuyết rằng cách đây 5 tỷ năm một hành tinh của mặt trời vì cớ nào đó đã nổ tung. Những mảnh vụn trông không gian thỉnh thoảng bay vào trái đất. Một khối lớn có lẽ làm ra vịnh Hudson, khối nữa làm ra vịnh Saint Laurent, khối thứ ba rớt xuống Nga năm 1908 và phá 200 cây số rừng. Khối vẫn thạch rớt xuống Chubb có sức mạnh tương đương với một trái bom nguyên tử 50 triệu tấn và làm rạn nứt vỏ trái đất. Nếu vẫn thạch

là vết tích của một hành tinh trong thái-dương-hệ thì chắc cũng cùng thành phần hóa chất với lớp áo tơi trái đất. Trên lý thuyết, giả thuyết này có phần đúng. Nhưng còn đợi phải lấy được một chút áo tơi đem ra đối chiếu mới có thể xác định hẳn là đúng hay sai.

Ngày nay cuộc thi đua đã mở màn. Ai sẽ đến được lớp Moho trước ? Người Mỹ hoạt động trên mặt biển hay người Gia-Nã-Đại trên núi ? Người Nga âm thầm làm việc trong sự kín đáo hoàn toàn liệu có hy vọng thắng cuộc chăng ?

Cuối năm 1963 các bác học hoạt động trong khuôn khổ Upper Mantle Project sẽ nhóm họp để hội ý về những kết quả của cuộc thám hiểm. Nền khoa học quốc tế sẽ giúp tài liệu học thuật cho các nhà địa chấn học, cũng như đã giúp nguyên tử học. Câu trả lời những điểm thắc mắc chính yếu của khoa học có thể do trung tâm trái đất đem lại cũng như có thể do không gian đem lại. Một nhà địa chất học có nói : « có lẽ viên phi công thứ nhất đáp xuống mặt trăng sẽ đem lại tài liệu để ta giải đáp câu hỏi về trái đất ». Phải ! Khoa học cũng có khi cần phải có cái gì « rớt từ mặt trăng » xuống vì người ta nhận thấy thăng thiên dễ hơn độn thổ. bay lên không gian mịt mù dễ dàng hơn đụng tới lớp đất hàng ngày ta vẫn đi trên.

Thuật theo Romain Bertrand

CÔ-LIÊU

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIEM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : *PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO*
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9è

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135, *Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ*
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box nº 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bur au de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

NGUYỄN - HIỀN - LÊ

nhân đọc bộ

Việt-nam ca-trù biên-khảo

của ĐỖ-BẰNG-ĐOÀN và ĐỖ-TRỌNG-HUỀ

(*xin xem tiếp B. K. số 136*)

Bây giờ chúng tôi xét đến phần II. Nhan đề tuy là *Ca trù hợp tuyển*, nhưng tác giả chỉ chú trọng đến điệu hát nói, vì ngoài

— bốn bài Hát ở cửa đền đời Lê của Lê-Đức-Mao trích trong *Thi văn Việt Nam* của Hoàng-Xuân-Hãn và Nghiêm-Toản,

— năm bài thơ Hán dịch ra Việt, tức những bài *Tương tiến tửu* của Lý-Bạch, *Tì bà hành* của Bạch-Cư-Dị, *Tiền Xích Bích phú* và *Hậu Xích Bích phú* của Tô-Đông-Pha, *Chức Cẩm hồi văn* của Tô-Huệ,

còn lại khoảng hai trăm bài đều là hát nói (trong số này có 5 bài bằng chữ Hán).

Đành rằng trong các điệu ca trù của ta, điệu hát nói có nhiều bài nghệ thuật văn chương cao nhất, nhưng chúng tôi nghĩ đã biên khảo về ca trù thì ít nhất cũng nên chép thêm mươi bài lời trau chuốt ít nhiều trong các điệu khác, chẳng hạn điệu hát xẩm, lý, sa mạc, bồng mạc... Tác giả ngại rằng sách sẽ dày quá chăng ?

Phần II này cũng gồm hai chương.

Chương I chia làm ba tiết :

Tiết I.— Những bài hát ở cửa đền.

Tiết II.— Những bài hát nói.

Tiết III.— Những áng danh văn Trung Quốc ngày xưa cô đầu thường hát.

Chương II gồm có mỗi một tiết chép tiểu truyện khoảng ba chục tác giả những bài hát đã dẫn ở chương trên.

* * *

Đầu tiết II chương I tác giả có giảng qua loa phép tắc của thể Hát nói : bố cục ra sao, thế nào là đủ khổ, đôi khổ, thiếu khổ, cách gieo vần ra sao, số chữ trong mỗi câu không hạn định.

Trong các thể thơ tổ tiên đặt ra, chúng tôi thích nhất thể hát nói. Nó dung hòa

cả thơ Trung Hoa và thơ Việt-Nam tới một mức tự nhiên mà tuyệt xảo ; nó tập đại thành các thể thơ ra trước nó : nó là biến thể của song thất lục bát, nó mượn một chút của thơ luật (hai câu thất ngôn có đối) ; nó có cước vận, có yêu vận, có vần trắc, vần bằng, nó lại rất tự do, số câu trong một bài có thể từ 9 đến trên 40, số chữ trong mỗi câu có thể từ 4 đến 25 ; nhờ vậy nó rất uyển chuyển, biến hóa thành nhiều giọng, khi thì ung dung khi thì dồn dập, lúc phóng túng, lúc lại nghiêm trang (nhờ hai câu thơ), ngâm lên rất thú, phổ vào nhạc cũng dễ ; mà nó lại không ngắn quá (như *lục bát* thì hết hai câu, *song thất lục bát* hết bốn câu là hết điệu), không dài quá, hát độ năm mười phút thì xong một bài, không làm cho ta chán ; đặc biệt nhất là nó cho thi nhân diễn được hết những cảm xúc, những tình cảm rất thay đổi, rất đột ngột trong một đám đông thanh đồng khi bên một tiệc rượu dưới hoa và trăng, trong thanh và sắc.

Tình cảm nhờ nó mà cuồn cuộn bay vút lên rồi hạ xuống một cách êm ái, nhẹ nhàng.

Thử tung ra cho nó chảy cồn cồn
như nước, bay thông thả như mây,
đi lững thững như trăng, thổi thênh
thênh như gió...
Rải rác khắp ngoài bát hoang trong
lục vũ hãy còn thừa
Cái nhàn đã lạ lùng chưa ?

(Chữ nhàn — Ưu thiên Bùi kỷ)

Cũng nhờ nó mà giọng đương hăm hở bỗng chuyển qua mừng rỡ rồi sau cùng thảnh thơi :

Quyết ra tay buồm lái với cuồng phong
Chí những toan rời núi lấp sông,
Làm nên tiếng anh hùng đâu đấy tỏ.
Đường mây rộng thênh thênh cử bộ,
Nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo.
Thảnh thơi thơ túi rượu bầu.

(Chí nam nhi — Nguyễn-Công-Trứ)

Khổ cuối của nó chỉ có sáu chữ mà diễn được mọi tâm trạng, khi thì hùng hồn :

Nam nhi đáo thử thị hùng

Nguyễn-Công-Trứ,

khi thì gắn bó :

Yêu nhau khăng khít giải đồng

Nguyễn-Công-Trứ,

Khi thì chơi vơi như nhớ nhung, mơ mộng :

Đàn ai một tiếng Dương tranh

Dương Khuê

Khi thì chìm hẳn xuống trong cảnh tỉnh mịch :

Thảnh thơi thơ túi rượu bầu.

Lịch sử của nó cũng lạ lùng. Nó xuất hiện từ đời nào ta không biết, nó biến chuyển từ song thất lục bát ra sao, ta không biết, tác giả còn bảo nó đã sanh ra thể thơ mới tám chữ, nhưng sanh cách nào, cũng chưa ai giảng cho ta hay. Chỉ biết đầu đời Nguyễn nó đã trưởng thành rồi lại cùng với đời Nguyễn mà tàn, nghĩa là nó sống được chừng trăm rưỡi năm, bây giờ rất ít nhà thơ dùng nó nữa.

Tác giả V.N.C.T.B.K. bảo *hát nơi* có nghĩa là «thi nhân nói ý mình cho ca nhi hát». Định nghĩa đó có lý và chúng ta có thể đoán rằng vào cuối đời Lê, một số thi

nhân và một số ca nữ đã hợp tác với nhau mà lần lần tạo nên thể đó. Thi nhân kể tâm sự của mình, bảo một ca nữ thông minh ứng khẩu ngâm lèo. Có lẽ mới đầu ca nữ đặt thành thơ lục bát hay song thất lục bát, rồi biến đổi những điệu này một chút để diễn được nỗi lòng của thi nhân : hoặc rút ngắn, hoặc kéo dài ra, dùng cả cước vận lẫn yêu vận, cả vần bằng lẫn vần trắc ; có khi thi nhân lại muốn xen vô một đôi câu thơ cổ nó hợp với tâm sự mình, như vậy cho tiện, không phải suy nghĩ. Như vậy người trước cao hứng hát chơi, người sau thấy mới mẻ hay hay, cải thiện lần lần mà thành ra điệu hát nói. Có lẽ là thế chăng ?

Dù sao ta cũng có thể tin rằng nó vốn là ca nhạc mà sau thành thi. Nhờ nó thành thi mà các thi nhân thích nó mà nó được trọng dụng, phát triển rất mạnh một thời ; nhưng dù thành thi mà nó vẫn giữ bản chất ca nhạc, nên khi ca nhạc cổ mà suy thì nó cũng suy theo. Lục bát và song thất lục bát, bản thể là thi, những biến thể của nó là lý, ru hời, hát xẩm... mới là ca nhạc ; luật lệ lại nghiêm mật hơn hát nói (số chữ trong câu nhất định) nhưng cũng đơn giản hơn, hợp với bình dân hơn, nên còn hoài chứ không mau tàn như hát nói.

Lại cũng nhờ nó vừa là thi vừa là ca nhạc nên khi nó tàn mới có người chép lại lịch sử của nó ; nếu nó chỉ là ca nhạc thôi thì có thể rằng nó sẽ mai một như vô số các điệu khác xuất hiện trước nó trong đời Lê.

Đúng ba chục năm trước, Nguyễn-Văn-Ngọc đã thu thập trên trăm bài hát nói trong tập *Đào nương ca*. Sách đó nay không còn kiếm đâu ra nữa, thì vừa may hai ông Đỗ-Bằng-Đoàn và Đỗ-Trọng-Huề làm lại và bổ túc công việc của họ Nguyễn.

Hai ông đã gom góp được khoảng hai trăm bài từ Cao-Bá-Quát, Nguyễn-Công-Trứ... cho đến những thi nhân hiện đại, rồi sắp theo thời gian, và theo tác giả hết tác giả trước mới tới tác giả sau. Tất nhiên còn thiếu nhiều bài, nhưng xét nội dung thì những bài đã chép trong phần hợp tuyển hầu hết là có giá trị về văn chương cả.

Sự sắp đặt của tác giả dễ cho ta nhận thấy những nét chính trong sự phát triển của thể hát nói.

— Thể đó bỗng đạt tới mức rất cao ở tiền bán thế kỷ trước, nhờ những thi sĩ như Nguyễn-Công-Trứ, Cao-Bá-Quát... Điều này hơi khó hiểu, vì thường thể thơ nào cũng tấn triển đều đều, bước đầu còn là dò dẫm, chập chững, mỗi ngày một cải thiện rồi mới đạt tới một mức già giặn và có một định thức. Thể hát nói chắc cũng đã theo luật tự nhiên đó. Vậy thì ta đã mất nhiều bài vào thời đầu Nguyễn trở về trước. Vì đâu ? Vì binh đao hay là vì thời ấy thể hát nói chưa được trọng, không ai ghi lại ? Tác giả có nói theo lời người xưa truyền lại thì nguồn gốc của Hát nói là điệu Hà Nam mà điệu này đã thất truyền. Còn bài *Động phòng hoa chúc dạ* trong *Sự tích cô đầu* thì lại là một bài chữ Hán, bố cục, gieo vần y như ngày nay, khó tin là nguồn gốc của Hát nói được, nhất định là của người đời sau làm ra.

Trong thời cực thịnh của thể hát nói — tiền bán thế kỷ XIX — giọng thơ có bi mà cũng có hùng. Lúc đó các thi sĩ

như Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát... còn có tinh thần chiến đấu.

Qua giai đoạn sau, hậu bán thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX giọng hết hùng, chỉ còn bi và mỉa mai, rồi phóng túng (Nguyễn-Khuyến, Tú-Xương, Dương-Khuê, Dương-Lâm...)

Gần đây chỉ có mỗi Nguyễn - Khắc - Hiếu là hứng còn dồi dào, tình phóng túng mà trang nhã ; một số nhà khác đã có cái giọng tục, chứng tỏ rằng tứ của họ đã đi sát thời đại, cái thời đại của phố Hàng Giấy, xóm Khâm-Thiên... Tác giả đã bỏ bớt những bài tục mà nhiều người còn truyền khẩu đó đi (chẳng hạn bài *Ngộ khởi hiếu biện tai* của Vũ-Phạm-Hàm) là rất phải.

Vậy ta thấy sự tấn triển của thể hát nói đã đi song song với những phong trào thi văn của ta trong hơn một thế kỷ, và do đó nó có một địa vị đặc biệt trong văn học sử Việt Nam.

Nó còn đặc biệt ở chỗ này nữa là nó được thường dùng nhất để diễn tâm trạng nhàn. Trong 200 bài hợp tuyển của hai ông Đỗ, chúng tôi thấy có khoảng 70, 80 bài ca cái thú nhàn, khoảng 50 bài tả cảnh trăng nước, cảnh xuân thu, cảnh chùa chiền, nhất là tả cái tình tài tử giai nhân ; nghĩa là hết thảy được khoảng 130 bài khuyên người ta nhiệm ý hưởng lạc. Vậy thì địa vị của nó trong văn học Việt Nam cũng như địa vị của từ ời Tống trong văn học Trung Quốc. Một phần vì cái thể tương đối phóng túng của nó, một phần cũng vì hoàn cảnh thời đại, đúng như lời tác giả đã nhận xét :

« *Các thi nhân đời Nguyễn sơ đã tìm thấy ở hát nói một hình thức thi ca tự do khả dĩ giúp họ diễn tả được những tư tưởng, những tình cảm phóng khoáng, hoặc bi quan này nở trong cảnh loạn lạc kéo dài hơn một thế kỷ* »

Trong số những bài tác giả sưu tầm được, chúng tôi gặp được vài bài rất quý, không chép trong các sách khác, chẳng hạn bản dịch *Tiền Xích Bích phú* của Đào-Nguyên-Phổ, bản dịch *Chức Cẩm hồi văn* của Ngô-Thế-Vinh và bản dịch *Hậu Xích Bích phú* của Nguyễn-Văn-Bình.

Tiền Xích Bích phú là một áng cổ văn nổi tiếng vào bực nhất ở Trung-Hoa, Phan-Kế-Bính đã dịch ra văn xuôi, gọn và đủ nghĩa. Bản dịch ra thơ của Đào-Nguyên-Phổ thực là một viên ngọc, sát mà lại tài tình. Đào-Nguyên-Phổ hoạt động trong Đông-Kinh nghĩa-thục, bị Pháp nghi kỵ, bao nhiêu thơ văn của ông phải đốt hết, may mà một người học trò của ông còn chép lại được bản dịch đó, và lần này có lẽ là lần đầu tiên nó được công bố.

Đây chúng tôi xin giới thiệu đoạn cuối :

Vả thử ngẫm trong bầu vũ trụ,
Có vật gì không chủ đâu mà.
Vật gì chẳng phải của ta
Dẫu từ một mảy chớ hòa nhúng tay.
Chỉ trên nước hây hây gió thổi,
Với sườn non rỏi rọi trăng treo,
Tai nghe văng vẳng tiếng reo,
Mắt trông thấp thoáng có nhiều vẻ tươi.
Mặc sức lấy nào ai dám giữ,
Tha hồ tiêu vẫn cứ chứa chan,
Của trời kho đụn vô vàn
Mà đôi ta hãy chơi tràn là vui.

Khách mừng rỡ miệng cười tay rót,
Nhắm cạn rồi mâm bát ngổn ngang,
Kẻ lưng dựa gối trong khoang,
Quá say nào biết đã tang tảng ngày.

(trang 591)

⁂

Tất cả những bài thơ được tuyển đều chú thích kỹ lưỡng ; những bài chữ Hán, chẳng những chú thích mà còn dịch nghĩa, mặc dầu có bản dịch ra thơ của những thi nhân thời trước. Ông Đỗ-Bằng-Đoàn đã giữ đúng cách làm việc của ông trong cuốn *Đường thi trích dịch* ; soạn chung với ông Bùi-Khánh-Đản, là rán truy tầm điển cố.

Chúng tôi xin cử hai thí dụ :

1.— Hai câu thơ :

Tri túc tiện túc, đãi túc hà thời túc
Tri nhàn tiện nhàn, đãi nhàn hà thời nhàn

trong bài *Ngày tháng thanh nhàn* của Nguyễn-Công-Trứ (trg 246) ông chú thích :

« *Túy ngữ lục :*

Phú kham địch quốc, thán nhất mạnh chi vị cô. Vị cực nhân thần, hận cửu tích chi vị đắc, vi tạo vật giả bất diệc nan hồ ? Cổ viết : Tri túc tiện túc, đãi túc hà thời túc. Tri nhàn tiện nhàn, đãi nhàn hà thời nhàn. Nghĩa là :

Người giàu đến phú gia địch quốc, than thở cái mệnh không thể nào mua được (không mua được sống mãi). Người làm quan đến vị cực nhân thần, phàn nàn chưa được gia cửu tích : làm ông trời chẳng khó lắm thay, cho nên rằng : Biết đủ là đủ, đợi cho đủ thì bao giờ mới đủ. Biết nhàn là nhàn, đợi cho nhàn thì bao giờ mới nhàn ».

Quả là công phu. Chỉ hơi tiếc ông quên không giảng thêm « chưa được gia cửu tích », thành thử những người ít Hán học đọc vẫn chưa hiểu được hết nghĩa « Gia cửu tích » là được vua ban cho những vật như xe, ngựa, y phục, nhạc khí... để thưởng công lao lớn

2.— Hai câu thơ trong bài *Hòi Phỗng đá* của Nguyễn-Khuyến (trang 394) ;

Thanh sơn tự tiếu đầu tương hạc.
Thương hải thùy tri ngã diệc âu

Các sách thường chỉ giải nghĩa như vầy « Núi xanh tự cười đầu ta sắp trắng như lông con hạc ý nói đầu đã bạc ; biển biếc nào hay ta cũng là con chim âu (giống vịt nước hai bên đầu có hai chòm lông ; mũ ni các cụ già đội cũng có hai miếng vải hai bên để che tai) ; ý nói cảnh già » (*Quốc Văn trích diễm* của Dương-Quảng-Hàm).

Tác giả *Việt Nam ca trù biên khảo* viết :

« Núi xanh tự cười đầu sắp trắng như chim bạc (già rồi) ; Biển xanh ai biết ta cũng như chim âu (chim âu ví người ẩn dật.) »

Rồi lại chép thêm bài thơ bát cú *Cửu nhật* của Trương-Dưỡng-Hạo đời Nguyên trong đó cặp luận :

Vấn sơn tự tiếu đầu tương hạc.
Doanh hải thùy tri ngã diệc âu.

đã được Nguyễn-Khuyến sửa đi một chút để xen vào bài Hát nói của mình.

Chú thích rằng : « chim âu ví người ẩn dật » thì làm cho ý câu thơ sâu sắc

hơn, ý khởi trùng với câu trên, tâm sự thi nhân hiện rõ hơn. Chúng tôi không hiểu cổ nhân đã có ai ví chim âu với người ẩn dật không ; nhưng cứ xét chim âu có hai chòm lông như hai miếng vải che tai trên mũ ni các cụ già, mà câu « mũ ni che tai » của ta có cái nghĩa là « việc đời không buồn nghe nữa », thì giải nghĩa như soạn giả thực là hợp lý.

Còn hai tiếng « thùy tri » chúng tôi nghĩ cứ giảng như người trước là « biết đâu », có phần xuôi hơn là « ai biết », vì *thùy* có nghĩa là *ai ?* mà cũng có nghĩa là *sao ?* Như vậy, câu trên, *thanh sơn* làm chủ từ cho *tiếu* ; câu dưới *Thương-hải* làm chủ từ cho *tri*, đối càng chỉnh.

Nhiều bài thơ có thêm phần *Phụ chú* giúp người đọc hiểu thêm ý nghĩa hoặc giá trị của bài như Phụ chú ở trang 248 về bài *Ngày tháng thanh nhàn* của Nguyễn Công Trứ, Phụ chú ở trang 479 về bài *Đời đáng chán* của Nguyễn Khắc Hiếu. (bài này có thể coi là bài Hát nói hay nhất của Tản-Đà, tâm sự triền miên, gợi cho ta nhớ lại bài Tì-bà-hành của Bạch-Cư-Dị), Phụ chú ở trang 407 về bài *Gặp cô đầu cũ* của Dương Khuê...

Nếu tra được trong hoàn cảnh nào cổ nhân đã cảm hứng mà nên thơ thì soạn giả cũng chép lại cho ta, như trong Phụ chú những bài *Hỏi Phỗng đá* và *Mẹ Mốc* của Nguyễn Khuyến. (1)

Cuối bài *Câu đối ngày Tết* của Trần-Tế-Xương, soạn giả chép thêm một bài nữa cùng một đề tài, của ông Huấn đạo An Phong triều Tự Đức, giọng như giọng Giáo thụ Quốc Oai Cao-Bá-Quát Hai câu thơ :

Hoàng triều Tự Đức thiên vương thánh,
Từ phù An phong huấn đạo thần. (2)

ở thời xưa thật có giọng ngang tàng : chữ *thần* câu dưới tuy có nghĩa là bề tôi, nhưng đối với chữ *thánh* ở câu trên thì lại có ẩn nghĩa là thần thánh.

Đọc tiếp xuống mấy câu dưới :

Hỡi Huấn cái rằng hay chăng tá

ta lại nhớ tới đầu câu đối của Cao-Bá-Quát :

Nhà giáo ba gian, một thầy một cô, một chó cái.

. . . . . .

Chính những tài liệu như vậy đã giúp cho bộ sách hóa dễ đọc mặc dầu là khá dầy.

Cuối sách là chương Tiểu truyện các thi sĩ dày 50 trang chép đời 30 nhà, cũng theo thứ tự thời gian. Tác giả đã cố thu thập nhiều giai thoại về những thi sĩ thế kỷ trước như Nguyễn-Công-Trứ, Nguyễn-Quý-Tân, Cao-Bá-Quát Nguyễn-Khuyến... Đoạn viết về Trần-Tế-Xương có phần sơ lược quá.

⁂

Sau một cơn binh lửa kéo dài tám năm, mới tạm yên được sáu năm, lại kế tiếp một cơn binh lửa nữa, lần nầy chưa biết đến bao giờ mới hết. Sách cổ đã mất mát khá nhiều, mà những cụ già biết những truyện cũ, tục cổ mỗi ngày một thưa. Ở nước ta, mỗi cụ già qua đời thì gần như là một tủ sách bị đốt. Không chép lại lịch sử ca trù lúc này thì chỉ hai chục năm nữa, không còn ai chép được cả, vì cách tổ chức

(1) Chúng tôi nghe nói bài này của cụ Nguyễn-Thượng-Hiền, không biết thuyết nào đúng.

(2) Có người bảo hai câu này chính của Cao-Bá-Quát, thực hư cũng không rõ.

giáo phường, những lối ca trù, và cái không khí ca trù hồi xưa không ghi trong sách — cổ nhân viết sử không chú trọng đến những cái đó — chỉ còn ghi trong ký ức các cụ già thôi. Cho nên công việc của hai ông Đỗ-Bằng-Đoàn và Đỗ-Trọng-Huề thực là hợp thời, và kịp thời vì mới rồi các nhà hát đã bị đóng cửa.

Xét về phương diện trình bày thì sách có vài khuyết điểm, nhưng xét về tài liệu thì sách đáng gọi là quý.

Tiết Tổng luận về *Quá trình tiến hóa của ca trù* viết rất rành mạch, đã phác được cả một chương trình khảo cứu cho những người đi sau, mà tiết *Tổ chức giáo phường* và tiết *Những lối ca trù* cũng gợi cho những cơ quan khảo cứu Văn hóa cái trách nhiệm phải ghi âm lại những lối hát cổ ngày nay đã sắp mất. Văn hóa của ta nghèo thật, nghèo lắm, so với văn hóa các nước Pháp, Anh, Đức thì chẳng thấm vào đâu cả, nhưng nó có bản sắc của nó, nếu không cố nghiên cứu nó thì có tội với cổ nhân. Vạch đường và giúp tài liệu cho người khác nghiên cứu thêm, đó là cái công của soạn giả.

Đọc đoạn soạn giả chép tên những khúc hát đã thất truyền, như khúc *Bình Ngô phá trận* mà thời vua Lê-Nhân-Tông, các quan ở triều mỗi lần nghe tấu đều rơi lệ, rồi những khúc *Nam thiên nhạc*, *Ngọc lâu xuân*, *Đạp thanh du*, *Mộng du tiên*... mà ngày nay ta chỉ còn biết được cái tên, thì ai mà không ngùi ngùi cho số phận của văn hóa mình.

Ở những xứ như Pháp, Anh, Đức, Mỹ thì một tác phẩm như bộ V.N.C.T. B.K. này có thể thêm một phần nữa : phần ghi âm các điệu cổ. Ở nước ta, tư nhân không thể làm công việc đó được, nhưng Viện Quốc gia âm nhạc hay Đài Phát thanh thì dư sức. Chúng tôi nghe nói hình như còn một vài cụ già thuộc những lối hát thi mà hai ông Đỗ đã chép trong sách. Chúng ta có muốn làm việc thì vẫn còn thì giờ đấy, tốn kém chẳng bao nhiêu đâu, chỉ có vài chục điệu phải ghi âm thôi ; ghi âm vào đĩa hát rồi bán chắc cũng không lỗ vì số người ưa những điệu cổ lúc này chắc cũng còn được kha khá.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ-DO

hằng ngày các bạn hãy đọc

***nhật báo* TỰ-DO**

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ-DO

PASTILLES : { VANCO — MÙI « MENTHE »
CAM — MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tấn-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG TRÊN NƯỚC VIỆT

(từ cuối thế kỉ XIX đến giữa thế kỉ XX)

Nguiễn-Hữu-Ngư

Vụ lộn xộn trong giải Tinh-Việt năm rồi (vụ mà có báo mệnh danh là một xì-căng-đan văn nghệ), việc Nhất-Linh vì hoàn cảnh đặc biệt phải tạm khai tử các giải Thạch-Lam, Hoàng-Đạo, Khái-Hưng, vừa mới khai sanh tánh cách quan trọng của lễ phát phần thưởng văn chương toàn quốc hằng năm, khiến lắm độc giả tỏ ý muốn biết từ xưa tới nay, nước ta có những giải gì để khuyến khích văn chương, và các bạn tỏ ý muốn biết thêm chi tiết, tỉ như mục đích giải thưởng điều lệ, thành phần ban giám khảo, tiêu chuẩn chọn tác phẩm, tên các tác giả trúng tuyển, một ít dư âm của nó, nếu có.

Cho nên chúng tôi lần dở chồng sách cũ báo xưa, hỏi các bạn già văn để làm quà các bạn bài «góp nhặt dòng dài» này.

***

Chắc rằng xưa, hội Tao-Đàn ở bờ sông Hồng mà Lê-Thánh-Tông làm nguyên-súy, Chiêu-Anh các do họ Mạc chỉ huy ở cạnh hồ Đông, Mặc-Vân thi xã do Tùng-Thiện-Vương và Tuy-Lí-cũng Vương sáng lập ở bờ Hương-giang, đã có những cuộc thi thơ để phú người trong hội có dịp đua tài, nhưng đó chỉ là một cuộc « chơi » trong vòng nội bộ, nên chẳng có tiếng vang gì.

Ta phải chờ đến cuối thế kỉ trước mới thấy một giải thi có để lại dấu vết. Đó là :

Giải PHẠM-VĂN-TOÁN

Ông Phạm-Văn-Toán là một vị thượng thư lúc bấy giờ làm tổng đốc Hưng-Yên, nhân một cuộc hội linh đình ở đền làng Mậu-Dương mà mở một cuộc thi thơ.

Bài phải làm trên những chiếc thuyền đủng đỉnh trên mặt hồ của tỉnh, thuyền có treo đèn kết hoa, vào một buổi tối tháng ba năm mậu-tuất (1898). Đầu

đề là tám bài thơ vịnh Nguyệt-hồ (tức là hồ nói trên, hình nửa mặt trăng, nên còn có tên là Bán-Nguyệt hồ).

Hưng-Yên là một tỉnh văn vật, cho nên danh sĩ dự thi rất nhiều.

Phan-Mạnh-Danh chiếm giải nhất với tám bài luật thi tập cổ. Tiếc rằng nay gia đình họ Phan chỉ sưu tầm được có năm bài.

Thơ vịnh làm bằng Hán-văn, mỗi câu lấy ở một bài thơ cổ.

Giải thưởng rất là thanh nhã : chè Tàu ngon, bút Tàu tốt, giấy Tàu quí. Nhưng đã gây được cái không khí hào hoa và được văn nhân đất Bắc hồi ấy nhắc nhở.

Chúng tôi xin sao lại một bài nguyên văn với bản dịch, trong đó Phan-Mạnh-Danh tuy ghép lời người xưa nhưng đã ghi được một hình ảnh đương thời và một thái độ : đó là những cuộc yến ẩm hát xướng ở dinh tổng đốc thời ấy mà tác giả cho là có phần quá đáng :

TIẾT LÂU MỘ CỔ

Đoạn tục thanh tùng đoạn tục phong,
Song chùy tài kích tiện đông đông.
Tần thôi cửu bệ triều nghi túc,
Nhạ tác tam quân chí khí hùng ;
Yên thủy mộng hồn thiên lí nguyệt,
Lô vi thâm xứ kỉ phi hồng.
Phủ đài xao lí thần tiên nhạc,
Thôi đắc hoa khai nhất dạ hồng.

TIẾNG TRỐNG BUỔI TỐI Ở DINH TỔNG ĐỐC

Đứt nối tùy theo tiếng gió tung,
Dùi vừa mớm trống đã tùng tùng ;
Ngừa trông chín bệ oai như thế,
Tưởng thấy ba quân khí rất hùng.
Nước mây trăng lạnh giấc nồng,
Đìu hiu lau lách chim hồng mấy con.
Trên đài khúc nhạc đổ dồn,
Giục hoa đêm nở nghìn muôn tử hồng.

Ý-Viên HOÀNG-CẢNH-TUÂN *dịch*

Nhưng phải đợi bảy năm sau, mới có một giải thưởng văn chương mà vai trò người đề xướng, ban giám khảo và người trúng giải để lại dấu vết đậm đà trong lịch sử văn chương nước nhà buổi giao thời của Hán học và Tây học, đó là

Giải «ĐỀ THANH-TÂM TÀI NHÂN LỤC» *hay là* vịnh truyện Kiều chữ Hán

Hưng-Yên vốn một tỉnh văn vật từ xưa, lại nhờ vị trí địa dư mà thành như trung tâm văn hóa của thời bấy giờ. Nhất là khi Chu-Mạnh-Trinh cáo quan về hưu, vào năm Thành-Thái thứ XV (1903). Vị hưu quan hào hoa phong nhã này vốn «đủ mùi ca ngâm» : cầm, kì, thi, họa, môn nào cũng xuất sắc và lại say mê cái thú xướng ca. Danh sĩ tỉnh nhà và các tỉnh lân cận : Hà-Đông, Hà-Nam, Nam-Định, Thái-Bình... thường về Hưng-Yên để cùng nhau xướng họa ca ngâm.

Lúc ấy, vào đầu năm 1905, Lê-Hoan làm tổng đốc tỉnh này có cái cao hứng bắt chước những vị quan hào phóng Trung-Hoa xưa : mời mặc khách văn nhân thi tài. Chánh thức đề xướng và đứng ra tổ chức là vị quan tại vị họ Lê này, song linh hồn cuộc thi thơ lịch sử này lại là vị hưu quan họ Chu. Và chính cuộc «vui» này được hưởng ứng nồng nàn, có kết quả rõ ràng, là cũng nhờ có họ Chu trong đó.

Người ta thấy có sự hưởng ứng của các ông : cử nhân Châu-Thấp-Hi, cử nhân Nguyễn - Kì - Nam, cử nhân tri huyện Nguyễn - Tấn - Cảnh, cử nhân tri phủ Nguyễn - Chí - Đạo, cử nhân Đặng-Đức-Cường, và những khách tài hoa nức tiếng như Phan-Mạnh-Danh, Phan-Thạch-Sơ... và các danh sĩ khác ở Bắc-Hà.

Ban khảo duyệt là hai thi bá đương thời : *Yên-Đỗ* Nguyễn-Khuyến và *Vân-Đình* Dương-Lâm.

Đầu đề... thi là : vịnh hai mươi hồi trong truyện Kiều chữ Hán ; cứ mỗi hồi là vịnh một bài, Hán cũng được mà Nôm cũng được, mà làm cả Hán lẫn Nôm cũng trúng cách.

Thơ vịnh phải ăn với hai câu mào đầu hồi ; trên đầu mỗi tập thơ vịnh ấy có một bài tựa, làm theo lối tứ lục và bài thơ đề từ.

Thời hạn thi không thấy sách báo nào nói, nhưng theo lời ông Phan-Thế-Roanh, con cụ Phan-Mạnh-Danh, thì độ đâu vài tháng.

Kết quả : *Chu-Mạnh-Trinh*, quán quân về thơ Nôm ; *Châu-Thấp-Hi*, quán quân về thơ Hán.

Đáng lẽ có cuộc trao giải long trọng, nhưng vì thời cuộc một phần, vì ban tổ chức cũng hơi nhút nhát, nên chỉ có tuyên bố kết quả mà không có lễ phát giải.

Thành ra nay ta chẳng biết giải thưởng ban tổ chức định có những gì. Song ta có thể đoán với tinh thần thời đó, chắc là không có... tiền, mà chỉ có đồ văn phòng tứ bửu hoặc sách quí, trà ngon.

Có điều đáng nói trong cuộc chấm thi này, là ban giám khảo cho điểm từng bài rồi cộng chung cả hai mươi bài, ai điểm cao nhứt là được giải. Vậy người được quán quân không phải là tất cả các bài đều «hơn thiên hạ».

Cụ Phan - Mạnh - Danh có vài bài hay hơn Chu-Mạnh-Trinh, nhưng về toàn tập thì lại thua.

Thanh-Tâm tài nhân thi tập đã được người đồng thời ngợi khen, truyền tụng. Họ Chu nổi tiếng một phần lớn nhờ tập thơ này. Môn Quốc văn bậc Trung học đã ghi nó vào chương trình, từ thời Pháp thuộc.

Các sách Việt văn giáo khoa thư cấp Trung học đều có đăng một hai bài vịnh Kiều của Mạnh-Trinh, và bạn đọc nào muốn thưởng thức cả hai mươi bài vịnh với bài tựa bay bướm của họ Chu, xin tìm đọc quyển *Chu-Mạnh-Trinh* của Trúc-Khê và Tiên-Đàm (1). Chúng tôi chỉ xin sao lại bài vịnh hồi thứ chín, vì có lời phê đặc biệt của vị giám khảo *Tam-Nguyên* Nguyễn-Khuyến :

HỒI THỨ CHÍN

Cũng vẻ đa tài nhưng thiếu hạnh
Chôn người bạc mệnh bởi tham tiền.

LỜI BÌNH

. . . . . .

THƠ VỊNH

Những nghĩ chim lồng chấp cánh bay
Họa khi vận rủi có hồi may.
Làng Nho người cũng coi ra vẻ,
Bợm xỏ ai ngờ mắc phải tay.

---

(1) Cộng Lực xuất bản, Hà-Nội, 1943.

Hai chữ tin nhàn trao gác nguyệt,
Một roi vó kí tếch đường mây.
Mấu đơn vùi dập cơn mưa gió
Cái nợ yên hoa khéo đọa đầy.

Cụ Yên-Đỗ phê :

« *Rằng hay thì thật là hay,*
« *Nho đối với xô lão này không ưa* ».

***

Giải NGÔ-TÂM-THÔNG

« Cuộc thi thơ văn quốc âm.

« Ông Ngô-Tâm-Thông, điền chủ ở làng Tân-Giai, tổng Bình-An, tỉnh Vĩnh-Long (Nam-Kì), muốn khuyến khích tưởng lệ các nhà thơ văn trong ba kì, đặt ra một cuộc thi thơ văn, có ba phần thưởng :

hạng nhất : 300 $,
hạng nhì : 200 $,
hạng ba : 100 $.

« Thi làm một bộ tiểu thuyết hoặc bằng văn xuôi, hoặc bằng văn vần, theo ba thể như sau này, nhưng đều phải có ngụ ý về luân lí.

1) Tiểu thuyết về sự tích nước nhà, rút trong Nam sử (*roman historique*) ;

2) Tiểu thuyết về truyện phiêu lưu (*roman d'aventures*) ;

3) Tiểu thuyết về thế tục (*roman de moeurs*).

« Làm bằng văn xuôi thời quyển viết phải ít ra là 150 tờ giấy rộng (*papier écolier*), nghĩa là 300 trang ; làm bằng văn vần thời quyển viết phải ít ra là 100 tờ giấy rộng, nghĩa là 200 trang.

« Ông Ngô-Tâm-Thông có nhờ một hội đồng các quan thân Nam-Kì đứng chủ trương cuộc thi này, chánh hội đồng là quan đốc phủ Lê-Quang-Liêm tức Bảy, hiện làm đốc phủ tại tỉnh lị Bà-Rịa.

« Các nhà thơ văn Nam-Kì, Trung-Kì, Bắc-Kì, ai muốn dự thi cuộc này, xin viết thư cho quan đốc phủ Lê biết trước ngày *1er Décembre* 1924 kể rõ tên tuổi nghề nghiệp và chỗ ở.

« Hạn nộp quyển đến *1er Juin* 1925 thời hết.

« Khi nhận được cả các quyển thi rồi, hội đồng sẽ họp để chấm, đánh số điểm từ *10* cho đến *20* mà lại có nhân lên *(Coefficient)* theo như sau này :

Về lời văn... nhân lên 2
Về nghĩa truyện... nhân lên 2
Về luân lí... nhân lên 4.

« Nói tóm lại là chú trọng để nhất về những sách có bổ ích cho đường đạo đức, đường phong hóa mà lời văn gọn ghẽ, dễ nghe, lời truyện đặt để khéo léo.

« Hội đồng chấm đến 1er Novembre 1925 thì phải xong cả, và trong khoảng tháng Décembre 1925 sẽ phát thưởng tại hội Khuyến học Sài-Gòn. Nếu thưởng vào sự (*sic*) các văn sĩ Trung, Bắc-Kì thời sẽ gửi thưởng về nơi sở tại.

« Ai viết thư hỏi han gì về cuộc thi xin viết cho quan đốc phủ Lê đề là :

« Monsieur LÊ-QUANG-LIÊM
dit BẢY, đốc phủ sứ
à Baria (Cochinchine) »

Tin trên đấy vốn đăng ở tạp chí Nam-Phong, số 87, tháng IX-1924. Và lần đầu ở nước ta, một giải văn chương được công bố rõ ràng trên mặt báo : mục

đích, điều lệ, giải thưởng bằng tiền, hạn nộp...

Nhưng tiếc thay, nó không... đi đến đâu. Báo chí không ghi một điều gì thêm : kết quả ra sao ? giải thưởng phát ngày nào ? Và năm sau, không nghe có tổ chức lại.

Không ai dự thi ? Điều này chắc hơn là chẳng có tác phẩm nào được giải. Vì nếu điều sau này mà đúng, thì báo Nam-Phong có bổn phận hơn ai hết ghi một vài điều đã xảy, hay ít ra là năm tới, cuộc thi tiếp tục.

Đằng này, chẳng có lấy một tiếng vang... Mà không được hưởng ứng, vì sao ? Vì một cá nhân — dầu là mến chuộng văn chương và dư tiền của — vẫn không được văn nhân ủng hộ ? Vì người ta không tín nhiệm một người quan đã bóc lột trắng trợn đồng bào và tỏ ra quá trung thành với Pháp đứng đầu ban tổ chức : đốc phủ sứ Lê-Quang-Liêm? Vì ban hội đồng toàn là «các quan ? »

Nhưng sáng kiến của một cá nhân ở miền Nam (1) lại được một hội văn hóa miền Bắc thực hiện và thành công mĩ mãn.

Cũng trên mặt báo Nam-Phong, nhưng hai tháng sau, người ta thấy đăng thể lệ

Giải VĂN CHƯƠNG của hội KHAI TRÍ TIẾN ĐỨC

« Điều lệ thưởng văn chương của hội Khai-Trí ».

« Bắt đầu từ 1 tháng giêng năm 1925, hội Khai-Trí mở một cuộc thưởng văn chương để khuyến khích các nhà làm thơ làm văn trong nước.

I.— Giải thưởng có 4 hạng như sau :

1) Thưởng một bộ sách bằng vận văn.

2) Thưởng một bộ sách bằng tân văn.

3) Thưởng một vở tuồng lối cổ.

4) Thưởng một bộ sách bằng Pháp-văn (của người An-Nam làm).

II.— Sách vận văn phải là một bộ tiểu thuyết bằng vận văn, lối lục bát hay là lục bát gián thất, toàn thể ít ra là 200 câu.

III.— Sách tân văn thời có thể làm một bộ tiểu thuyết tả thực, hoặc về tâm lí, hoặc về tình trạng gia đình, xã hội, hay là một quyển sách nghiên cứu về một thời đại hay một nhân vật trong quốc sử, phê bình và nghị luận theo lối mới bỏ hết những sự huyền hoặc. — Sách tân văn phải ít ra là 200 trang giấy rộng.

IV.— Vở tuồng phải làm theo lối cũ lấy tích ở truyện ta hay truyện Tàu cũng được, lời văn thời theo giọng điệu cổ, duy phải xếp ra thành hồi thành cảnh có thể diễn trong một buổi được.

V.— Sách bằng Pháp văn thì bất cứ lối gì, miễn lời văn phải trôi chảy và có ý tứ. Sách phải dầy ít ra là 150 trang.

VI.— Bốn hạng trên kia đều định mỗi hạng là ba giải thưởng : giải nhất 300 $, giải nhì 150 $, giải ba 60 $; nếu hạng nào không có sách hay đáng thưởng thì giải thưởng ấy có thể để đến kì sau :

(1) Tưởng cũng nên ghi, hiện nay ở Vĩnh-Long, một trường tiểu học ở tỉnh lị lấy tên : *trường* Ngô-Tâm-Thông.

VII.— Sách dự thưởng phải gửi đến hội Khai Trí trước ngày 30 tháng 8 năm 1925. Sách không được đề rõ tên; phải đặt hiệu hay đánh dấu riêng, còn tên thì bỏ vào bao bì niêm phong gắn si cùng đưa với sách, khi nào xét mới mở ra.

VIII.— Các quyển dự thưởng bằng quốc văn phải làm bằng chữ quốc ngữ.

IX.— Hội Khai Trí sẽ đặt một hội đồng các nhà tân học cựu học có tiếng để xét và định giải.

X.— Phát thưởng định về hạ tuần tháng chạp Tây ».

(Nam-Phong, số 89, tháng XI-1924)

So sánh thể lệ hai giải văn chương này, hẳn các bạn thấy có điểm giống nhau. Và khiến ta có quyền tự hỏi : biết đâu giải Khai-Trí không được gợi ý từ giải Ngô-Tâm-Thông.

Uy tín của hội Khai-Trí lúc bấy giờ đã khiến giải này được toàn quốc chú ý.

Tiếc rằng có sự tị hiềm giữa báo Nam-Phong và hội Khai-Trí nên biên bản cuộc chấm thi chẳng đăng trên Nam-Phong số tháng giêng - hai 1926, mà đăng trên nhật báo : « Trung-Bắc tân văn », ngày 8 tháng 2 năm 1926.

Nam-Phong ra tháng ba năm 1926, đăng *Quả dưa đỏ* « phiêu lưu tiểu thuyết » *Đỗ-Nam-Tử* Nguyễn-Trọng - Thuật, chỉ ghi dưới nhan : *Được giải thưởng văn chương* hội *Khai-Trí năm 1925*, mà không nói rõ được giải nhất, nhì hay ba.

« *Quả dưa đỏ* » đến năm 1927 mới in thành sách. Và trong phần Phụ lục, tác giả có đăng lại mấy lời giới thiệu, phê bình, ghi cảm tưởng của các báo Đông-Pháp, Trung-Bắc và của Đông-Hồ và Trọng-Toàn. Đáng chú ý là tác giả kiểm duyệt mất một chữ. Ta tưởng cũng đoán được chữ gì, và nhờ đó ta biết « *Quả dưa đỏ* » được giải hạng mấy.

Chúng ta đọc : « Cái giải thưởng.... trăm bạc của hội Khai trí tiến đức ». Mà điều lệ chúng tôi sao lại trên kia cho ta biết mỗi loại đều có ba giải thưởng : giải nhất 300 đồng, giải nhì 150 đồng, giải ba 60 đồng, thế thì chữ chỉ con số, mà nhà Nho họ Nguyễn thế bằng ba cái chấm chỉ có thể là chữ *ba*.

Ta lí luận thế, tưởng là đúng, nhưng sự thật...

Mời bạn đọc qua lời sau đây của báo Trung-Bắc tân văn do Nguyễn-Văn-Vĩnh chủ trương, cùng bài lai cảo của hội Khai-Trí.

Cuộc thi văn chương của hội KHAI - TRÍ

« Chiều hôm qua, hồi 3 giờ, hội đồng Quản trị hội Khai-Trí đã họp tại nhà công quán để phát thưởng về cuộc thi Văn chương của hội đã mở ra từ ngày đầu năm, do quan thiếu Hoàng-Trọng-Phu là hội trưởng chủ tọa, quan công sứ Fouque ở Hà-Đông và hai ông chánh phó chủ khảo xét sách thưởng là quan tổng đốc Nguyễn-Văn-Bân và quan tổng đốc Chế-Quang-Ân cũng đến dự hội. Trong các sách gửi đến dự thí thì duy có một quyển tiểu thuyết *Quả dưa đỏ* **được giải nhì 150đ** (1) **mà thôi**. Tác giả là ông Nguyễn-Trọng-Thuật, quán làng Man-Nhuế, phủ Nam-Sách, tỉnh Hải-Dương. Không có giải nhất.

(1) Chúng tôi cho in đậm (Lời người sao).

« Ông hội trưởng có bảo tác giả đọc mấy đoạn sách cho hội đồng nghe, thì hội đồng lấy làm ngợi khen lắm.

« Sau đây xin đăng bản lai cảo của hội Khai Trí như sau này :

⁂

« Cuộc thi Văn chương của hội Khai Trí đã chấm xong. Cả thảy có bảy quyển thi : bốn quyển tiểu thuyết, một quyển truyện lục bát, một quyển tuồng và một quyển Pháp văn. Hội Khai Trí có cử ban Văn học của hội làm hội đồng xét và quan thượng Hải-Dương tiến sĩ Nguyễn-Văn-Bân làm chủ khảo. Hội đồng xét trong bảy quyển được một quyển tiểu thuyết đề là « *Quả dưa đỏ* » của ông Nguyễn-Trọng-Thuật ở Mạn-Nhuế, phủ Nam-Sách, Hải-Dương, **trúng giải nhì 150 đồng** (3). Hôm qua, chủ nhật, hồi 4 giờ chiều, tòa trị sự hội Khai-Trí đã họp ở hội quán để phát thưởng cho tác giả. Ngoài quyển được thưởng ấy, hội đồng xét ra có hai quyển nữa, tuy không trúng thưởng, nhưng các tác giả cũng đã dụng công, vậy định tặng lời khen, là quyển tiểu thuyết « *Kim-Anh lệ sử* » của ông Nguyễn-Văn-Ích và quyển tiểu thuyết « *Nho phong* » của ông Nguyễn-Tường-Tam ».

(*Trung Bắc Tân Văn*, số 2.669, ngày thứ hai 8 và thứ ba 9 tháng 2 năm 1962).

⁂

Quyển tiểu thuyết được giải đầu tiên của hội Khai Trí — giải văn chương mà ta có thể cho là giải văn chương toàn quốc đầu tiên — là một quyển tiểu thuyết mà tác giả nó cho vào loại phiêu lưu, vốn mượn tích ở một truyện triều Hùng-Vương, ghi trong « Lĩnh-Nam trích quái ».

Nhưng thật ra, nó chỉ có thể gọi là một quyển tiểu thuyết lịch sử, dựa vào thuyết « tiền thân ». Nó được giải vì văn viết đều, truyện kể có mạch lạc, kết cục rất có thi chung, và đề cao lời luân lí này : « Có lòng tin là mọi việc đều thành ».

Chúng tôi xin chép lại đôi đoạn của một bài báo và của một bức thư, để bạn đọc thấy lúc bấy giờ, tác phẩm trúng tuyển này được tiếp đón nồng nhiệt thế nào. Trên tờ « Đông-Pháp thời báo » ra ngày 19 tháng 8 năm 1927, ta đọc :

« Tuy quyển này mới ra đời mà cái danh thơm đã nồng nực suốt từ Bắc chí Nam đã mấy năm nay. Thật là một thiên trường thiên tiểu thuyết rất có giá trị trong làng văn ta, chỉ một cái giải thưởng... trăm bạc của hội Khai-Trí tiến đức cũng đủ là một bài giới thiệu rất hay rồi, không còn biết lấy lời chi khen tặng cho vừa nữa... »

Nhà thơ Đông-Hồ và nhà giáo Trọng-Toàn từ Hà-Tiên gởi ra Hà-Nội những lời sau đây (thư đề ngày 10-10-1927) :

« Đối với tản văn ở thời kì xây nền dựng móng này trong văn học sử nước nhà, sách « Quả dưa đỏ » thật đã chiếm được một cái địa vị khá cao quí (...)

« Chúng tôi tưởng sánh quyển tiểu thuyết « Quả dưa đỏ » này bên tản văn, giá trị thật chẳng kém gì quyển truyện Kiều bên vận văn. Vì nghĩa lí thâm trầm trong truyện, vì tính cách phổ thông trong dân gian. Có thể nói rằng trong

nước Nam, hạng người nào cũng đều đọc được quyển truyện ấy, trình độ học thức hơn kém mà lĩnh hội cái diện xứ nhiều ít, chớ cũng đều biết hay, thấy hay cả ».

Rồi hai người bạn này cùng đề « Quả dưa đỏ » :

... « *Cõi hoang đào bỗng trở nên nơi văn hóa,*
Nước non nhà, sự tích cũ, chí cương cường,
Gương tráng sĩ để ngàn sau.
Có tin thì lấp bể không lâu,
Không tin dẫu qua cầu chẳng trót.
Buổi nắng họ nhấp miếng dưa ngon ngọt,
Nhớ công ơn tài lược ai hơn.
An-Tiêm có chí « đỏ Nam ».

***

Theo chỗ chúng tôi được biết, thì giải Khai-Trí tiến đức chỉ có một năm, năm 1925. Các năm sau, không thấy nói đến. Và khoảng mười lăm năm sau, hội có tổ chức vài cuộc thi nho nhỏ, ra đề tài và thể văn, hoặc dịch thơ Pháp (chúng tôi còn nhớ có lần hội cho dịch bài thơ *Recueillement* của Baudelaire), nhưng chẳng được hoan nginh và cũng chẳng có ảnh hưởng gì.

(còn nữa)

NGUIỄN-HỮU-NGƯ

Kì sau : *Giải Tự-lực văn đoàn, giải hội Khuyến học Nam-Việt, hội Khuyến học Cần-Thơ, giải Alexandre de Rhodes, giải Nam-Xuyên...*

ĐÃ PHÁT HÀNH

Em Đốt Lá Rừng

Tập thơ thứ tư của nhà thơ tàn phế Thần-Liên, Lê-Văn-Tất

— in trên giấy danh thiếp có nền hoa màu hồ thủy.
— có 2 phụ bản họa phẩm của tác giả.

Bìa cứng mạ chữ vàng . . . 150 đ.

SÀIGÒN : Các nhà sách lớn Đô-Thành.

Ở XA : Xin gởi bưu-phiếu 150 đ. về Ông Phan-Văn-Tuần U.B.G.T.G.T.. 55, Pasteur — Sài-gòn.

chân dung • hồi âm

thơ lục bát Trần Thúc Vũ

I

Cây rưng bóng đội mưa dầm
Ngày thu sương đã mù giăng nẻo về
Cành xiêu đỗ lá dung nghi
Tường rêu, phố hẹp chiều che nón sầu

Cột dài với bóng chung nhau
Với mưa hơi với đường cau mặt buồn
Với đèn lu rã tay ôm
Với khăn tay ướt với hồn ngao du.

Ngày đi — đêm thắp sa mù
Lá giơ tay trổ mùa thu xuống chiều

II

Lên non dỗ đá hiền từ
Tay nương gió giáp mặt thu núi rừng
Ngày vui lá vẫy hồi âm
Đó khoang phô đợi mắt thầm đứng trông
Bây giờ đất cũng phiêu bồng
Đêm đo tỉnh lẻ mùa đông bùi ngùi
Hồn xanh với giấc đêm hơi
Bóng ru cây đứng mặt người mù tăm
Này mây với núi âm thầm
Tôi riêng ngồi dỗ thanh xuân cho người

Đó thung lũng cũ rong chơi
Với chim muông với cây đồi truy hoan

Lên non dỗ mộng điêu tàn
Dỗ tôi với dỗ trùng dương buồn rầu

T. T. V.

lê minh ngọc tưởng nhớ • *nguyễn đức tiếu* duyên sau

Rồi thôi, em đi về đâu ?
Hoa rơi lối ngõ, nắng vương đầu
Sắc chiều không tím như mình tưởng
Bàng bạc hoàng-hôn vạt áo màu

Có phải em về đấy không ?
Bốn trời ngơ ngác một tôi trông
Có hoa cúc nở vàng thu ấy
Vàng áo mơ vàng tuổi ước mong.

Có phải em về đấy không ?
Mưa vây mấy nẻo phủ tơ trùng
Em về đỏ thắm màu hoa phượng
Đỏ mộng duyên tình, đỏ nhớ nhung

Có phải em về đấy không ?
Nhẹ-nhàng gió đẩy lá vào song
Em về ? Đâu phải : trăng nghiêng gối
Phủ bóng cô đơn giấc lạnh-lùng

Mười tám đôi mươi, tôi hiểu gì
Yêu đương, dâng trọn một hồn si
Hàm răng cắn chặt đôi hàng chữ
Ép cứng trong lòng khổ biệt-ly

L. M. N.

Ta bẻ một cành hoa
Gieo trên dòng nước chảy

Hoa vèo, một thoáng qua
Rồi nằm trong nước xoáy

Ta bẻ một cành hoa
Gieo trên dòng nước xoáy

Hoa vèo, một thoáng qua
Ngàn thu đẹp biết mấy

Ta bẻ một cành hoa
Cắt đứng không gian ấy

Ta gieo một cành hoa
Cắt đứng thời gian đấy

Nước chảy, thời gian qua
Tự đây và nơi đấy

Ta bẻ một cành hoa
Đánh dấu tâm tư ấy

Ta gieo một cành hoa
Đánh dấu hồn thơ đấy

Để rồi thơ và hoa
Kỳ ngộ ngàn sau ấy

Dễ cảm tiền duyên xa
Ngoài nơi này thuở ấy

N. Đ. T.

• *thơ*

TEDDY

Nguyên tác của JEROME-DAVID SALINGER *

NGUYỄN-MINH HOÀNG dịch

— NẾU mày không chịu leo xuống lập tức thì đừng trách tao ác hôm nay. Nên nhớ là tao không nói giỡn.

Trong phòng có hai cái giường. Ông Mcardle nằm trên cái kê xa nhứt cửa sổ «hu-blô» và nói với Teddy như vậy. Ông thở dài làm như sắp khóc, bực dọc đạp cái mền mỏng đắp trên mình và rút hai bàn chân ra. Nhìn ông ta lúc đó ta có cảm tưởng là đột nhiên ông đâm ra gắt gỏng không duyên cớ với bất cứ thứ gì chạm tới thân thể gầy còm và phỏng nắng của ông. Ông nằm ngửa, chỉ mặc có mỗi cái quần ngủ, hai ngón tay mặt kẹp điếu thuốc đang cháy dở. Đầu ông kê hờ trong một dáng điệu hơi tục tĩu ngay trên thành giường bằng gỗ. Cái gối và cái gạt tàn thuốc lá của ông đều để dưới sàn gạch ở khoảng giữa giường ông và giường bà vợ. Ông không nhích mình lên, chỉ đưa cánh tay mặt trần và đỏ ửng vì nắng về phía cái bàn đêm, búng đốm tro ở đầu điếu thuốc và nói :

— Tháng mười, Chúa ơi ! Nếu tháng mười mà nóng như thế thì thà là tháng tám còn hơn.

Ông quay về phía Teddy, chờ một cơ hội gây sự với Teddy lần nữa.

— Ủa Teddy ? Mầy tưởng tao nói để đùa với mầy à ? Nói mãi có ích lợi gì cho tao ? Mầy làm ơn leo xuống.

Teddy đứng trên cái va-li da kiểu mới, hiệu Gladstone, thò đầu ra cửa sổ «hu-blô» để nhìn biển cho thật rõ. Nó mang một đôi giầy bố trắng dơ không thể tả, mặc một cái quần «soọt» quá dài và quá rộng, một cái áo chỉ đan rách một lỗ to bằng đồng hào trên phía vai phải, và — chi tiết bất ngờ, thú vị — thắt một sợi dây nịt bằng da cá sấu đen choáng lộn. Có lẽ nó cần được đưa đi cắt tóc vì tóc

* Tiểu sử tác giả : xin xem trên B.K. số 128 ngày 1-5-62.

nó dài quá, nhứt là phía sau ót. Tóc của phần đông những trẻ có cái đầu to, cái cổ ồm, đều dài như vậy cả.

— Teddy, mầy có nghe tao nói không ?

Teddy không nghiêng mình quá ra cửa sổ «hu-blô» như nhiều đứa trẻ khác. Nó dẫm hai chân thật thăng bằng trên nắp va-li, nhưng cái thể đứng của nó lúc bầy giờ cũng không vững lắm. Đầu nó thò hẳn ra phía ngoài. Tuy nhiên nó vẫn nghe rõ tiếng ông McArdle nói, thứ tiếng nói có một vẻ rất lạ. Hồi còn ở New-York mỗi ngày ông McArdle phụ trách không dưới ba buổi phát thanh trên đài vô tuyến. Ông có một giọng nói mà ta có thể gọi là giọng của xướng ngôn viên hạng ba. Giọng nói vừa ồ ề vừa rổn rảng khả dĩ làm mọi người bở vía. Những lúc ông không đi làm, giọng nói đó của ông lơ lửng giữa hai âm bực : hoặc trong và cao vút hoặc lạnh lùng và quan trọng như giọng phường tuồng. Chính lúc bầy giờ ông chuyển qua giọng trong và cao vút.

— Teddy ! Trời Đất ơi, mầy nghe tao nói chớ !

Teddy xoay mình, nhìn cha bằng cái nhìn ngây thơ, dò hỏi, nhưng không thay đổi vị trí của hai chơn trên va-li. Hai mắt nó, màu nâu lợt không to lắm, xệch nhẹ ; mắt bên trái xệch nhiều hơn mắt bên phải. Nó không xệch mắt đến cái độ khó coi khiến mọi người chú ý mà chỉ xệch vừa thôi. Chỉ những người nào có nhìn nó lâu và kỹ và có tự hỏi tại sao hai mắt nó lại không sâu hơn, nâu hơn, to hơn là mới nhận thấy được cái tật này của nó. Khuôn mặt Teddy đẹp một vẻ đẹp hiền nhiên tuy chưa nảy nở hết.

Ông McArdle nói :

— Tao muốn mầy leo xuống ngay Mầy định cho tao phải nhắc đến mầy mươi lần ?

Bà McArdle nói :

— Con cứ đứng yên.

Thấy rõ là bà bị chứng đau trong mũi dày vò từ sáng sớm. Bà mở mắt, nhưng chỉ mở vừa đủ để nhìn.

— Con đừng nhúc nhích một tí ti nào hết.

Bà nằm đè lên cánh tay mặt, quay lưng về phía chồng, nhích đầu trên gối để nhìn Teddy đang nghiêng mình qua cửa «hu-blô». Cái mền thứ hai kéo lên tận cằm chùm kín cả tay chơn cả thân hình có lẽ không mặc quần áo của bà.

Bà nhắm mắt lại, bảo Teddy :

— Con cứ nhảy. Dẫm nát cái va-li của ổng ra cho má.

Ông McArdle nhìn lưng vợ, dùng qua giọng nói thứ hai : lạnh lùng và quan trọng.

— À, tôi thật không ngờ. Tôi mua cái va-li hết hai mươi pounds, tôi nhã nhặn mời thằng nhỏ leo xuống còn bà thì bà xúi nó cứ dẫm lên. Thế là nghĩa lý gì ? Bà cho là ngộ chắc ?

Vẫn nhắm mắt bà McArdle nói :

— Cái va-li của ông nếu nó không chịu nổi sức nặng một thằng bé con

mươi tuổi thì tôi hỏi ông ông còn thiết giữ nó làm gì ?

Ông McArdle nói :

— Bà biết tôi ao ước gì không ? Ao ước làm thế nào cho đầu bà bể ra làm hai tôi mới vừa lòng hả dạ.

— Sao ông không làm ? Ông còn chờ gì nữa ?

Ông McArdle chống khuỷu tay, nhổm mình lên, giựi điếu thuốc lên tầm kiếng lót trên mặt bàn đêm, nói lẩm bẩm trong miệng :

— Rồi sẽ có ngày...

— Phải, rồi sẽ có ngày, một ngày thảm khốc, tim ông bỗng nhiên đứng lại.

Bà vẫn không rút hai cánh tay ra, quần cái mền chặt thêm vào mình rồi nói tiếp :

— Rồi sẽ có một đám tang nho nhỏ, rất sang. Mọi người sẽ băn khoăn không biết thiếu phụ đứng ở hàng đầu, mặc áo đỏ kia là ai mà lại liếc mắt đưa tình với chàng nhạc sĩ giữa lúc...

— Bà đã đi quá trớn, quá trớn đến cái độ vô duyên.

Nói xong ông McArdle nằm ngửa ra, im như khúc gỗ.

***

Suốt lúc ông bà McArdle cãi nhau Teddy quay mặt nhìn ra cửa sổ « hu-blô ». Nó nói thật chậm, rõ ràng từng tiếng một :

— Sáng nay hồi ba giờ ba mươi hai phút chúng ta gặp chiếc Queen Mary đi ngược chiều. Tôi báo tin nầy cho những ai cần biết. Nhưng chắc không ai cần biết cả.

Giọng nó có một âm hưởng lạ, đẹp, gổ ghề tựa như giọng của một vài đứa trẻ khác. Mỗi câu nói của nó gợi hình ảnh một hòn đảo nhỏ hoang vu, chung quanh có một vùng biển nhỏ toàn bằng rượu huýt-ky bao bọc.

— Tên bồi trên boong, tên mà Booper ghét, đã ghi tin nầy lên bảng đen.

Ông McArdle lên tiếng :

— Queen Mary... lúc nào cũng Queen Mary. Tao chỉ muốn mầy leo xuống.

Ông quay về phía Teddy :

— Mầy leo xuống ngay đi ! Đi cắt tóc hoặc đi làm bất cứ một cái gì khác tao thấy còn hay hơn.

Ông lại nhìn cái ót của bà vợ và nói tiếp :

— Chúa ơi, nó qui quái, tinh ranh sớm như vậy làm chi không biết !

Teddy nói :

— Con không có tiền.

Nó nắm cứng cạnh khuôn cửa « hu-blô », đặt càm lên mầy ngón tay, nói với bà McArdle :

— Nầy má, má biết cái anh chàng ngồi cạnh mình trong phòng ăn không ? Không phải cái anh chàng ồm thật ồm đâu. Anh chàng kia, cái anh chàng ngồi cùng bàn với anh chàng ồm. Ngay chỗ anh bồi đặt cái mâm.

— Ừm... ừm... Teddy. Con cưng của má. Để má ngủ thêm năm phút nữa. Con giỏi, má cưng.

Vẫn đặt cằm trên mấy ngón tay, vẫn đưa mắt nhìn ra biển Teddy nói :

— Má nghe con một chút thôi. Con nói cái nầy hay lắm. Lúc nãy anh chàng đứng trong phòng thể thao, ngay lúc Sven cận con. Anh chàng bước đến gần, gợi chuyện. Anh chàng đã nghe cuộn băng con thâu thanh lần chót. Không phải cuộn băng hồi tháng tư. Cuộn băng hồi tháng năm kìa. Anh chàng dã dự tiệc ở Boston trước ngày anh chàng qua Âu-Châu. Trong bàn tiệc có người quen với một người trong bọn Leidekker — anh chàng không nói rõ là ai — nên có mượn được cuộn băng chót của con và quay cho cả phòng tiệc cùng nghe. Hình như anh chàng thích lắm. Anh chàng là bạn của giáo sư Babcock và có vẻ một nhà mô phạm. Anh chàng nói với con là suốt mùa hè vừa rồi anh chàng đã ở tại trường đại học Trinity ở Dublin.

Bà McArdle nói :

— Ồ, họ quay cuộn băng trong buổi tiệc à ?

Bà đưa cặp mắt ngái ngủ nhìn hai bắp chân Teddy. Teddy nói :

— Hình như là vậy. Trong lúc có con đứng đó anh chàng nói về con rất nhiều với Sven. Nghĩ cũng bực mình.

— Sao lại bực mình ?

Teddy ngập ngừng :

— Con nói « cũng » bực mình. Con có thêm chữ « cũng ».

Ông McArdle nói :

— Cũng với không cũng ! Tao bảo mầy leo xuống.

Ông vừa châm xong một điếu thuốc khác.

— Bây giờ tao đếm tới ba. Một... mầy nghe chưa ?... Hai.

Mắt bà McArdle không rời hai bắp chơn Teddy. Thình lình bà hỏi :

— Mấy giờ rồi ? Đến mười giờ rưỡi con có đi tập bơi với con Booper không ?

Teddy đáp :

— Con còn nhiều thì giờ.

Vụt một cái nó thò đầu ra cửa « hu-blô », để yên như thế trong một lúc đoạn rút đầu vào vừa kịp để nói :

— Có người vừa hất qua cửa sổ một thùng rác đầy những vỏ cam.

Ông McArdle búng đồm tro trên đầu điếu thuốc, nói bằng một giọng châm biếm :

— Qua cửa sổ... Hừ, qua cửa sổ... Phải nói qua cửa « hu-blô », cậu bé ơi.

Ông nhìn bà vợ :

— Bà gọi Boston mau đi. Bà xin nói với nhóm Leidekker.

Bà McArdle đáp :

— Ồ, hôm nay sao ông lanh trí thế ? Tại sao ông không thử gọi mà lại bảo tôi ?

Teddy rút đầu vào, nói mà vẫn không nhìn lại :

— Mầy cái vỏ cam nổi lều bều, đẹp lắm. Thầy thích ghê.

— Teddy, lần nầy là lần chót. Tao đếm tới ba, rồi tao...

Teddy nói :

— Con nói thích không phải tại mấy cái vỏ cam nổi trên mặt nước mà là tại con biết chúng đang ở đó. Nếu con không trông thấy mấy cái vỏ cam con sẽ không ngờ được là chúng đang ở đó. Mà nếu đã không ngờ được là chúng đang ở đó con sẽ không thể nào nói được là chúng có ở trong đời. Một thí dụ hay nhứt để mình...

Bà McArdle nằm im dưới lớp mền, ngắt lời Teddy :

— Teddy, con đi tìm con Booper cho má. Nó ở đâu? Hôm nay má không muốn để nó đi lang thang dưới nắng cháy da.

Teddy nói :

— Má đừng lo. Con đã cho nó mặc một bộ quần áo xanh thợ máy. Kìa, có cái bắt đầu chìm. Trong vài phút nữa nếu ta còn thấy được hình ảnh mấy cái vỏ cam nổi trên mặt nước hình ảnh đó sẽ chỉ là hình ảnh còn sót lại trong tâm trí mà thôi. Hay thật. Nếu mình nhìn theo một lối nhìn nào đó thì chính nơi đó mới là nơi chúng bắt đầu nổi lên trước hết. Giả sử con không bao giờ đứng đó hoặc giả sử có ai đến chặt đầu con đúng vào lúc con...

Bà McArdle hỏi :

— Nó ở đâu ? Teddy con ngó má đây.

Teddy quay nhìn bà McArdle, hỏi lại :

— Má nói gì ?

— Con Booper ở đâu ? Má không muốn để nó đi lục lọi trong đồng ghề của người ta, hết phá người nầy đến phá người nọ. Nếu cái thằng cha...

— Nó ngoan lắm. Con đã đưa cho nó cái máy ảnh.

Ông McArdle chống một tay, ngồi vụt dậy, hét lên :

— Mầy đưa cho nó cái máy ảnh ? Thật mầy có ý nghĩ lạ đời. Cái máy Leica của tao ! Tao không thể chịu được một con nhỏ sáu tuổi mang cái máy...

— Con đã chỉ nó cách cầm cái máy, nó không làm rớt đâu mà ba sợ. Dĩ nhiên con đã lấy cuộn phim ra.

— Teddy, tao muốn lấy cái máy đó lại. Mầy nghe chưa ? Tao muốn mầy leo xuống ngay bây giờ và tao muốn cái máy ảnh quay về đây trong năm phút sau. Nếu không mầy sẽ không sống được với tao để thiên hạ gọi mãi mầy là bực thiên tài nhỏ. Mầy nghe rõ ràng chưa ?

Teddy xoay hai bàn chơn trên nắp va-li Gladstone rồi bước xuống. Nó cúi buộc lại dây chiếc giầy bên chơn trái, trong lúc đó thì ông McArdle vẫn chống khuỷu tay, nhổm mình lên, nhìn theo nó chăm chăm như một ông thầy nghiêm khắc.

Bà McArdle nói :

— Bảo với con Booper là má gọi. Con hôn má một cái đi.

Buộc xong sợi dây giầy Teddy hôn qua quít trên má bà McArdle. Bà rút cánh tay trái từ dưới lớp mền lên, vòng tay lại định ôm lưng Teddy, nhưng bà chưa kịp làm theo ý muốn thì Teddy đã lảng ra xa. Nó bước vòng ra phía bên kia, đi vào khoảng trống giữa hai cái giường và cúi xuống. Lúc nó ngửng lên tay trái nó đã kẹp cái gối của ông McArdle và tay phải nó đã cầm cái gạt tàn thuốc của cái bàn đêm. Nó chuyển cái gạt tàn thuốc qua tay trái, bước lại gần cái bàn đêm, lấy tay mặt hất tất cả tàn thuốc và tro thuốc vào trong cái gạt tàn thuốc. Trước khi để mọi thứ vào chỗ cũ nó lấy tay áo chùi lớp tro mỏng dính trên tấm kiếng mặt bàn. Sau đó nó lau cánh tay vào ống quần. Nó đặt cái gạt tàn thuốc lên tấm kiếng với một vẻ vô cùng thận trọng làm như cái gạt tàn thuốc, theo ý nó, cần đặt đúng vào trung tâm mặt bàn nếu không thì thà là không đặt vào đâu cả. Trong khi đó thì ông McArdle, nãy giờ vẫn nhìn nó chăm chăm, quay mặt đi đột ngột. Nó hỏi ông :

— Ba cần cái gối không ?

— Tao, tao chỉ cần cái máy ảnh.

Teddy nói :

— Ba nằm như thế mỏi lắm, không được đâu. Con để cái gối ở đây.

Nó để cái gối trên giường, cạnh hai chơn ông McArdle rồi bước ra phía cửa phòng.

Bà McArdle gọi với :

— Teddy. Con nói với con Booper là trước khi đi tập bơi nó hãy lên đây cho má bảo.

Ong McArdle hỏi :

— Sao bà không để con bé yên ? Nó được rảnh một chút là làm như bà không chịu được. Bà đối xử với nó như thế nào bà biết không ? Để tôi nói cho bà rõ. Bà đối xử với nó như đối xử với một con bé sắp phạm nhiều tội ác.

— Thế à ? Ông nói hay đó. Ông có biết là độ nầy ông tỏ ra rất giống người Anh không ?

Teddy dừng lại một lúc trước cánh cửa, xoay quả nắm sang phải sang trái với một dáng điệu trầm ngâm. Nó nói :

— Sau khi đi qua cánh cửa mình chỉ còn là một hình ảnh trong óc những người quen. Có thể mình chỉ là một cái vỏ cam.

Từ phía bên kia phòng bà McArdle vẫn nằm đè lên cánh tay mặt. Bà hỏi Teddy :

— Con nói gì ?

— Thôi đi nhanh đi. Lấy cái máy ảnh đem về đây.

— Con đến hôn má một cái. Một cái hôn thật kêu.

Teddy đáp lơ đãng :

— Bây giờ không được. Con mệt lắm rồi.

Nó đi ra và khép cửa lại.

***

Tờ báo xuất bản hàng ngày trên tàu được vứt nằm ngay trên ngưỡng cửa, một tờ giấy láng nhỏ, in một mặt. Teddey lượm tờ báo lên rồi vừa đọc vừa bước chậm chậm trong dãy hàng lang dẫn ra phía đuôi tàu. Từ đầu kia một người đàn bà to béo, tóc vàng, mặc bộ quân phục màu trắng cứng hồ đang đi lại. Bà ta bưng một chậu hoa hồng loại thân dái. Lúc đi ngang Teddy bà ta đưa tay trái khẻu đầu Teddy và nói :

— Tóc ai dài quá, sao không đi cắt cho rồi ?

Teddy ngừng lên, nhìn một cái nhìn thụ động, nhưng người đan bà đã đi xa và cũng không thiết ngoái đầu ngó lại. Nó lại chúi mũi vào tờ báo. Đi mút dãy hành lang, đến trước bức thang có bức bích họa to lớn vẽ tích Thánh George chém Rồng nó xếp tờ báo lại làm tư và nhét vào túi quần nhỏ bên hông trái. Sau đó nó leo mấy bức thang rộng, thấp, có phủ ta-pi để đi lên Boong giữa ở từng trên. Nó nhảy hai bức một, nhưng nhảy thật chậm. Nó vịn tay vào thành thang và tựa tất cả thân mình vào đó làm như đối với nó, cũng như đối với nhiều trẻ khác, công việc leo bức thang là một công việc tự nó có cái thú vui riêng. Lên tới Boong giữa nó đi thẳng lại bàn làm việc của viên quản lý nhưng chỉ gặp một cô gái đẹp mặc sắc phục hải quân đứng đó. Cô gái đang đóng mấy tờ giấy in rô-nêô lại thành từng tập nhỏ.

Teddy hỏi cô gái :

— Cô làm ơn cho biết hôm nay đến mấy giờ trò chơi mới bắt đầu.

— Xin lỗi, em nói chi ?

— Xin cô cho biết hôm nay đến mấy giờ trò chơi mới bắt đầu.

Cô gái nhếch đôi môi tô son cười với Teddy và hỏi :

— Trò chơi gì đó hả em ?

— Chắc cô đã biết. Cái trò đố chữ tổ chức hôm qua và hôm kia. Người ta đưa ra một câu và bảo mình phải tìm những chữ nào còn thiếu. Việc cần làm trước nhứt là phải sắp chữ thế nào cho gọn ý.

Lúc đó cô gái đang nhét ba tờ giấy vào cái máy đóng kim, cô ngừng ngay tay lại, nói :

— À, chắc phải chờ đến xế chiều, khoảng bốn giờ. Em thấy trò chơi có khó lắm không ?

Teddy bắt đầu bước lui ra và đáp :

— Ồ, không. Không khó lắm.

— Khoan đã em. Em tên gì ? Nơi cho tôi biết.

— Tên Theodore McArdle. Còn cô?

Cô gái mỉm cười :

— Tên tôi à ? Tên tôi là chuẩn úy Mathewson.

— Cô là chuẩn úy, cái đó tôi đã biết rồi. Tôi không dám nói chắc chắn lắm nhưng tôi nghĩ nếu có ai hỏi tên cô là gì đúng ra cô phải đáp cả tên lẫn họ. Hoặc Jane Mathewson hoặc Phyllis Mathewson hoặc bất cứ Mathewson gì gì đó

— Ồ, thế à ?

Teddy nói :

— Tôi nói « tôi nghĩ » vì tôi không chắc lắm ? Có lẽ bộ quân phục khiến mình khác đi chút ít. Dầu sao tôi cũng cám ơn cô. Chào cô.

Nó quay đi, bước đến bực thang dẫn lên Boong dạo mát, lại nhảy hai bực một và nhảy thật nhanh chớ không thật chậm như lúc nãy.

Đảo mắt tìm một lúc nó bắt gặp con Booper ở tít trên Boong chơi thể thao. Con bé ngồi chồm hổm trong một khoảng có nắng giữa hai sân tơ-nít vắng người. Không để ý đến ánh mặt trời đang chiếu thẳng vào lưng và cơn gió nhẹ đang thổi bay phất phơ mấy sợi tóc vàng óng như tơ, con bé để hết tâm trí vào việc xếp mười hai hoặc mười bốn quân cờ bằng nhựa thành hai chồng đều nhau : một chồng cho những quân cờ màu đen, một chồng cho những quân cờ màu đỏ. Một thằng bé con mặc bộ đồ tắm biển đứng gần đó, phía bên phải, theo dõi mọi cử động của con Booper.

Thấy Teddy bước lại, con Booper gọi lớn :

— Trông đây.

Nó bò lại, co hai cánh tay thành một vòng tròn quanh chỗ hai chồng quân cờ để chỉ cho Teddy thấy công trình của nó, để ách rời công trình đó với tất cả phần còn lại trên tàu. Nó gắt gỏng nói với thằng bé con đứng cạnh :

— Myron, bóng của mầy che hết cả, anh tao làm sao thấy được. Mầy xê ra đi.

Nó nhắm mắt chờ thằng Myron bước lui, mặt nhăn lại có vẻ không vừa ý. Teddy đứng nhìn hai chồng quân cờ bằng cái nhìn của người biết thưởng thức, gật gù :

— Hay lắm. Đều lắm.

Con Booper chỉ thằng Myron và nói:

— Thằng nầy, từ nào đến giờ nó chưa nghe nói đến cái bàn cờ. Ba má nó không mua bàn cờ cho nó.

Teddy liếc nhìn Myron thật nhanh, nói với Booper :

— Nầy, cái máy ảnh ở đâu ? Ba bảo trả cho ba lập tức.

Booper nói với Teddy :

— Nó không ở New - York như mình. Ba nó chết rồi, chết trận mãi bên xứ Triều-Tiên.

Nói xong nó quay sang thằng Myron và hỏi :

— Có phải vậy không ?

Không đợi câu trả lời nó nói tiếp luôn :

— Bây giờ nếu má nó chết như ba nó nó sẽ mồ côi. Cả đến điều nầy nó cũng không biết nữa.

Nó ngó lại Myron.

— Có phải vậy không ?

Myron dè dặt, khoanh hai tay, không đáp. Con Booper nói :

— Mầy là thằng ngốc nhứt trên đời, ngốc nhứt trên tàu này. Mầy có biết mầy ngốc hay không hử ?

Teddy nói :

— Nó ngốc hồi nào ? Myron, đừng thèm nghe nó. Mầy không ngốc đâu. (nói với Booper) Mầy để ý nghe tao một chút. Cái máy ảnh đâu ? Đưa cho tao ngay. Cái máy ảnh đâu ?

— Đàng kia.

Nhưng con Booper không chỉ rõ hướng nào. Nó thu hai chồng quân cờ lại gần và nói :

— Bây giờ tao cần có hai tên khổng lồ. Tao cho tụi nó đánh cờ với nhau đến khi nào mệt lả, rồi tao cho tụi nó trèo lên ống khói tàu, ném quân cờ tứ phía, giết hết mọi người.

Nó nhìn thẳng Myron, nói bằng giọng sành đời :

— Hai tên khổng lồ giết ba má mầy chết cả. Nếu ba má mầy không chết tao chỉ cho mầy một cách. Mầy trộn thuốc độc vào bánh rồi đưa cho ba má mầy ăn.

Cái máy Leica nằm nghiêng trong một cái rãnh nhỏ cách đó mấy bước, sát thành bao lơn sơn trắng của Boong thể thao. Teddy bước lại, nắm cái quai da, xách máy ảnh lên và đeo vào cổ. Nhưng ngay đó nó cởi ra, đưa cho Booper, nói :

— Booper, mầy giúp tao. Đem dùm tao xuống dưới Bây giờ mười giờ rồi. Tao còn phải viết cho xong mấy trang nhựt ký.

— Em không rảnh.

Teddy nói :

— Giúp tao. Dầu sao mầy cũng phải xuống vì má gọi mầy ở dưới.

— Anh nói láo.

— Không, tao không nói láo đâu. Má gọi mầy thật. Luôn tiện đem máy ảnh xuống cho ba dùm tao... Đi đi Booper.

Booper hỏi :

— Sao má lại gọi em ? Em, em có thích gặp má đâu.

Lúc đó Myron thò tay định lấy một quân cờ màu đỏ. Booper ngó thấy, đánh mạnh vào tay Myron, nạt lớn :

— Bỏ tay ta.

Teddy choàng sợi dây đeo của cái máy ảng Leica qua cổ Booper, nói :

— Không, tao không nói láo đâu. Đem cái này xuống cho ba lập tức, lát nữa ra hồ bơi mầy sẽ gặp tao. Đúng mười giờ rưỡi tao chờ mầy ở đó hoặc ở ngay trước cửa chỗ mầy thay quần áo. Nhớ đến đúng giờ. Mầy đừng quên là phải đi xuống Boong E, phải đi trước giờ một chút. Tao biết tánh mầy hay dềnh dàng lắm.

Nói xong Teddy quay lưng đi thẳng. Con Booper hét lớn :

— Thấy mà phát ghét ! Tôi ghét, ghét hết mọi người trên mặt biển nầy.

*
* *

Phía dưới Boong thể thao một từng là Boong dành cho hành khách trên tàu tắm nắng. Trên boong nầy có độ bảy mươi lăm cái ghế bố dài xếp thành dãy, bảy tám dãy tất cả. Dãy nầy cách dãy kia khá xa, đủ rộng để anh bồi tàu đi tới lui mà không chạm phải đồ đạc lặt vặt của hành khách đang nằm tắm nắng — giỏ đựng chỉ và kim đan, tiểu thuyết đủ loại, dầu rám nắng, máy ảnh v.v.. Lúc Teddy đến nơi, boong chật ních những người là người. Nó đi ngược lên, bắt đầu từ dãy ghế chót, dừng lại trước mỗi cái ghế có người nằm hay không có người nằm để đọc tên ghi trên cạnh ghế. Một vài hành khách nói đùa với nó, lối nói đùa thường thấy của bọn người lớn với một đứa trẻ con mười tuổi mà họ cho là chỉ có một ý nghĩ duy nhất trong đầu. Toàn bộ những cử chỉ và dáng điệu của nó có một vẻ gì khiến mọi người khi đứng trước nó không biết phải có thái độ thế nào: kính nể hay thương hại ? Một phần cũng tại bộ quần áo nó mặc trên mình. Lỗ rách trên vai áo nó không đẹp đẽ gì cho lắm, quần thì vừa dài lượt thượt vừa rộng thùng thình.

Teddy tìm thấy bốn cái ghế dài có nệm của ông McArdle trong dãy ghế thứ hai, ở phía trước. Nó ngồi vào cái ghế giữa (để đừng có ai lạ ngồi gần bên cạnh) duỗi thẳng hai chân trắng nuột trên ghế và rút ra từ trong túi quần nhỏ bên hông phải một quyển sổ tay loại rẻ tiền. Lúc đó đột nhiên tâm trí nó ngưng đọng lại để chỉ chăm chú vào một điểm. Nó lật quyển sổ làm như trên đời chỉ còn có nó và quyển sổ đó thôi — ánh mặt trời không còn, các hành khách đồng hành không còn, cả đến chiếc tàu cũng không còn nữa.

Ngoài một vài dòng chú thích ghi bằng bút chì thường trọn quyển sổ đều chép bằng bút chì nguyên tử. Lối viết chữ trong quyển sổ thuộc lối viết thường thấy dạy trong các trường học Mỹ, thay cho phương pháp Palmer cũ kỹ. Chữ viết dễ đọc tuy không đẹp-đẹp lắm và điều đáng chú ý là không gò bó chút nào. Thoạt nhìn ta sẽ không tìm thấy một điểm kỹ thuật sơ hở nào giúp ta đoán biết những chữ và những câu kia là do bàn tay của một thằng bé viết.

Teddy đọc lại rất kỹ và rất lâu đoạn đã viết kỹ rồi. Tất cả đoạn nầy gồm hơn ba trang giấy.

« Nhựt ký ngày 27 tháng 10 năm « 1952.

« Vật sở hữu của Theodore McArdle.

« Phòng 412 Boong A.

« Một số tiền tặng thưởng xứng « đáng dành cho bất cứ ai tìm thấy « quyển sổ nầy và trao trả ngay cho « Theodore Mc Ardle.

« Xem có thể tìm được mấy tấm « lắc » quân nhân của ba không. Nếu « tìm được thì đeo ngay. Mình không « chết chóc gì mà ba cũng thích.

« Nếu có dịp và có đủ kiên nhẫn « thì phúc đáp bức thư của giáo sư « Mandell. Bảo ông ta đừng gởi loại « sách sưu tầm thi ca cho mình nữa. « Mấy quyển ông ta gởi kỳ rồi đủ « cho mình đọc suốt một năm. Lại « nữa thi ca làm mình đâm ngầy. « Có một người nọ đi dài trên bãi « biển, rủi thay bị một trái dừa rớt « đúng vào đầu. Đầu người nọ nứt « bể làm hai. Người vợ chạy đến, « hát nghêu ngao. Thấy hai mảnh đầu « chồng nàng liền cúi nhặt. Dĩ nhiên « nàng buồn ghê buồn gớm và khóc « than thảm thiết làm mình phải mủi « lòng theo. Tôi sợ thi ca vì cớ đó. « Mình thử tưởng tượng người vợ « lạnh lùng nhặt hai mảnh đầu chồng, « áp hai mảnh đầu vào miệng, hét to « lên vì giận dữ : « Thôi đi ! » Khi « phúc đáp bức thơ cần nhứt không « nên nhắc đến chuyện não lòng nầy. « Có thể khiến mọi người hiểu lầm « ý tốt của mình, hơn nữa bà Man- « dell lại là thi sĩ.

« Phải hỏi thăm địa chỉ của Sven « ở Elizabeth, New-Jersey. Nếu gặp « vợ Sven và con chó Lindy của Sven « thì lại hay hơn nữa. Tuy mình « không thích nuôi chó mấy.

« Viết thơ chia buồn với bác sĩ « Wokawara, ông ta sưng thận. Bảo « má cho mình địa chỉ mới của ông « ta.

« Sáng mai trước lúc ăn sáng, thử « lên Boong thể thao để xem từ nay « có thể dùng nơi nầy làm chỗ trầm « tư mỗi sáng không. Nhưng mình « phải giữ sao cho tâm thần lúc nào « cũng sáng suốt. Cũng phải làm thế « nào để khỏi ngất xỉu trong phòng « ăn mỗi khi anh bồi hầu bàn làm « rớt cái muỗng múc canh. Ba giận « sôi lên vì việc đó.

« Ngày mai lúc đem sách trả cho « thơ viện nhớ tra tự điển tìm nghĩa « những chữ và những thành ngữ « sau đây :

« Sưng thận

« Nhiều như cát Hằng-Hà

« Của thừa bổ thí

« Ngón lưu manh

« Chia ba thiên hạ

« Nên tỏ ra khả ái hơn với người « coi thơ viện. Lúc ông ta mở lời « làm quen phải tìm chuyện nầy « chuyện nọ trao đổi lấy lòng».

Đọc xong Teddy móc từ trong túi quần ra một cây bút chì nguyên tử nhỏ, mở nắp và loay hoay viết. Nó tì quyển sổ lên bắp về phải thay vì tì lên cạnh ghế.

« Nhật ký ngày 28 tháng 10 năm « 1952

« Địa chỉ và số tiền tặng thưởng vẫn « giống như đã ghi trong hai ngày « 26 và 27 tháng mười 1952. Không « có gì thay đổi về hai khoản này.

« Sáng nay, sau lúc trầm tư mình « đã viết thơ cho những người có « tên kể sau đây :

« Bác sĩ Wokawara

« Giáo sư Mandell

« Giáo sư Peet

« Burgess Hake, Jr

« Roberta Hake

« Sanford Hake

« Bà Hake

« Ông Graham

« Giáo sư Walton

« Đáng lẽ mình phải hỏi má để xem
« ba đã cất mấy tầm «lắc» quân nhân
« của ổng ở đâu, nhưng nếu mình
« hỏi, chắc chắn bả sẽ trả lời là
« mình có cần đeo «lắc» đâu mà hỏi
« Mình biết chắc ổng bả có đem theo
« vì lúc sửa soạn hành lý mình thấy
« ổng bả để mấy tầm «lắc» trong va-li.

« Theo ý mình, tất cả mọi người
« trong đời đều là ăn mày một lũ,
« vì cuộc đời có khác gì món đồ
« thừa người ta bố thí cho mình.

« Mình nhận thấy giáo sư Walton
« đã tỏ ra thiếu khôn khéo trong việc
« ông ta chỉ trích ba má. Ông ta muốn
« ai cũng giống theo một khuôn vạch
« sẵn. Điều mình dự định hoặc phải
« xảy ra chính hôm nay hoặc phải đợi
« đến ngày 14 tháng hai 1958, lúc mình
« được mười sáu tuổi. Ghi lại ở đây
« nghĩ cũng tức cười.

Viết xong câu chót Teddy giở mũi viết lên, đăm đăm ngó vào trang giấy làm như sắp sửa viết một câu khác tiếp theo.

Nó không ngờ có một người đứng một mình đang theo dõi nó từng cử chỉ. Người đó là một chàng thanh niên đứng tựa vào bao lơn tàu, phơi đầu ngoài nắng chói cách dãy ghế thứ nhứt độ năm, sáu thước. Chàng ta đứng như thế đã gần mười phút. Lúc bấy giờ hình như chàng ta đang quyết định một điều gì, chàng ta rút chân gác trên thành bao lơn ra, đứng lặng, nhìn về phía Teddy một lúc, đoạn quay lưng đi xuống boong phía dưới. Một phút sau chàng ta trở lên, đi giữa mấy dãy ghế. Chàng trạc khoảng ba mươi tuổi. Chàng tiến thẳng lại chiếc ghế Teddy. Bóng chàng ta đổ dài trên mấy quyển tiểu thuyết, trên mấy cái giỏ đựng kim và chỉ đan để bừa bãi trên boong.

Teddy mắc chăm chú vào quyển sổ, chàng thanh niên đứng sát ghế nó lúc nào nó cũng không hay. Một vài hành khách nằm quanh đó nhìn chàng thanh niên tỏ ý khó chịu, nhưng chàng ta vẫn điềm nhiên, đút tay vào túi quần và gọi :

— Hê-lô !

Teddy ngước nhìn lên, đáp :

— Hê-lô !

Quyển sổ được khép lại, một phần do bàn tay của Teddy khép, một phần do chính quyển sổ tự khép một mình.

Chàng thanh niên hỏi Teddy, giọng vô cùng khả ái.

— Em cho tôi ngồi đây một lát Ghế nầy có ai không ?
Teddy đáp :

— Bốn cái ghế đó của ba má tôi, nhưng giờ nầy hai ông bà chưa thức dậy.

Chàng thanh niên nói :

— Chưa thức dậy ? Bỏ phí một ngày đẹp như thế nầy ?

Nói xong chàng ta nằm xuống chiếc ghế bên phải Teddy. Hai chiếc ghế gần nhau đến nỗi tay hai người chạm nhau.

Chàng thanh niên tiếp :

— Phí thật, quả phí thật.

Chàng duỗi hai chân ra, hai chân to bằng cả một thân người. Chàng ăn vận giống bọn người đi tắm biển : khúc trên tóc hớt cao, khúc dưới giày đinh mòn gót, khúc giữa quần màu xám tro, áo sơ-mi hở cổ. Nói tóm, chàng ta có dáng dấp một sinh viên ở Yale, Harvard hoặc Princeton.

Chàng ta thở phào khoan khoái, nheo mắt nhìn mặt trời :

— Ồ, Chúa ơi. Một ngày thần tiên thật. Thời tiết như thế nầy đáng thích biệt chừng nào.

Chàng ta tréo hai chân và tiếp :

— Thật thế, tôi oán nhứt mùa mưa, gặp một ngày mưa đầu là ngày mưa đúng thời đúng tiết tôi cũng xem như bị ai chửi ngay vào mặt. Cho nên đối với tôi một ngày nắng ráo như thế nầy là cả một đặc ân của trời đáng cho mình ghi nhớ.

Giọng nói của chàng thanh niên tỏ ra chàng thuộc hạng người có giáo dục, nhưng lại không được tự nhiên vì hình như chàng cho rằng có kiểu cách như vậy khi lọt vào tai của Teddy hoặc của bất cứ ai giọng nói đó mới càng làm mọi người thấy rõ cái vẻ thông minh và trí thức của chàng. Chàng liếc nhìn Teddy, mỉm cười và hỏi :

— Con em, em nghĩ thế nào về thời tiết ?

Nụ cười của chàng rất ân cần nhưng vẫn là một nụ cười xã giao, một nụ cười khơi đầu câu chuyện và cũng có thể là một nụ cười hời hợt không tiết lộ một chút gì sâu kín ẩn náu trong đáy lòng người.

Chàng thanh niên hỏi tiếp :

— Thời tiết có gây ảnh hưởng rõ rệt gì đối với em không ?

Teddy đáp :

— Tôi không quan tâm mấy, tôi không cho vấn đề thời tiết là vấn đề dính dáng đến chính bản thân tôi. Anh định hỏi tôi như thế phải không ?

Chàng thanh niên cười, ngả đầu ra phía sau :

— Hay lắm. Tôi tên Bob Nicholson. Tôi không biết có phải chính nhờ năng gặp nhau ở phòng thể thao mà mình biết tên nhau không. Riêng tôi, dĩ nhiên là tôi biết tên em.

Teddy dồn sức nặng của thân mình lên một chân, nhét quyển sổ tay vào túi.

Nicholson chỉ tay lên phía trên và nói :

— Tôi đứng trên kia, nhìn em viết hí hoáy nãy giờ. Phải nói là em đã hì hục viết không kể mệt.

Teddy nhìn chàng thanh niên :

— Tôi chép một vài thứ lặt vặt trong cuốn sổ tay.

Nicholson gật đầu, mỉm cười, hỏi tiếp để kéo dài câu chuyện :

— Em cho tôi biết cảm tưởng về Âu Châu của em. Em thấy thích Âu Châu chớ ?

— Thích lắm, cám ơn anh.

— Em đã viếng qua những xứ nào ?

Teddy khom mình xuống, lấy tay gãi bắp chơn, đáp :

— Nếu kể tất cả ra đây thì phải nhiều thì giờ lắm. Ba má tôi có đem xe hơi theo, chúng tôi đi đây đi đó khá nhiều. Má tôi và tôi đã viếng Edinburgh ở xứ Ê-Cốt và Oxford ở Anh. Hình như trong phòng thể thao tôi đã thuật cho anh nghe chuyện tôi được giới trí thức ở hai nơi nầy phỏng vấn. Nhứt là lúc tôi đến thăm trường đại học Edinburgh.

— Không, em chưa thuật với tôi chuyện đó. Tôi vẫn nghĩ ít ra họ phải phỏng vấn em. Té ra lại đúng y như vậy. Họ có hỏi nhiều không ?

Teddy hỏi lại :

— Xin lỗi, anh nói chi ?

— Họ hỏi em những gì ? Chắc là thú lắm.

Teddy đáp :

— Lúc thì thú lúc thì không. Chúng tôi ở lại quá lâu. Ba tôi muốn quay về New-York trước chuyến tàu nầy một chút. Nhưng lại có một bọn từ Stockholm bên Thụy-Điển, từ Innsbruck bên Áo tới để gặp mặt tôi thành ra chúng tôi phải ở nán lại.

— Luôn luôn là vậy.

Lần đầu tiên Teddy nhìn thẳng vào mặt chàng thanh niên. Nó hỏi :

— Anh có phải là thi sĩ không ?

Nicholson đáp :

— Thi sĩ à ? Ồ không phải, than ôi không phải. Sao em lại hỏi tôi như vậy ?

— Tôi cũng không biết tại sao. Bọn thi sĩ lúc nào cũng cho vấn đề thời tiết là một vấn đề riêng tư của họ. Lúc nào họ cũng cảm xúc vì những cái không bao giờ biết cảm xúc là gì.

Nicholson mỉm cười, thò tay vào túi áo lấy thuốc lá và diêm quẹt. Chàng ta nói :

— Tôi cũng đang cho rằng công việc của bọn thi sĩ đúng ra chỉ gồm có bấy nhiêu đó. Đối với họ vấn đề quan trọng có phải chăng là vấn đề cảm xúc.

Teddy có vẻ — hoặc vô tình hoặc cố ý — không nghe Nicholson nói. Nó lơ đãng nhìn hai ông khói phía trên boong thể thao.

Nicholson đốt điếu thuốc một cách khó khăn vì lúc bấy giờ có một ngọn gió nhẹ từ phương Bắc thổi đến. Chàng ta ngả người trên ghế và nói :

— Tôi hiểu vì sao lúc em đi rồi bọn người kia đã hoang mang không ít...

Teddy nói đột ngột :

— Trong giọng hát của con ve sầu không có dấu hiệu gì chứng tỏ con ve sầu sẽ chết. Chiều mùa thu trên quãng đường nầy không một bóng người đi.

Nicholson mỉm cười, hỏi :

— Mấy câu vừa rồi là mấy câu gì ? Em làm ơn đọc cho tôi nghe lần nữa.

— Đó là hai bài thơ Nhựt. Trong thơ không có thứ cảm xúc rẻ tiền thường thấy.

Nó vụt đứng thẳng người, nghiêng đầu, lấy tay vỗ nhẹ vào lỗ tai bên phải :

— Tôi bị nước lọt vào tai từ buổi tập bơi hôm qua.

Nó vỗ vào tai thêm hai cái nữa đoạn ngồi xuống ghế, tì hai khuỷu tay lên hai cạnh ghế. Ghế của nó là loại ghế dành cho người lớn, nó nằm lọt gọn vào giữa trông nhỏ xíu nhưng thật ra nó có vẻ rất thoải mái, thanh thản nữa.

Nicholson nhìn Teddy, nói :

— Nếu tôi không lầm thì em đã làm cho một bọn ở Boston phải kinh ngạc vì em. Như kỳ vừa rồi. Gần trọn nhóm Leidekker. Hình như tôi đã kể cho em nghe chuyện tôi gặp Al Babcock tháng sáu vừa rồi. Ngay tối đó tôi được nghe cuộn băng thâu thanh buổi trắc nghiệm.

— Phải, anh có kể chuyện đó.

— Tôi cho rằng họ hoang mang không ít. Theo lời Al nói với tôi thì đêm đó — đêm cuộc băng được thâu thanh — hai bên đã đấu trí với nhau nẩy lửa.

Chàng ta hít một hơi thuốc lá, nói tiếp :

— Theo lời nhiều người kể lại với tôi thì hôm đó em đã tiên đoán nhiều điều khiến họ rụng rời cả bọn. Có đúng vậy không ?

Teddy đáp :

— Tôi muốn biết tại sao nhiều người lại đi lầm thần nghĩ rằng vấn đề cảm xúc là một vấn đề quan trọng. Như ba má tôi chẳng hạn. Theo ý hai ông bà một kẻ nào không có trong đầu một lô một lốc những chuyện buồn, những chuyện bực mình và cả những chuyện giả dối nữa, kẻ ấy không phải là con người bình thường nữa. Ba tôi rất hay cảm xúc, cảm xúc cả trong lúc ổng đọc báo hàng ngày. Tôi thuộc bọn người không được bình thường trên bảng xếp hạng của ba tôi.

Nicholson búng đồm tro ở đầu điếu thuốc, hỏi Teddy :

— Như vậy có nghĩa là em không hề biết cảm xúc là gì ?

Teddy suy nghĩ một hồi lâu và đáp :

— Dầu tôi có biết cảm xúc như mọi người đi nữa tôi cũng sẽ không nhờ được gì về những dịp cảm xúc đã qua. Cái khả năng cảm xúc tôi không biết nó sẽ giúp ích mình trong những việc gì.

Nicholson hỏi một câu khiến ta thấy rõ chàng ta không để tâm trí vào câu hỏi :

— Em yêu Thượng-Đế phải không ? Đó có phải chăng, em cho phép tôi được nói, là sức mạnh của em ? Theo những điều tôi nghe được trong cuộn băng thâu thanh và theo những lời Al Babcock đã nói với tôi thì...

Teddy gật đầu :

— Đúng như vậy. Tôi yêu Thượng-Đế, nhưng không phải yêu bằng tình cảm. Thượng-Đế không bao giờ bảo phải yêu người thuần bằng tình cảm. Nếu tôi là Thượng-Đế tôi sẽ không thích được mọi người yêu bằng tình cảm. Tình yêu như vậy không bền.

— Em yêu ba má em, có phải vậy không ?

— Phải, tôi yêu nhiều lắm. Nhưng chắc chắn là anh muốn tôi dùng chữ « yêu » theo cái nghĩa thường dùng của anh.

— Đúng vậy. Riêng em em định dùng chữ đó theo một nghĩa thế nào ?

Teddy suy nghĩ một lúc ; sau đó nó quay sang Nicholson, hỏi :

— Anh hiểu nghĩa của chữ « cảm tình » không ?

— Tôi chỉ hiểu một cách lờ mờ.

Teddy nói :

— Đối với ba má tôi tôi có rất nhiều cảm tình. Ba má tôi và tôi, chúng tôi cần nhau để mỗi người có thể tìm thấy một lối sống hòa hợp riêng cho bản thân mình. Ba má tôi còn sống với tôi ngày nào tôi muốn sao cho ba má tôi được yên vui ngày nấy, vì tôi biết ba má tôi thích thế. Nhưng ba má tôi lại không yêu em tôi là Booper và tôi như vậy. Tôi muốn nói hình như ba má tôi không thể yêu chúng tôi bằng một tình yêu trọn vẹn, yêu cả những điểm không được hoàn hảo của chúng tôi. Hình như nếu không bị cải anh em tôi đôi chút thec ý muốn tình yêu đó của ba má tôi sẽ lợt t lần. Ba má tôi yêu chúng tôi, cái đó đã hiển nhiên rồi, nhưng ông bà lại còn yêu cả cái lý lẽ đã khiến ông bà yêu chúng tôi nữa. Đôi khi ông bà còn xem cái lý lẽ đó quan trọng hơn chính chúng tôi. Như thế mới là một điều buồn.

Teddy lại quay sang Nicholson, hơi nhổm mình lên và hỏi :

— Xin lỗi anh, anh có giờ không ? Đến mười giờ rưỡi tôi phải đi tập bơi.

Không nhìn đồng hồ ngay, Nicholson đáp :

— Em còn thừa thì giờ.

Sau đó chàng ta vén tay áo, thong thả nói :

— Mười giờ mười phút đúng.

Teddy ngồi lại xuống ghế, nói :

— Cám ơn anh. Chúng mình còn nói chuyện với nhau được hơn mười phút nữa.

Nicholson rút một chân ra khỏi ghế, nghiêng mình tới trước, đạp tắt đóm lửa ở đầu điếu thuốc. Sau đó chàng ta ngả người trên ghế, nói với Teddy :

— Nếu tôi hiểu không lầm thì chính em là người đã chủ trương

triệt để thuyết tiến thân của phái Phệ đà.

— Anh không nên gọi đó là một lý thuyết mà phải gọi là cả một sự tham...

Nicholson ngắt lời:

— Tôi đồng ý.

Rồi chàng mỉm cười, giơ hai bàn tay làm như định ban phép cho ai, nói:

— Lúc nầy chúng ta không nên cãi nhau về điểm đó. Em hãy để tôi nói hết.

Chàng tréo hai chân lại:

— Theo những điều tôi nghe nói về em tôi được biết do một cuộc trầm tư định tưởng em đã khám phá rằng trong kiếp trước em là một bậc tu hành khổ hạnh bên Tây Trúc, nhưng về sau em đã bỏ xa mối đạo ít nhiều để bắt đầu nhuốm bụi hồng trần.

Teddy nói:

— Kiếp trước tôi không phải là một bậc tu hành như anh nói mà chỉ là một người tiến được khá xa trên phương diện tinh thần thôi.

Nicholson nói:

— Chung qui thì cũng thế. Nhưng có một việc chắc chắn là trong cuộc đời tiến kiếp lúc sắp thành chánh quả em đã phạm lỗi lầm khiến bao nhiêu công tu niệm phải trôi theo dòng nước. Có đúng vậy không hay là tôi đã...

Teddy nói:

— Đúng vậy. Tôi gặp một người đàn bà và tâm thần tôi xao xuyến đến nỗi tôi bỏ cả việc tham thiền.

Nó lấy hai tay để trên cạnh ghế xuống, ấp hai bàn tay lên đùi như để sưởi nóng hai bàn tay:

— Tuy nhiên bằng cách nầy hay bằng cách nọ tôi cũng bắt buộc phải đầu thai vào một hình hài khác để trở lại cõi trần. Tôi muốn nói với anh là công quả của tôi chưa viên mãn lắm. Dầu tôi không gặp người đàn bà kia đi nữa lúc chết tôi cũng chưa thể quay thẳng về cõi tự tại ngay mà còn phải chịu thêm một kiếp luân hồi. Nhưng nếu thắng như trong tiền kiếp tôi không bị lụy vì người đàn bà kiếp nầy có lẽ tôi sẽ nhẹ tội hơn, không phải thác sanh trong hình hài một công dân Mỹ. Tôi nói thế để anh hiểu là ở Mỹ mình không dễ gì mà sống được một cuộc đời ẩn dật để chỉ chú trọng vào việc trau dồi những khả năng tinh thần của chính bản thân mình. Thiên hạ sẽ cho mình là một kẻ dối đời. Chính ba tôi đã nghĩ về tôi như thế. Riêng về má tôi thì bả cho rằng sẽ có hại cho sức khoẻ của tôi nếu tôi cứ nghĩ mãi đến những vấn đề siêu việt.

Nicholson nhìn Teddy chăm chú, cố tìm hiểu nét mặt của Teddy. Chàng ta nói:

— Trong cuộn băng thâu thanh kỳ chót em đã tiết lộ rằng lúc em giao tiếp lần đầu tiên với cõi u linh để hiểu một vài lẽ huyền vi của vũ trụ

em vừa lên sáu tuổi. Có phải vậy không ?

Teddy đáp :

— Lúc được sáu tuổi tôi đã bắt đầu nhận thấy mọi vật trong đời đều là Thượng-Đế, tôi sửng sốt đến nỗi bao nhiêu tóc trên đầu tôi đều dựng đứng cả lên. Tôi còn nhớ, hôm đó là một ngày chúa nhựt. Lúc đó em tôi còn là một đứa hài nhi, nó đang uống sữa. Thình lình tôi nhận thấy *nó* là Thượng-Đế và *sữa nó uống* cũng là Thượng-Đế. Tôi muốn nói việc uống sữa của em tôi lúc đó chỉ là một việc cầm Thượng-Đế rót vào Thượng-Đế. Anh hiểu ý tôi không ?

Nicholson nín lặng. Như chợt nghĩ thêm được một điều gì Teddy nói tiếp :

— Nhưng hồi vừa bốn tuổi tôi đã làm được một việc lạ là thỉnh thoảng tôi có thể bước ra ngoài những kích thước qui định sẵn của cõi thế gian nầy. Chỉ thỉnh thoảng thôi, chớ không thường lắm.

Nicholson gật gật đầu :

— Thật à ? Em làm như vậy được ?

Teddy đáp :

— Phải. Tôi làm được. Tôi đã nói kỹ trong cuộn băng... hình như trong cuộn băng hồi tháng tư. Tôi cũng không nhớ rõ.

Nicholson lại thò tay vào túi lấy thuốc lá, không rời mắt ngó Teddy. Chàng ta cười khan một tiếng rồi hỏi :

— Em làm thế nào mà bước được ra ngoài những kích thước qui định sẵn ? Lấy một thí dụ tầm thường mà nói, một khúc gỗ lúc nào cũng vẫn là một khúc gỗ. Có một bề dài, có một bề ngang...

Teddy ngắt lời :

— Không phải. Anh lý luận sai ở điểm nầy. Mọi người ai cũng *tưởng* rằng tất cả sự vật trên cõi đời nầy đều có một giới hạn, tất cả sự vật rốt cuộc phải ngừng lại ở một nơi nào đó. Nhưng thật ra không phải vậy. Chính tôi đã cố giải rõ điểm nầy cho giáo sư Peet hiểu.

Nó nhích đít qua một bên trên ghế, móc trong túi ra một cái khăn tay trông vô cùng bẩn mắt — một cục vo tròn màu xám — đưa lên mũi, hỉ mũi một hồi và nói tiếp :

— Nếu đối với mắt ta mọi vật *hình như* có một giới hạn, đó chẳng qua vì ta chỉ biết nhìn mọi vật theo có mỗi một chiều. Và như thế không có nghĩa là chân lý của mọi vật phải tùy thuộc lối nhìn thiển cận của ta.

Nó nhét cái khăn vào túi, nhìn Nicholson và nói :

— Anh chịu khó giơ cánh tay lên, một phút.

— Giơ cánh tay ? Để chi ?

— Anh cứ làm theo lời tôi. Giơ một phút thôi.

Nicholson giơ cánh tay lên khỏi ghế độ vài phân và hỏi :

— Giơ cánh tay nầy ?

Teddy gật đầu. Nó hỏi :

— Anh gọi cái đó là gì ?

— Cái gì ? Cái nầy ? Cánh tay tôi chớ cái gì ? Một *cánh tay*.

— Anh làm sao biết được đó là một cánh tay ? Anh biết mọi người gọi đó là một cánh tay, nhưng anh làm thế nào để biết rõ đó là một cánh tay chớ ? Anh dựa vào bằng chứng nào để gọi đó là một cánh tay ?

Nicholson rút trong gói lấy một điếu thuốc, châm lửa, hít một hơi và nói :

— Tnành thật mà nhận xét thì phải nói là em ngụy biện. Tôi gọi đó là một cánh tay bởi vì một cánh tay là một cánh tay. Bởi vì trước hết mình cần chánh danh ; danh có chánh thì mình mới phân biệt được vật nầy vật nọ. Tôi nghĩ em không thể...

Không nao núng Teddy nói :

— Anh giở qua giọng một nhà luận lý học rồi.

Nicholson hỏi lại, rất lễ phép :

— Em bảo tôi giở qua giọng gì ?

— Giọng một nhà luận lý học. Câu trả lời của anh tỏ cho tôi thấy anh có một bộ óc bình thường, thông minh. Tôi đang cố giúp cho anh hiểu. Anh hỏi tôi đã làm cách nào để bước được ra ngoài những kích thước qui định sẵn của khoảng không thời gian. Khoa luận lý của anh không giúp được gì cho tôi hết. Muốn thành công tôi đã gạt nó qua một bên.

Nicholson lấy ngón tay gỡ một miếng thuốc lá nhỏ dính trên đầu lưỡi.

Teddy hỏi :

— Anh biết ông A Dong không ?

— Biết ai ?

— A Dong. A Dong trong Kinh Thánh.

Nicholson mỉm cười :

— Biết. Nhưng không được nhìn ông ta tận mặt.

Teddy tỏ dấu ngập ngừng.

— Xin anh đừng giận. Anh hỏi tôi một câu, tôi cố...

— Em tưởng tôi giận em à. Ồ, không phải vậy đâu.

— Tốt lắm. Chắc anh đã nghe nói đến quả táo mà A-Dong đã lỡ ăn trong vườn Địa Đàng theo Kinh thánh ? Anh biết trong quả táo đó có gì không ? Có thứ lý luận của anh. Thứ luận lý đó và một mớ những tri thức khác. Trong quả táo chỉ có bấy nhiêu. Vì vậy — theo ý tôi — nếu ta muốn nhìn được chân tướng sự vật, việc đầu tiên phải làm là mửa hết mọi thứ đó ra. Mửa tất cả, mửa xong anh sẽ không còn băn khoăn vì những khúc gỗ anh vừa nói với tôi hoặc vì những món lăng nhăng khác. Anh sẽ nhận thức được tánh cách bất tận của mọi vật trên đời. Anh sẽ thấy được bản thể của cánh tay anh, nếu quả anh muốn thấy. Anh hiểu ý tôi không?

Nicholson đáp cộc lốc :

— Tôi hiểu em rồi.

Teddy nói tiếp :

— Cái khó là phần đông thiên hạ lại không thích nhìn chân tướng của

sự vật. Họ muốn bước mãi vào cái vòng luân hồi sanh sanh tử tử. Lúc nào họ cũng muốn thác sanh vào những hình hài mới, thay vì ngừng lại, ở gần Thượng đế, hưởng một cuộc đời nhàn lạc.

Nó suy nghĩ một hồi, rồi lắc đầu:

— Tôi chưa từng thấy một lũ ăn táo u mê như vậy bao giờ.

Lúc đó có một anh bồi mặc áo trắng, đi len giữa mấy dãy ghế, đến trước mặt Teddy và Nicholson, hỏi hai người có muốn ăn cháo sáng hay không. Nicholson không trả lời. Teddy đáp thay :

— Không, cám ơn anh.

Anh bồi quay lưng đi thẳng.

Nicholson búng đốm tro trên điếu thuốc nói với Teddy đột ngột :

— Tôi hỏi em câu nầy, nếu ý em không thích trả lời em cứ làm theo ý, đừng ngại ngùng gì hết. Người ta đồn em đã nói cho nhóm Leidekker — gồm có Walton, Peet, Larsen, Samuel và vài người khác — biết trước họ sẽ chết lúc nào, sẽ chết ở đâu, sẽ chết vì duyên cớ gì nữa. Có đúng vậy hay không đúng? Nếu em không thích trả lời, tôi không bắt buộc em, nhưng theo như lời ở Boston người ta đồn đãi.

Teddy đáp rất rõ ràng :

— Không, thiên hạ đồn sai. Tôi chỉ nói cho nhóm Leidekker biết những điều mà họ cần hiểu tâm cần thận thôi. Tôi đã khuyên họ làm một vài việc mà tôi thấy sẽ có ích cho họ... Tôi không tiên đoán cái chết. Tôi không bao giờ cho rằng sổ mạng là một cái gì mà mình không tránh được.

Nó lại rút cái khăn tay ra, lại hỉ mũi. Nicholson lắng chờ, mắt nhìn nó đăm đăm.

— Tôi không tiên đoán cái chết của giáo sư Peet. Trước hết, ông ta không có mặt trong bọn đã xúm xít quanh tôi để hỏi ba hoa đủ thứ. Tôi chỉ khuyên giáo sư Peet đến đầu tháng hai đừng đi dạy học. Tôi chỉ nói có bấy nhiêu.

Nó ngả người trên ghế, nín lặng một lúc đoạn nói tiếp :

— Mấy giáo sư khác họ ép tôi nói cho họ nghe nhiều thứ. Lúc đó buổi trắc nghiệm chánh thức đã tan, cuộn băng cũng đã thâu thanh xong. Đêm đã khuya, họ ngồi vây lấy tôi, hút thuốc, nói đùa.

Nicholson hỏi gặn :

— Quả thật em không có nói chẳng hạn cho Walton, cho Larsen biết ngày giờ chết và trường hợp chết của họ sao ?

Teddy đáp quả quyết :

— Không. Tôi đã định không nói, nhưng họ cứ hỏi mãi. Chính giáo sư Walton đã khơi chuyện trước. Ông ta bảo muốn biết lúc nào ông ta chết để có thể định trước những việc phải làm. Mấy người khác cũng nói đại khái như Walton . . . Thành ra tôi có tiết lộ cho họ biết qua đôi chút.

Nicholson không nói gì cả. Teddy tiếp :

— Nhưng tôi không nói rõ họ sẽ chết lúc nào. Thiên hạ đần lắm. Nói rõ cho họ biết về cái chết của họ đối với tôi cũng không khó khăn gì lắm, nhưng tôi biết trong thâm tâm họ không thích nghe những điều như vậy. Họ là giáo sư thần học, triết học thật đó nhưng họ lại sợ chết vô cùng.

Nó lại im lặng trong một lúc lâu, đoạn nói :

— Nghĩ cũng ngốc thật. Chết là gì ? là thoát ra cái hình hài vật chất chớ có gì đâu mà họ lại sợ đến mất ăn mất ngủ. Suốt nghiệp luân hồi mình đã nhào qua lộn lại cái vòng sanh tử có đến hàng triệu lần rồi. Họ không nhớ nên họ tưởng cái chết là một cái gì mới lạ đáng cho họ rùng mình. Ngốc thật.

Nicholson nói :

— Có thể, nhưng có một sự kiện luận lý là mặc dầu ở trình độ trí thức nào...

Teddy ngắt lời Nicholson :

— Ngốc, ngốc lắm. Tôi lấy một thí dụ : năm phút nữa tôi sẽ đi tập bơi và một chuyện như thế này có thể xảy ra. Tôi xuống đến hồ bơi và gặp đúng lúc trong hồ bơi không có nước (vì người ta đem thay nước trong hồ hoặc vì bất cứ một chuyện gì đó mình không rõ được). Tôi men đến mép hồ để nhìn đáy hồ chẳng hạn, lúc đó em tôi đi chợt đến, nó xô tôi Tôi té xuống, sọ tôi vỡ ra và tôi chết ngay lập tức.

Teddy nhìn Nicholson.

— Chuyện có thể xảy ra như vậy. Em tôi mới sáu tuổi, những kiếp trước nó đã thác sanh trong lốt thú, vả lại giữa nó và tôi lại có một mối tiền oan nghiệp chướng. Chuyện rất có thể xảy ra. Như vậy có gì đáng cho mình xem là thảm khốc? Tôi muốn nói có gì đáng cho mình run sợ ? Tôi chỉ việc hành động đúng theo bổn phận của tôi. Có thể thôi, có phải không anh ?

Nicholson cười cái cười dễ dãi.

— Em thì em nghĩ rằng một chuyện như vậy không có gì đáng cho em gọi là thảm khốc, nhưng ba má em chắc chắn sẽ không nghĩ được như em. Em có nghĩ tới điều nầy không ?

— Có, tôi đã nghĩ, nhưng đó là tại ba má tôi hành động theo thói thường thiên hạ, bạ một chuyện vặt gì xảy ra cũng cảm xúc, cũng buồn rầu lấy được.

Nó lót hai bàn tay dưới đùi, rút hai bàn tay ra, đoạn đặt hai cánh tay lên ghế ngó Nicholson và nói :

— Anh biết Sven ? Cái lão trông coi phòng thể thao ? (Nicholson gật đầu) Bây giờ tôi đưa một thí dụ đêm nay Sven nằm mộng thấy con chó của lão ta chết, như vậy nhứt định suốt thời một gian mộng mị lão ta sẽ đau khổ lắm vì theo anh biết con chó rất được lão ta cưng nhưng đến sáng lúc lão ta thức dậy, thấy mọi cái vẫn đâu vào đó, lão ta sẽ vỡ lẽ biết chuyện đêm qua chỉ là chuyện chiêm bao.

Nicholson gật đầu :

— Tôi hiểu vậy. Đúng ra em định kết luận thế nào ?

— Thế nầy : giả sử đến sáng con chó của Sven chết thật. Cái đau khổ lúc chiêm bao và cái đau khổ lúc tỉnh giấc 2 cái sẽ khác thế nào ? Tôi thấy cũng thế mà thôi. Nhưng Sven lão lại không nghĩ thế. Vì lão còn mê ngủ, phải đợi đến lúc chết lão mới bừng mắt thấy rõ sắc hướng của cuộc đời.

Nicholson lơ đãng đưa bàn tay mặt bóp nhè nhẹ phía sau ót. Bàn tay trái của chàng được đặt nằm vô tư trên cạnh ghế. Nicholson kẹp điếu thuốc chưa đốt trong hai ngón tay, ngồi trong nắng chói, có vẻ xanh xao và mất hẳn dạng người.

Bỗng Teddy đứng lên, nói :

— Bây giờ tôi phải đi. Tôi sợ lắm.

Nó rón rén ngồi xuống mảnh gỗ, gác chân trên chiếc ghế, đối mặt với Nicholson, bắt đầu nhét vạt áo vào quần :

— Tôi chỉ còn độ 1 phút rưỡi để đến kịp giờ tập bơi. Hồ bơi ở tận phía cuối boong E.

Nicholson hỏi đột ngột :

— Em nói cho tôi rõ tại sao em lại khuyên giáo sư Peet đến đầu tháng hai nên ngưng dạy học. Tôi quen Bob Peet, vì thế tôi mới hỏi em.

Teddy thắt lại sợi dây nịt da cá sấu.

— Bởi vì tôi thấy giáo sư Peet có thể tiến xa trên đường tu niệm. Công việc dạy học ngăn trở không ít sự nẩy nở của tinh thần. Mà ông ta thì lại ôm đồm nhiều môn quá. Đã đến lúc ông ta cần vứt bỏ bớt những mối lo nghĩ trong đầu, ông ta cầu mửa ra ngoài một phần của quả táo trước kia ông ta ăn phải.

Teddy đứng lên.

— Tôi phải đi. Tôi không thích đến trễ.

Nicholson ngước nhìn Teddy, cố ý lưu Teddy lại.

— Nếu em có quyền thay đổi phương pháp giáo dục em sẽ bắt đầu làm gì trước hết ? Em đã nghĩ đến chuyện nầy chưa ?

Teddy nói :

— Tôi phải đi.

— Em trả lời cho tôi câu hỏi nầy thôi. Em cũng biết, hiện tôi rất quan tâm đến vấn đề giáo dục. Tôi là giáo sư, vì thế tôi mới hỏi em.

— Tôi sẽ làm gì trước, chính tôi tôi cũng không rõ lắm. Nhưng, tôi tin tôi sẽ không bắt đầu dạy theo lối cũ rích thường thấy dạy trong các trường học.

Nó khoanh tay suy nghĩ một lúc.

— Tôi nghĩ trước hết, nên cho gọi tất cả các trẻ em lại và chỉ cho chúng biết cách suy tư hữu hiệu. Tôi cố dạy chúng cách khám phá bản tướng của chính mình chớ không phải chỉ dạy cho chúng nhớ cái tên của chúng và một mớ các món linh tinh khác... Tôi nghĩ có lẽ trước đó nữa, tôi nên

gột rửa những điều sai lầm mà cha mẹ chúng và bao nhiêu người khác đã nhồi vào óc chúng. Nghĩa là nếu cha mẹ chúng bảo chúng coi voi là một giống thú to lớn, tôi sẽ cố đả phá quan niệm đó. Sự to lớn của con voi rất tương đối. Nó chỉ to lớn khi nào ta đem nó so sánh với một vật gì khác — với con chó với người đàn bà chẳng hạn.

Teddy suy nghĩ thêm một lúc nữa.

— Tôi cũng sẽ không bảo chúng là con voi có một cái vòi. Nếu tôi có trong tay một con voi tôi sẽ đem con voi ra cho chúng thấy. Tôi sẽ để chúng bước đến gần con voi, hai bên sẽ tìm hiểu nhau, chúng không biết gì nhiều về con voi cũng như con voi không biết gì nhiều về chúng. Với cỏ, với những vật khác cũng thế. Tôi cũng sẽ không bảo chúng màu của cỏ là màu xanh. Màu sắc chỉ là những cái tên suông. Tôi muốn nói, nếu anh dạy chúng cỏ màu xanh, sự đó sẽ khiến chúng chờ đợi thấy cỏ thể hiện ra trong mắt chúng dưới một sắc hướng nhứt định nào đó — thứ sắc hướng mà vô tình anh đã gán cho cỏ — thay vì dưới một sắc hướng khác thích ứng hơn, phong phú hơn... Anh hiểu chớ ? Tôi sẽ làm cho chúng mửa ra hết, mửa những miếng táo mà cha mẹ chúng và nhiều người khác đã bắt chúng ăn.

— Như vậy tôi e rằng em sẽ vô tình chung đào tạo một thế hệ gồm một lũ người si ngốc chăng.

Teddy đáp :

— Không, tôi không tưởng thế. Lũ trẻ của tôi sẽ không si ngốc hơn con oi, con chim hay gốc cây anh thấy. Không phải vì một vật hiện ra với anh dưới hình sắc này thay vì dưới hình sắc nọ mà anh bảo vật đó là si ngốc.

— Không à ?

— Không. Hơn nữa, nếu chúng học những thứ khác — tên gọi của mọi vật, màu sắc của mọi vật, bản thể của mọi vật — sau nầy khi chúng lớn khôn hơn tôi sẽ cho chúng toại nguyện. Nhưng điều cần là chúng phải bắt đầu nhìn sự vật đúng cách chớ đừng nhìn sự vật theo lối bọn người ăn táo đã nhìn.

Nó bước lại gần Nicholson, chìa bàn tay ra, nói :

— Bây giờ tôi phải đi. Thành thật mà nói, tôi rất thích...

Nicholson nói :

— Một chút nữa thôi... Xin em ngồi thêm một chút nữa. Có bao giờ em nghĩ khi lớn lên em sẽ thích khảo cứu khoa học không ? Khảo cứu y học hay khảo cứu một môn gì giống giống thế. Theo ý tôi, với óc thông minh của em em rất có thể...

Vẫn không ngồi xuống Teddy đáp :

— Cách đây hai năm tôi đã nghĩ đến một lần. Tôi đã đem ra bàn với nhiều bác sĩ.

Nó lắc đầu :

— Tôi không thích y học mấy. Cái hiểu biết của bọn thầy thuốc chỉ chạm phớt qua cái vỏ ngoài của sự vật. Lúc nào họ cũng nhắc đến tế bào hoặc cái nầy cái nọ.

— À. Té ra em cho hệ thống cấu tạo của các phần tử tế bào là không quan trọng.

— Không phải. Tôi vẫn chú ý đến các trạng thái tế bào. Tôi chỉ trách bọn thầy thuốc ở chỗ họ đã quá đề cao vai tuồng của tế bào trong sự sống. Nghe họ nói ta tưởng chừng như tế bào tự nó có một tầm quan trọng không biết đâu là giới hạn. Họ làm như tế bào không tùy thuộc gì đến cái cơ thể của người mang nó, họ làm như tế bào có một đời sống riêng biệt.

Teddy lấy tay hất ngọn tóc ra phía sau, nói tiếp.

— Anh thấy, tự tôi tôi nuôi thân thể tôi mỗi ngày một lớn thêm. Không ai giúp tôi trong công việc nầy cả. Vậy, nếu thân thể tôi lớn được đó là nhờ tôi đã biết cách làm cho nó lớn, mặc dầu sự biết đó của tôi chỉ là một sự biết nằm trong vô thức. Có thể là trong một thời kỳ nầy hoặc trong một thời kỳ nọ của suốt mấy trăm ngàn kiếp luân hồi tôi đã đánh mất cái biết *ý thức*, về cách nuôi sao cho thân thể lớn, nhưng dầu sao đi nữa cái biết đó vẫn còn mãi mãi trong tôi. Một bằng cớ là hiện nó đang có sẵn để tôi dùng đến... Đã đành là bây giờ nếu muốn truy nguyên lại để tìm hiểu lý lẽ đầu tiên đã chi phối cái biết ý thức nói trên mình phải tốn khá nhiều công phu, nhập định, gạn lọc những gì không được thanh khiết lắm trong tâm giới. Việc rất khó nhưng vẫn có thể thực hiện nếu mình biết nới rộng tầm mắt của mình.

Nói đến đây Teddy đột ngột nắm bàn tay mặt của Nicholson để trên cạnh ghế, thân mật siết lấy và nói :

— Thôi chào anh. Tôi phải đi ngay.

Lần nầy Nicholson không nắm Teddy lại được vì Teddy len đi rất mau giữa mấy dãy ghế.

Nicholson nằm dài trên ghế thêm mấy phút để hai bàn tay trên cạnh ghế. Điếu thuốc chưa đốt vẫn kẹp trong hai ngón tay. Cuối cùng chàng đưa bàn tay mặt lên cổ áo để xem từ nãy giờ có phải cổ áo vẫn được chàng để hở. Đoạn chàng châm điếu thuốc, ngả người nằm im trở lại.

Chàng hút tàn điếu thuốc. Thình lình chàng rút một chơn ra khỏi ghế, đạp tắt mẩu thuốc còn lại, đứng lên và quay đi hối hả.

Chàng bước xuống cầu thang, đi thật mau về phía boong dạo mát. Không dừng lại, chàng chạy thẳng xuống boong giữa. Rồi xuống boong A. Rồi xuống boong B. Rồi xuống boong C. Rồi xuống boong D.

Dưới boong D, đi mút dãy hành lang, gặp bức tường chắn lối Nicholson đứng lại một lúc, bỡ ngỡ như người lạc hướng. Chàng đưa mắt nhìn quanh. Trong một lối đi hẹp gần đó chàng thấy có một cô chiêu đãi đang ngồi trên ghế, vừa đọc báo vừa hút thuốc. Chàng vội đến gần, hỏi thăm mấy câu, thốt lời cám ơn, bước thêm mấy bước về phía trước, mở một cánh cửa sắt nặng có ghi hai chữ « Hồ bơi ». Phía sau cánh cửa là một cầu thang hẹp.

Chàng bước xuống cầu thang đó. Đi được hơn nửa đường chàng bỗng nghe một tiếng thét chát chúa, ngân dài, tiếng thét của một đứa con gái nhỏ. Tiếng thét đó vang lên, xói vào tai, vội lại như một trái banh giữa bốn bức tường cẩn gạch.

Jerome — David Salinger

nhân bài điểm sách « Tìm hiểu hội họa »

đăng trên Bách-Khoa số 136

ĐOÀN-THÊM

Kính gởi Tòa Soạn Tạp-Chí Bách-Khoa,

Đọc bài điểm sách mà họa-sĩ Thái-Tuấn có nhã-ý viết để nhận xét về cuốn « Tìm hiểu hội-họa », soạn-giả thấy có bổn-phận minh định về một vài điểm, với hy-vọng rằng sự thông-cảm của bạn đọc sẽ dễ dàng hơn.

1) Soạn-giả không hề bị ám ảnh vì đề-tài ở tranh. Chính vì biết nhiều khán-giả hay thắc mắc về đề tài, nên ngay ở bài đầu, soạn giả đã nhấn mạnh rằng các họa-sĩ ngày nay không quan tâm đến cảnh gì, người nào hay vật gì được vẽ, mà chỉ chú trọng tới các yếu-tố kỹ-thuật như đường nét, ánh, sắc... (từ trang 7 đến 17).

2) Quan sát thực-tế, không phải là để so sánh với tranh mà đòi hỏi rằng phải vẽ cho giống. Chính soạn-giả đã dành cả một bài, trình bày rõ những sự biến-đổi thực-tế của họa-sĩ cận-đại (từ trang 18 đến 35) và nhất là của phái Lập-Thể (từ trang 36 đến 57).

Nhưng có quan sát thực-tế rồi mới đo lường được xem họa-sĩ đã dùng đường nét, ánh, bóng màu sắc ra sao,

chừng nào đã theo sát cảnh thực ?
chừng nào đã vay mượn của thiên-nhiên ?
chừng nào dùng tưởng-tượng ?

Và phân biệt cho rõ các đường lối, không phải là khen chê. Vẽ giống hay không giống, theo thực-tế hay biến cải thực-tế, đều có thể đẹp cả : về điểm này, soạn-giả đã trình bày rõ ở mục « Thú xem tranh Thể-Hiện và Trừu-Tượng » hoặc « Thông-cảm » (phần thứ III).

3) Bởi vậy, soạn-giả không hề phân tích « đề-tài » (le sujet) nhưng « phân tích bức tranh » : ở mục này, không tìm xem vẽ gì, nhưng có những yếu-tố thể-hiện gì (les éléments plastiques) nét, ánh, bóng, chất liệu v.v... ở tất cả Phần thứ II.

4) Ở nhiều đoạn, trong các Phần, soạn-giả nhắc lại luôn rằng : sự tìm hiểu những yếu-tố khách-quan là một chuyện, trực-giác chủ-quan và sở-thích riêng lại là vấn-đề khác ; mà vấn-đề thứ hai này dĩ-nhiên ở ngoài phạm-vi cuốn sách, phải tùy mỗi người giải quyết lấy.

5) Soạn-giả không bao giờ ngộ tưởng rằng hễ hiểu kỹ-thuật là hiểu cả tinh-thần ; cũng không hề tách rời sự đẹp ra làm hai : nhưng khi dẫn giải, thì phải nói riêng về từng trạng-thái mới có thể rõ ràng ; và chăng không cuốn sách phổ thông nghệ-thuật nào có thể mách phương-pháp lột ra tinh-thần ở các tác phẩm, bất-quá chỉ cung cấp những phương-tiện kỹ-thuật tối-thiểu để rồi bạn đọc liệu bề sử dụng.

6) Có bạn đọc nói rằng : cảm thấy đẹp là bằng trực-giác, chớ sao lại phân tích ? Nhưng phân tích ở trong sách, là vì nhu-cầu trình bày dẫn giải cho phân minh, từng chi-tiết, chớ không phải là phân tích rồi mới thấy đẹp. (Đã nói rõ ở ngay mấy trang đầu về sự tìm hiểu, và ở nhiều đoạn khác). Những vị nào tin ở cảm-năng riêng và chủ-quan của mình, thì cố-nhiên không cần tìm hiểu chi hết. Song cũng có nhiều người không dám như vậy, hoặc muốn khám phá thêm nhiều dáng vẻ nữa tuy đã thấy đẹp rồi : khi đó mới muốn tìm hiểu.

Vậy xin quý báo vui lòng giải thích giúp để các bạn đọc lượng xét.

Đ. T.

Đã có bán khắp nơi :

THUỞ BAN ĐẦU

Truyện của MINH-ĐỨC do Sông Thu xuất bản

— Bìa năm màu, trình bày mới nhất của họa-sĩ NGHIÊU-ĐỀ.

— Sách dày 178 trang, gồm những truyện tâm-tình, sống động của thanh-niên thời-đại trải qua một giai-đoạn lịch sử.

THUỞ BAN ĐẦU

là quyển truyện không thể thiếu trong mọi tủ sách gia-đình

Giá 35 đ.

Vũ-Hạnh

Con tư diêm

CHO đến bây giờ tôi vẫn chưa rõ là con tư-diêm thuộc loài lông vũ hay loài lông mao. Nó đã hiện ra ở giữa quãng đời thiếu-niên ngờ-nghệch của tôi, đúng vào lúc nào cũng không làm sao nhớ được. Thực chẳng có gì là quan-trọng hết : nó là con vật vô tình ở trong một lời hữu ý nhưng thật vô-nghĩa chừng nào. Tuy vậy ở trong cuộc đời của mỗi chúng ta, có nhiều nỗi khổ lại chẳng bắt nguồn từ những sự việc vô-nghĩa đấy sao ?

Con tư-diêm có lẽ xuất hiện đã lâu lắm rồi, ở thời tiền sử cũng nên. Làm sao mà nó lạc loài vào giữa thế giới loài người, nằm trong văn-học, thực là khó hiểu. Nó bước vào giữa chúng ta không gây ồn-ào, xao-động và ngồi ở giữa chúng ta lặng-lẽ, điềm-nhiên. Cứ theo cái lề lối ấy, chắc gì nó muốn từ giã chúng ta cho được ? Nhiều khi tôi vẫn cố gắng đem cái vốn liếng nghèo nàn của trí óc mình hình-dung ra nó. Tôi đã thêm lông, thêm cánh, thêm cả móng vuốt, gạc sừng thế mà con vật tư-diêm vẫn không có một hình hài tạm ổn. Cái nỗi khát khao muốn biết sự thực về nó càng làm cho nó xa dần sự thực, trở thành một vật hoang đường. Dù sao, ở trong nhiều năm con tư-diêm ấy chập chờn trước mặt đã lôi kéo tôi đi vào khá nhiều ngõ - ngách cuộc đời. Cho đến lúc, tôi những ngại rằng có người sẽ biết được nó nói rõ cho tôi biết nó chỉ là con vật tầm thường như là con kiến, con trâu thì tôi sẽ phải thất vọng bao nhiêu ! Tương tư như người trai trẻ luôn luôn muốn biết sự thực về người yêu mình, lại thấy đau khổ khi gặp được những điều ấy. Do đó, nhiều khi trong sự tha-thiết đi tìm sự thực người ta lại có tấm lòng băn khoăn che dấu sự thực rất đỗi thiết-tha.

Hồi ấy, tôi còn rất nhỏ, học trường Phủ-lỵ xây-dựng ở ngay nơi làng mà tôi sinh đẻ. Học trò học nhiều tiếng Pháp và ít tiếng Việt, mỗi tuần lại có một giờ chữ Hán do một ông thầy vừa điếc lác lại vừa cà-lăm truyền dạy. Nếu khéo suy diễn, người ta có thể cho rằng người Pháp đã muốn bôi nhọ nền học cổ truyền của ta bằng sự lựa chọn một người như vậy để làm ông thầy. Không rõ ông ta ở đâu, làm gì trước kia, đỗ-đạt thế nào (mãi về sau này người ta mới chịu thay thế bằng một ông Tú hiền lành ở tại địa phương) nhưng xem cung cách thường ngày, người ta đến phải cho rằng ông ta chắc đã nứt ra từ một gốc cây nào đó. Không phải nói thế là tôi khinh thường các vị tôn-sư và đem gieo rắc ở trong sách vở một thứ tư-tưởng hỗn loạn của người từ chối cương thường. Trái lại, suốt trong nhiều năm đi học tôi vẫn coi thầy như là một thứ đền thờ, một chốn bất khả xâm phạm. Thời ấy, nếu mà lỡ dại tôi nhìn thấy được thầy dạy của tôi làm một việc gì ô-uế (điều này, xin thưa là, tôi có dịp nhìn thấy thường xuyên) thì tôi chỉ biết nhắm con mắt lại, cúi cái đầu xuống, lắc qua lắc lại nhiều lần rồi bước thật nhanh để tỏ rằng tôi quả không dám có một cái cảm-tưởng nào hết về người trời sinh để dạy-dỗ mình. Nhưng cũng không phải nói thế là tôi khinh người tàn tật. Trái lại, tôi vẫn dắt gậy cho những người mù qua đường, vẫn cố đừng nhìn vào chân của kẻ què quặt và không tỏ vẻ rát cổ bỏng họng chút nào khi nói với người điếc lác vào loại kinh niên.

Tôi phải giới thiệu thầy của mình như vậy, là vì quả thực ông ta như vậy. Không rõ ông thầy của tôi đối với thánh hiền có sự sốt sắng nào không, nhưng đối với đàn bà góa thì thầy tỏ ra có lắm nhiệt-tình. Như thế, nên xếp vào loại xâm-phạm thuần-phong mỹ-tục, hay là thực hiện chủ-nghĩa nhân đạo vì đã xẻ ngọt chia bùi với kẻ cô đơn ? Thú thật, tôi không dám biết. Chỉ biết từ ngày thầy tôi về dạy ở tại quận lỵ thì có lắm sự bàn tán xôn xao chung quanh cuộc đời « tiết hạnh khả-phong » của nhiều bà góa. Sự chăm sóc của thầy tôi đối với các bà quạnh-quẽ ấy xem chừng đã hơi đi quá giới hạn thánh hiền chỉ-định nên có một lần một bà phải kêu hoảng lên trong lúc đêm hôm khuya khoắt. Sáng dậy thầy tôi cải chính những lời đồn đại một cách điềm đạm, khả-kính, cho rằng giữa lúc tối-tăm thầy tôi đã đi lộn đường, nhầm lẫn cái buồng của « con mụ ấy » với cái ẳng nước sau bè. Những tiếng « con mụ ấy » thầy tôi nói bằng một giọng khinh thường rất mực, có vẻ xưa nay không hề lưu ý mảy may đến những hạng người như vậy. Cuối cùng, thầy tôi hạ lời phê-phán :

— Đàn bà thực là đáo để khôn ngoan ! Bất cứ dịp nào là họ cũng lợi dụng được để mà « tuyên truyền » cho cái đạo-đức của họ.

Cứ theo như ý thầy tôi thì bà góa ấy đã lợi dụng thầy, đợi thầy chạm vào chân giường là vội kêu lên, như tuồng có ý chờ đợi từ lâu để được có dịp phô trương về sự trong sạch lạnh lẽo của mình.

Thầy tôi nói tiếp, hùng hồn trong sự cà-lăm thường trực :

— Nếu quả hôm ấy... ta có... làm điều.. không phải, thì trời. . . hại ta . . . trời hại ta !

Và thầy đưa tay lên trời mà thề, có lẽ y hệt đức Khổng đã thề với thầy Tử-Lộ ngày xưa, sau khi ngài vào thăm viếng một người đàn bà lẳng lơ tên là Nam-Tử. Nhưng mà sau đó thầy giáo của tôi vẫn còn tiếp tục lầm lẫn nhiều lượt, khi thì tưởng chốn buồng the là cái tủ sách, khi thì đoán chắc đó là bàn thờ. Rốt cuộc, những đàn bà góa trong vùng nhất định không chịu chứa chấp thầy nữa, khiến thầy phải than thở nhiều về nỗi nhân tình thế thái và buồn khá lâu cho sự trong sạch quá đáng của mình đã làm nhiều người khó chịu. Nhưng sự phản đối của người đàn bà — dù dưới bất cứ một hình thức nào, và ở bất cứ trong trường hợp nào — xem ra cũng vẫn dễ chịu, cho nên thầy còn tiếp tục giảng dạy khá lâu về cái cao siêu của các thánh hiền cho chúng tôi nghe. Thực ra, chúng tôi nào có nghe gì? Và có học chữ nào đâu? Cả lớp cùng theo một sách như nhau, là khi thầy gọi lên bảng thì đọc rất lớn mấy tiếng đầu bài và rồi cứ nói lầm rầm những câu vô nghĩa ở trong cổ họng cho đến một lúc nào đó mới đọc thật to vài tiếng cuối cùng. Trong khi chúng tôi nói nhảm, ông thầy không muốn tự nhận là mình nặng tai nên cứ gục gặc cái đầu ra vẻ bằng lòng. Mãn cuộc, chúng tôi đều nhiều điểm cả. « Bọn trẻ ngày nay vẫn còn hiếu học », đại khái thầy vừa xếp sổ, vừa khen như vậy.

Nhưng thầy không sao kéo dài sứ mạng cao quí bởi vì bên cạnh những người góa phụ còn có một số đàn ông vốn mồ-côi vợ xưa nay, lên tiếng chống thầy ráo riết để bảo vệ cho tiết-hạnh của các bà này mà họ thấy mình mới chính là kẻ thừa-kế xứng đáng hơn cả. Họ không công kích cái khoa sư-phạm ở trường, nhưng rất bất bình về sự mô-phạm ở nhà của thầy. « Mãnh hổ nan địch quần hồ », thầy tôi rốt cuộc phải chịu thua họ, chính lời thánh hiền cũng đã dạy thế từ đời xưa rồi. Nói tóm một câu, thầy tôi phải nhường chỗ lại cho một tôn-sư thâm nho hơn nhiều, và có bộ-thận suy yếu hơn nhiều. Trước khi thầy dời xóm làng yêu dấu của tôi để mà hát bài « qui khứ lại từ » thì tôi vâng lệnh song thân tìm đến thăm thầy cho đúng cái tình sư đệ trong buổi phân-ly. Tôi đến lúc trưa, đã tính toán sẵn giờ giấc, đợi thầy ăn uống xong xuôi lên giường nằm nghỉ là tôi sẽ rón rén vào thưa gởi vài lời kính cẩn mà nghiêm-đường tôi đã dạy thuộc lòng, trước là cảm ơn cái công giáo hóa lâu nay của thầy có thể sánh với bể rộng, trời cao, sau là tỏ sự lâm-ly, đau xót khi không còn được nghe lời vàng ngọc do thầy truyền lại của các thánh hiền. Nhưng trái với sự dự-đoán, khi tôi bước vào thì thầy đang ngồi trên ghế, đánh trần, khoe một cái bụng ba ngấn phong phú chất mỡ và nhịp tay quạt phành phạch vừa giảng cho một người bạn về một vấn đề có lẽ hết sức lý thú nên thấy người kia lúc nào cũng như nhổm sẵn mông lên và nheo miệng lại để chực một sự hào-hứng sắp sửa bột phát. Sự hiện diện của tôi không làm cho thầy bớt đi chút nào nhiệt tâm trong phần diễn giảng. Hình như trước khi giã từ, thầy muốn đem hết kinh nghiệm bản thân truyền dạy cho người, và sự tận-tụy vì nhiệm-vụ ấy không cần đòi hỏi nghỉ ngơi là giấc ngủ trưa, không cần

đếm xỉa đến những tình cảm nhỏ nhặt là sự viếng thăm của đứa học trò. Tôi cứ ngồi yên một chỗ, ban đầu loay hoay cố làm cho con người mình nới rộng thêm ra để thầy lưu ý mà hỏi han đến, nhưng sau biết rõ mình chỉ là một thính giả hạng bét, tôi cố thu hẹp mình lại để thấy khỏi phải bận tâm về tôi trong khi giảng giải. Hồi ấy tôi cho thế là một thái độ tôn kính, một sự tự-quên mình đi để vừa lòng thầy. Nhưng về sau này, nghĩ lại tôi thấy thật tình tôi không cao-thượng như thế. Nguyên là câu chuyện của thầy hôm đó rất nhiều điểm hấp dẫn nên tôi cứ ngại thầy sực nhớ ra có tôi ở đó mà vội chấm hết thì uổng không biết chừng nào ! Thầy nói chuyện gì, làm sao mà tôi có thể thuật lại cho được ? Có nhiều câu chuyện người ta chỉ nghe bằng thứ trực giác chứ không lĩnh hội được hết ý tình. Nhưng điều chắc chắn câu chuyện của trưa hôm đó thuộc về loại chuyện phải được nghe qua một kẽ ván hở, một cái lỗ khóa thì mới là người... sành điệu, nói theo danh từ ngày nay. Ban đầu tôi đã tỏ ý không nghe để khỏi có sự thất lễ, vì theo khuôn khổ giáo dục của gia đình tôi thì để tai vào câu chuyện kẻ khác là mình tỏ ra mất dạy. Nhưng dần dần giọng nói cà lăm của thầy có phần quyến rũ và trong câu chuyện tôi nghe có lắm danh từ mới mẻ liên quan phần nhiều đến các cô gái, đến người đàn bà và đàn bà... góa, khiến tôi lại tự trách rằng không chịu ghi nhớ lời thầy là đồ... bất hiếu, khó lòng mà tha thứ được. Tưởng nên thú thật là tôi không hiểu gì mấy về câu chuyện thầy, để cho mọi người đừng vội tưởng lầm là tôi thông minh quá sớm. Cố nhiên là có nhiều câu chuyện không phải ở vào tuổi nào người ta cũng hiểu như nhau. Chẳng hạn như chuyện yêu-đương đã được hầu hết các nhà thi sĩ bây giờ ca tụng và xem như là muôn thuở, muôn nơi, nhưng mà có phải vậy chăng ? Hồi nhỏ, nếu bắt gặp anh ta hay là chị ta để lọt ra một bức thư hay một bức ảnh dấu hiệu của sự yêu đương, hoặc bắt gặp họ âu yếm với người nào đó thì ta thích nói cho cho mẹ ta biết liền tự sự, bởi vì cảnh ấy ta cho là rất khó coi, rất là lố bịch. Lớn thêm một ít, ta lại nghĩ ngợi toàn chuyện ái ân ở trong đầu óc, và tưởng như ở trên đời chỉ có ái tình, ái tình muôn năm, ái tình bất diệt ! Tất cả sự kiện quanh ta, ở dưới chân ta và trên đầu ta đều được phiên dịch thành ra tiếng nói yêu đương, kìa chim liền cánh, nào cây liền cành, nhật nguyệt giao hòa, âm dương tương hợp. Nhưng lớn lên nữa, nhiều khi vội vàng chạy theo danh vọng, đuổi bắt lý tưởng, hì hục xây dựng sự nghiệp hay đơn giản hơn, vắt vả đem cái hình hài trả nợ áo cơm, ta bỗng sực nhớ đến một thứ gì thật là quyến rũ nhưng mà tốn kém, vui vẻ nhưng dễ lâm ly, cần thiết nhưng khó vội vàng, cái thứ gì ấy, tức là ái tình ! Trên con đường đá gồ ghề giữa vùng tăm tối, lọc cọc bánh xe sinh kế ta đi, ái tình chấp chới ẩn hiện như con đom đóm nhiệm màu, nhiều khi xe ta đổ dốc quá mau, lạc lối mất con đom đóm ! Và lúc vầng trán nhăn nheo, mái tóc điểm bạc, hai gối chống đỡ nhọc nhằn thân xác, chừng nghe bộ thận gầy mòn gởi niềm bải hoải sau lưng, ta bèn cất giọng khàn khàn nghiêm khắc chỉ trích những trò luyến ái, đem những gân cổ gần như tê-liệt kêu gọi

đề phòng, đề phòng! Ái-tình thật là hiểm nguy, chí nguy! cần phải bài trừ, tiết chế! Các nhà đạo đức thường có một điểm gặp nhau là họ đều già, đều mắc phải bệnh phong thấp, hay cùng một chứng đau lưng! Như thế, tôi không hiểu nổi thầy tôi ở vào thời ấy cũng chẳng có gì là lạ. Tôi như con ốc đang nằm trong vỏ nghe tiếng khua động rạt rào và một hơi mát nhột nhạt bên ngoài, nhưng biết sao được chiều dài sức rộng của cơn gió lớn? Suốt cả câu chuyện của thầy, bây giờ tôi không còn nhớ gì hết, ngoại trừ một câu. Số là đang cơn hăng hái thầy tôi bỗng nhiên dừng lại, nheo mặt, uốn môi, nhìn người đối-diện một cách quan trọng rồi mới mở lời một cách bí-mật:

— Nữ đại bất giá như tư-diêm phạm thủ!

Đợi kẻ đối diện có đủ thì giờ ngơ-ngác, thầy tôi ôn tồn giải thích:

— Đại phàm những con gái lớn chưa chồng là như cái con tư-diêm chạm phải tay vào?

Người kia vẫn giương vẻ mặt ngờ-nghệch có vẻ không hiểu cho lắm nhưng không dám hỏi, ý chừng cho rằng «không biết mà nói không biết thì thực không biết gì hết» nên phải lấy sự làm thinh để tạo một cái giá trị trí-thức. Riêng về phần tôi thì cứ băn khoăn tự vấn không hiểu tư-diêm là cái con gì, nó là thế nào, sinh trưởng ở đâu, nhưng vì sợ thầy nên cũng không dám thưa hỏi cũng như không dám nghi-ngờ gì hết về cái trình độ của thầy.

Sau đó hình như thầy tôi còn nói khá nhiều nhưng chẳng chịu giải thích thêm về con tư-diêm và chẳng cho biết tại sao chạm phải tay vào thì nó giống như những cô gái lớn chưa chồng. Cả cái quãng đời học hỏi với thầy, tôi chỉ thu-thập được bấy nhiêu đó, thu thập ở ngoài giờ học, và ngoài chương trình!

***

Con tư-diêm ấy đi vào đời tôi như thế, mỗi ngày càng lớn theo với tuổi tôi và càng biến hóa ra muôn hình thể dị thường. Sự gắn bó buổi đầu chỉ do một ý tò mò của tuổi thơ ngây khuyến khích nhưng về sau này tôi nhận thấy mình tha thiết với nó vì một lẽ khác: hình như nó đã trót lỡ gây ở nơi tôi một cái ấn-tượng kỳ-quặc và đã chạm vào tấm lòng tự ái muốn được hiểu biết của tôi từ buổi trẻ thơ, cho nên nó thật khó lòng xa tôi, một khi chưa có hình thể và sự xuất-xứ rõ ràng.

Kể ra tôi cũng đã có bỏ công truy tầm nguồn gốc của nó, nhưng không sao biết rõ được. Hoặc vì những người làm ra tự-điển chưa gặp gỡ nó bao giờ, hoặc là những vị thâm nho mà tôi tiếp xúc cũng chưa hiểu nó ra sao, hoặc đó chỉ là một loại danh ngôn, danh lý của ông thầy xưa bày đặt, nhưng tôi chắc chắn là ai cũng có một con tư-diêm ở trong đầu óc. Nhiều khi tôi đâm hoài nghi cho trí nhớ mình, tưởng mình nhớ lộn tên gọi, nó là tư-du, hay con ti-diên, hay một tiếng gì na-ná như thế. Tôi đã lục lọi phí công qua nhiều tự-điển và sau mới nhận thấy mình đã làm một việc buồn cười. Dù gọi bằng cái tên gì đi nữa, thì con tư-diêm vẫn sẵn một

cái hình thể nào đó ở trong tâm tưởng của tôi và hình thể ấy chắc rằng không còn đúng với danh từ y-thực ở trong sách vở. Con tư-diêm của tôi cũng đã khác hẳn với con vật ấy ở trong đôi môi bí mật của ông thầy dạy chữ Hán vào buổi trưa nào. Nơi ông, tư-diêm có thể chỉ là so sánh hời hợt hay là nhận xét hồ-đồ. Nhiều khi tôi đã quên bẵng nó đi, không nhớ đến con tư-diêm danh từ một chút nào hết nhưng bỗng một lúc nào đó, nhìn vào sinh hoạt của mình, tôi bỗng ngạc nhiên nhận thấy thấp thoáng hình ảnh của con tư-diêm biến-thể đồng hóa vào trong sự sống. Nó chính là một cái gì, người ta cần phải tìm hiểu, cần phải khám phá, nó thật gần-gũi, quen thuộc, nhưng rất huyền ảo, mơ hồ. Nó thành một mối khát khao bất tận, một sự thèm thuồng không sao toại nguyện, một thứ cám dỗ huyền bí nhiều khi sáng sủa rõ ràng, nhiều khi tối-tăm, xa lạ. Trong những tháng năm theo học ở các lớp trên tôi cũng chập chờn thấy nó ẩn hiện ở trước sách vở. Tôi đâm chán nản bài học nhà trường, chán những thầy dạy quen nói thuộc lòng những sách xưa cũ, bất bình với cả tiếng trống đều đặn mỗi ngày điều khiển chúng tôi ra vào ngăn nắp, không, không, đó không phải là tư-diêm, đó là con gà, con chó, hay là con rắn, con rồng. Tôi bỏ trường học, bỏ thầy, bỏ bạn, chui vào thư viện nhiều năm để tìm cho ra con vật kỳ quái nhưng vẫn không tìm thấy được. Nghĩ rằng con đường tìm về hang sâu trú ẩn của nó xa xôi vời vợi mà tôi chỉ là một kẻ lên đường thiếu hẳn ngựa ký, ngựa kỳ, tôi quay tìm con tư-diêm trong những ngả khác. Nhưng trong luyến-ái, trong văn-chương, trong sinh-kế hằng ngày, tôi không bắt gặp con vật đã thành hoang đường, tôi chỉ gặp lại con gà, con chó ngày xưa lẩn quẩn bên chồng sách cũ.

***

Nói cho đúng hơn, trong sự tìm kiếm con vật hoang-đường vô-nghĩa tôi đã thật sự gặp khỉ và gặp thần lằn.

Năm ấy, tôi đến Cẩm-Khê vào một mùa mưa, gõ cửa một trường trung học. Ông hiệu trưởng là người lớn tuổi, có một dáng điệu yên lặng như cảnh núi rừng bao bọc quanh trường, tiếp tôi bằng sự thân mật hết sức điều độ :

— Anh thích dạy về môn gì ?

Tôi đáp :

— Thưa ông, văn chương...

Ông hơi gục gặc cái đầu, đủ tỏ một ý tiếc rẻ rất có giới hạn, rồi bảo :

— Văn chương đã có người rồi. Tất cả môn khác cũng vậy, chỉ trừ mỗi môn vạn vật ở lớp dưới cùng đang còn thiếu người. Giáo sư lớp ấy vừa bị bệnh nặng, phải nghỉ. Anh đã dạy vạn vật chưa ?

— Chưa dạy lần nào.

Ông nhìn vào tôi dò xét, rồi chẫm rãi hỏi :

— Có nhận được không ?

— Tôi nhận.

Khi ra khỏi phòng, tôi hơi ngạc nhiên về câu trả lời của mình. « Tôi nhận »... tôi nhận... là vì lẽ gì ? Hồi ấy, không phải là vì lý do túng thiếu nên phải nhận liều. Không phải là vì muốn tỏ rằng

mình có một khả năng tạp-loại. Để có một sự hô ứng ngon lành với câu trả lời « chưa dạy lần nào » vừa thốt ra chăng ? Hay bị khiêu khích bởi chính câu hỏi của ông hiệu trưởng nên quyết không muốn đầu hàng ? Những ý trên đây chắc đã chia phần trách nhiệm nhưng có một duyên cớ khác, là... con tư-diêm. Nhiều năm chạy đuổi bắt nó nhưng không được gặp, tôi vẫn hi-vọng có ngày sẽ gặp gỡ nó ở một nơi nào. Núi rừng vắng vẻ có thể là nơi đi lại của giống tư-diêm, và ở trong môn vạn vật lẽ nào lại chẳng thấp thoáng bóng hình của nó ?

Tôi còn nhớ rõ, bài dạy đầu tiên của tôi nói về loài khỉ. Loài khỉ thật quá tầm thường, chẳng có gì là đáng kể. Tôi xem rất kỹ quyển sách giáo khoa, nhớ rõ mắt tai mũi miệng của khỉ và lông và răng của khỉ đều được nghiên cứu cẩn thận bằng các tài liệu chép trên giấy trắng mực đen. Tôi cũng biết thêm các giống bà con với khỉ, nào hầu, nào vượn, nào hắc tinh-tinh và đại tinh-tinh. Những giống khỉ đột, những loài bú-dù... tôi đều biết cả, rõ ràng là một nhà giáo thuộc bài, có thể tự hào là người biết khỉ, hiểu khỉ hơn bất cứ ai không hiểu gì hết. Tôi đã giảng dạy đầy đủ và rất bằng lòng về mình cho đến phút cuối. Nhưng đến phút cuối, một trò giơ tay xin hỏi. Tôi cho đứng dậy.

— Thưa thầy... con khỉ có đuôi không ạ ?

Con khỉ con đuôi hay không, rõ ràng là một câu hỏi hết sức bất ngờ. Bài học nói đủ về khỉ, kể cả ruột gan, dòng họ, nhưng không nói về cái đuôi. Tôi liếc lại sách vội vàng, sách không nói đến cái đuôi của khỉ (sau này tôi đã lục lọi nhiều sách giáo khoa khác nữa xuất bản ở vào thời ấy, (1) vẫn không có một quyển nào được nhắc nhở đến cái đuôi). Vậy thì thế nào ?

Tôi loay hoay tìm ở trong ký ức. Tôi đã thấy khỉ nhiều lần, nhiều lắm, nhưng chỉ nhớ khỉ là khỉ mà thôi, còn về cái đuôi thì tôi chẳng dám cả-quyết là nó có mặt ở sau mông khỉ hay không. Chẳng lẽ danh dự dạy dỗ của trong buổi ban đầu đành phải tan-tành vì một cái đuôi vô nghĩa này sao ? Tôi đã bỏ mất nhiều năm đuổi bắt tư-diêm, làm sao có thể nhớ được một cái bộ phận tầm thường như vậy ở gần hậu môn một giống tầm thường ? Cuối cùng, không thể kéo dài quá lâu một sự tìm kiếm tuyệt vọng chỉ làm lộ liễu thêm sự dốt nát của mình, tôi đành mỉm cười gượng gạo, trả lời theo một phương sách nước đôi :

— ... À ... ừ... khỉ vẫn có đuôi... nhưng mà... ngắn thôi.

Rồi tôi vội vàng nói sang chuyện khác để tránh cái đuôi tai hại. Tôi vẫn nghĩ rằng, theo lối nói ấy, thì dù có hay là không có cái đuôi cũng chẳng nguy hại bao nhiêu cho cái uy-tín của mình. Nhưng cách sau đấy mấy ngày, thực tế đã khéo cải chính một cách cụ thể : một đoàn binh sĩ từ núi kéo xuống đi qua trước nhà tôi trọ và ở trên vai một người tôi kịp nhìn thấy một con khỉ nhỏ với cái đuôi dài vắt ngang qua cổ anh ta. Khỉ đã có đuôi, y như con bò có sừng

(1) năm 1950

con ong có cánh, sự hiển nhiên ấy không phải dễ gì thừa nhận ngay được ở trong thế giới hoang đường của giống tư-diêm. Tôi lại đến lớp, lúng túng khá lâu, mới nở nụ cười cố làm ra vẻ tự nhiên cải chính những điều tôi đã lầm lẫn với đám trò chất phác .

Sau này tôi được biết khỉ gồm loại đuôi dài và loại không đuôi. Cái kiến thức ấy, hầu như ai cũng đều rõ, trừ những người mơ hồ theo kiểu của tôi. Giá như khi học trò hỏi, tôi biết nói cách nước đôi như thế thì tôi dễ thành một người u mê thông thái chừng nào ! Và kể từ đấy, ở trong thế giới hoang đường của giống tư-diêm không còn loài khỉ ngắn đuôi.

Bài dạy sau đó học về thằn lằn, tôi đã đề phòng rất kỹ và sẵn sàng nói về đuôi thằn lằn rất lâu, nếu có một ai đề cập đến nó. Xong bài, lại có em bé giơ tay.

— Thưa thầy...

— Lại hỏi về cái đuôi à ?

— Thưa không... Thưa thầy, thằn lằn mỗi lần đẻ mấy trứng ạ ?

Thằn lằn đẻ trứng, sách vở đã dạy như vậy, nhưng đẻ mỗi lần bao nhiêu thật chưa nghe nói bao giờ ! Tôi liếc lại sách, sách vẫn nghiêm nghị tảng ờ điểm ấy. (Những sách giáo khoa sau này tìm đến cũng không có một quyển nào nói tới cái điểm mà học trò tôi muốn biết. Nhờ thế tôi mới dần dà tìm thấy ở trong sách vở có sự vô tình gần như tàn nhẫn đối với khá nhiều sự việc ở đời). Trong lúc tôi đang bối rối thì nghe những tiếng xì xầm dưới lớp : « Hai trứng » « Hai trứng » khiến tôi rất mực hoang mang. Cuối cùng hiểu mình không thể tìm tòi ở chỗ nào nữa, tôi phải vừa nói vừa cười :

— Cái đó còn tùy đấy các em ạ. Hễ con nào mạnh thì đẻ được nhiều. Đến con người ta mà có khi đẻ sanh đôi, sanh ba nữa đó.

Hơn một tuần sau, khi người chủ trọ giữ nhà lợp lại, tôi mới có dịp nhận thấy trên đầu ở một số cột, từng cặp trứng trắng xinh xinh nằm sát bên nhau. Tôi chợt hiểu rằng những học trò nhỏ biết nhiều hơn tôi về môn vạn vật. Tháng ngày chúng sống ở nơi ruộng đồng, rừng núi, quan sát cuộc đời một cách trực-tiếp, thành-thật, không có bận tâm theo đuổi một con tư-diêm nào cả nên chúng ghi nhận sự vật một cách chắc chắn. Những bài dạy tiếp sau đấy càng làm cho tôi thấy rõ tôi đã lạc-loài vào một thế giới hoang đường. Nếu tôi chỉ cứ bằng lòng ở cái kiến-thức sách vở và không cho phép học trò hỏi han gì hết thì chắc tôi vẫn có đủ quyền uy của một ông thầy học rộng hiểu nhiều. Khốn nỗi, từ xưa tôi vẫn đi tìm kiếm con tư-diêm để ra khỏi vòng dốt nát vô cùng vô-tận của mình, làm sao tôi lại có thể đồng lõa với sách vở được ? Ban đầu, suýt nghĩ rằng đã tìm được nó, tìm được nó rồi. Nó chính là môn vạn-vật mà tôi giảng dạy phiêu-lưu hằng ngày cũng như cái môn văn chương mà tôi giảng dạy trước kia, những cõi hoang-đường, xa lạ tuy rất quen thuộc, gần gũi. Phải chăng đó là một loại tư-diêm, người ta nhắc đến thường xuyên nhưng không có một ý-niệm thật rõ đó là cái gì ? Phải chăng đó là những thứ kiến thức nói rất dài giòng

để không cho ai ý hội về một điểm nào xác thực, càng ngày càng làm cho sự hiểu biết con người cách xa với những sự đời trước mắt ?

Không, không, cái con tư-diêm của tôi không như vậy. Nó không chỉ là một thứ hoang đường, hấp dẫn tưởng tượng, nhưng còn là một cái gì có thật, làm cho chúng ta thắc mắc, băn khoăn. Những giờ vạn vật qua đã cho tôi nhận thấy ở trên đời này, vẫn có hai loại tư-diêm : một thứ tư-diêm lẩn quất trong các sách vở, trong những mộng ảo, trong cõi phù phiếm, nuôi sống bằng những cỏ hoa tưởng tượng và uống nước suối thần tiên chảy về từ một ngọn đồi vô tư mọc trên cánh đồng đau khổ của nhiều con người ; một thứ tư-diêm ở giữa cuộc đời, bàng bạc khắp trên sinh hoạt, mang cả màu đen và trắng trên cái thân hình gồ ghề nhưng mà vĩ-đại chừng nào ! Loại tư-diêm này nuôi sống bằng giọt mồ-hôi, bằng cả nước mắt và bằng máu nữa, có những tiếng nói âu lo và những tiếng cười hi-vọng, vỗ cánh phi-thường quạt trên lịch sử những cơn gió lớn và bám móng vuốt sâu xa vào trong thịt da cũng như tâm não con người. Như thế, loại tư-diêm này ở trong đời sống của học trò tôi, tức là con khỉ có đuôi và con thằn lằn đẻ ra hai trứng.

Từ đấy, tôi quyết bỏ con quái vật ngày xưa để về với một sự sống có một hình thù rõ rệt. Trong mỗi giờ dạy, tôi bắt đầu biết mình phải làm gì. Ở vào những điều kiện ấy, tôi chỉ mượn các quyển sách giáo khoa để làm một thứ điểm tựa và giao cho học trò tôi soạn lấy bài học. Ngày mai học về loài cá thì họ phải tìm hiểu các giống cá trước khi đến trường, học về loài rắn thì họ phải nghiên cứu các giống rắn. Họ sẽ tìm hỏi bao nhiêu bí ẩn ở trong vạn vật trước mặt, theo những kinh nghiệm và những nhận xét của cha mẹ họ, của người xóm diềng, của kẻ quen thuộc. Tôi không tách rời họ nữa, tôi đề ra những tiêu chuẩn để họ nên theo trong khi quan sát và tổng kết lại những gì họ tìm tòi được vốn thật phong phú khác thường. Cố nhiên, trong khi tổng kết, tôi vẫn thỉnh thoảng bắt gặp những con tư-diêm ngày trước thấp thoáng trong đó — những thứ hoang đường, mơ hồ gán cho sự vật — và tôi hăng hái rứt lông, nhổ cánh cho nó trở lại với cái hình hài dễ ngắm nhìn hơn.

Nhiều khi tôi cũng chán nản vì biết rằng mình không sao có đủ tài năng để vẽ một con tư-diêm về loại thứ hai cho thật rõ ràng. Nhưng sự chán nản phục thiện vẫn có chút gì an ủi hơn sự chán chường tuyệt vọng theo đuổi tư-diêm về loại ban đầu.

Hoang đường và thực tế, băn khoăn siêu hình và âu lo hạ giới, cao đẹp phỉnh lừa và thô sơ liêm chính, đó là hai con tư-diêm trong mỗi chúng ta, hai con tư-diêm tháng ngày gây nên đau khổ, va chạm, nhưng cũng đồng thời làm cho sáng tỏ sự sống nhiệm mầu.

VŨ-HẠNH

đọc và cổ động BÁCH-KHOA

BÀI TRONG NHẬT KÝ

Tháng Hai từ biệt kinh thành
Tàu rời ga Huế đưa mình vào Nam
Sớm mùa sương muối căm căm
Người đi quên hẹn về thăm kẻ chờ

Trời xa thỏa cánh chim thơ
Năm năm quân trấn bên bờ Tiền-giang
Tiếng gà rơi mỗi trưa vàng
Trưa trưa lại nhớ bóng làng, bóng em.

Bây giờ mùa ngát hoa sim
Mầu rưng-rức tím khơi niềm biệt-ly
Nẻo cao ngợp gió biên-thùy
Tình thơ giáp một chu-kỳ nhớ-nhung.

Ngàn cây ngàn cây trùng trùng
Lửa rừng khuya lửa bập bùng trắng đêm
Buồn hoang như núi không tên
Suối xuôi đường suối, mình lên ngả nào?

T. L.

SÁNG CHỦ NHẬT

Án sách hoang mang dậy ý tình
Từng trang giấy mở thấm bình-minh
Đường vào sa-mạc dồn tư-tưởng
Lối khuất vân-đài vẹn tuyết-trinh
Nhớ buổi: Đất trời toan nhuộm máu
Ngâm câu: Sắt đá bỗng rung mình
Chập chờn bên cửa màn cây động
Khép mắt thu màu ánh nắng xanh

B. K. Đ.

CHU NHẬT THỨ HAI

ngày mai không còn là chủ nhật
buổi chiều đi đọng lại những cay chua
em thờ thẫn không áo quàng vai lạnh
đời xuân xanh ai hẹn sớm hay trưa.

chủ-nhật thứ-hai không còn tươi thắm
sông không trôi mùa thu cũng buồn buồn
tay anh chắc gì nối tay em nữa
niềm vui qua hằn vết tích đau thương.

môi phai hồng làm tiếc nuối ngày hoa
chiều không vàng không xanh không đỏ
chiều nhớ thương lẩn trốn giữa bao la

nắng trở màu, cành hoang lả lả
em ngủ vùi giữa rêu nhạt bơ thờ
quên thời gian, quên tương lai, dĩ vãng
úp mặt nhìn đời thương đổi tượng trong mơ

chiều chầm chậm đi vào sáng thứ hai
mang hiu quạnh của một ngày chủ nhật
làm khoảng-cách-hôm-nay-ngày mai...
thành gạch nối tình em anh xa cách

N. T. L. P.
(vĩnh điện)

CHIỀU CHỦ NHẬT

Kim dừng số sáu đợi cô-liêu
Trắng nhạt, vàng tan, lả lả chiều
Mái cỏ vật vờ buông khói mỏng
Bóng người lững thững sóa tường rêu
Rầm rì lòng đất hòa âm nhẹ
Sao sác đầu thôn vọng tiếng reo
Tờ lịch sắp tàn con số đỏ
Thời-gian thêm một mốc tiêu-điều

B K. Đ.

thơ • thái tú hạp

Biển chiều

biển chiều ôm điệu khóc
dầu chân cát thưa dần
buồn như lời hoang đảo
bơ vơ từng cánh chim

nét buồn xưa hiu hắt
trời cúi hôn trùng dương
cô liêu sầu cửa mắt
bao nhiêu là nhớ nhung

chiều lên hàng dương liễu
em mòn mỏi chờ mong
sao anh loài hải điểu
cho em buồn tháng năm

chừ ngồi coi biển khóc
cau mặt hờn người đi
bài thơ nhòa trên cát
buồn chao ôi ! biệt ly...

★

VỀ

về đây tìm mảnh trăng gầy
coi tâm sự rã như bầy sao rơi
nghe cồn cát lũ bãi khơi
chân xiêu xiêu bước về nơi huyệt sầu
về đây chôn nỗi lo âu
khép thời gian lại nguyện cầu đức tin
hồn thơ khoác kín im lìm
ngắm không gian lặng nỗi niềm riêng tư
về đây biết nói sao chừ
lá buông thuyền mãi còn dư thu nầy
gió luồn lọt ẩn trên cây
haa thơ ngây mộng đắm say hương ngà
nửa đêm buồn lả thôn ga
một trời hiu hắt, một ta sương mù
mây sầu lũng thấp âm u
hiu hiu thương nhớ vàng thu âm hài
về đây còn hẹn ngày mai
cho trìu mến nở trọn hai tâm hồn...

T. T. H.

Con đường cụt ở thành Marrakech

NHÃ-ĐIỂN

TÔI mở mắt nhìn đồng hồ, thấy kim chỉ gần bảy giờ. Tôi tung chăn dậy, lớn tiếng gọi ba người bạn cùng phòng :

— Dậy đi chào cờ chúng mày !

Văn ngáp dài, nói giọng ngái ngủ :

— Đã thứ bảy rồi à

Không thấy ai trả lời, gã với bao thuốc trên bàn, lấy ra một điếu, châm lửa hút rồi trầm ngâm suy nghĩ.

Nguyễn vừa đi rửa mặt về, thấy thế nói :

— Thằng này không định đi chào cờ sao ?

Những ngày trong tuần, chúng tôi bận rộn từ 6 giờ sáng cho tới 6 giờ chiều. Tuy rằng bao giờ cũng hơn 7 g 30 chiếc máy bay đầu tiên mới cất cánh nhưng từ sáu giờ rưỡi chúng tôi đã sẵn sàng trong bộ y phục bay để nghe các huấn luyện viên chỉ dẫn về buổi tập hôm đó và cũng để đợi lệnh bay. Buổi sáng thứ bảy dành riêng cho việc huấn luyện quân sự, nhưng vì chúng tôi đã là sĩ quan nên được miễn tập. Vì vậy cứ tới chiều thứ sáu là công việc trong tuần coi như hết — Sáng thứ bảy chào cờ xong là về phòng đàn địch, hát xướng hoặc chơi bài.

Sáng nay, khi trở về phòng, tôi đang định thay quân phục mặc thường dân thì Văn ngăn lại :

— Sáng thứ bảy, trên nguyên tắc, vẫn phải làm việc. Đừng mặc thường dân đi phố tụi nó biết thì phiền — Mầy đi chơi đâu mà sớm thế ?

— Đâu có, tao đi lấy bằng lái xe hơi.

— Nếu thế thay áo làm gì vừa phiền phức vừa mất thì giờ — Mà ra

cổng trại bọn lính gác có thể gây khó dễ nữa.

Tôi nghe lời, mặc nguyên quân phục, ra cổng gọi taxi lên Công chánh. Chiếc xe Auto-école tôi vẫn tập lái đã đậu sẵn tại đó, Tôi vào thi luật đi đường, không có gì vấp váp. Tôi trở ra đợi tới phiên thi thực hành. Mười lăm phút sau chiếc xe Auto-Ecole khác ngừng lại. Người Giám khảo Hồi Giáo bước xuống — Ông ta khoảng hơn 40 tuổi, người mập mạp, vẻ mặt lạnh lùng, không gợi được cảm tình.

Tôi tự hỏi :

— Sao thằng Nguyễn thi lái xe về bảo lão Giám khảo người Pháp dễ thương lắm.

Tôi chợt nhớ lúc đó Pháp bắt đầu trả độc lập cho Maroc, quốc vương Mohammed V, sau khi bị Pháp đầy ra ngoại quốc, đã hồi loan và nền hành chính đang chuyển dần cho người Hồi Giáo.

Người Giám khảo quay về phía tôi và hỏi tôi bằng tiếng Pháp :

— Ông đến để thi thực hành xe máy dầu và xe hơi. Tôi gật đầu.

— Ông ra đây thi xe máy dầu trước.

Ông ta lạnh lùng nhìn tôi lái xe, vẽ thành hình số 8 trên đường. Một lúc sau ông ra hiệu cho tôi thôi và hai chúng tôi lên xe hơi tiếp tục thi.

Tôi mở máy và trước khi dời sân đậu để ra đường, tôi hỏi ông quẹo bên nào ?

Ông ta lạnh lùng trả lời :

— Tùy ông.

Tôi quẹo tay trái. Nhưng sau khi sang đường, ông bảo tôi ngừng lại và hỏi :

— Ông không biết đường này một chiều và ông đã đi ngược chiều ?

Tôi lắc đầu trả lời từ sân đậu ra đây, tôi không thấy có cái biển nào cho hay là con đường này là đường một chiều.

Tôi quay xe lại và chợt thấy vẻ mặt của ông mỗi lúc một cau có thêm. Suốt trong buổi thi thực hành ông ta tìm hết cách chê tôi. Thái độ của ông làm tôi thắc mắc. Ông ta tức tôi điều gì ? Tôi mới gặp ông ta lần đầu. Tôi mới nói với ông được vài câu. Những người Maroc khác có người nào xấu thói như thế đâu và hơn một năm ở xứ này tôi không có chuyện gì với bất cứ một người nào.

Tôi không tìm hiểu thêm vì cho đó không quan trọng. Tôi tự nhủ :

— « Tôi lái xe, anh không vừa ý, anh cứ việc đánh trượt, chứ việc quái gì mà anh nhăn nhó như khỉ khó ăn gừng vậy.

Nghĩ vậy, tôi không còn thấy bực mình về thái độ của ông ta nữa.

Ông bảo tôi lái xe về và khi tới sở Công Chánh, ông xuống cho tôi hay rằng ông chỉ có thể cấp bằng lái xe máy dầu cho tôi thôi, còn bằng xe hơi không thể được.

Tôi không nói gì. Người dạy tôi lái xe tỏ vẻ ngạc nhiên khi hay tin

tôi trượt nhưng ông không bình phẩm gì mà chỉ nói :

— Mỗi lần đóng tiền, ông được phép thi hai kỳ. Lần trước ông không đợ, người ta vẫn coi như là ông có thi. Bây giờ xin ông đóng thêm 3.000 quan nữa và phải nửa tháng nữa ông mới được phép thi lại.

*
* *

Nửa tháng sau trở lại, tôi vẫn không thấy ông ta thay đổi gì. Vẫn bộ quần áo ấy, vẫn vẻ mặt hôm trước. Tôi lại phải bắt đầu lại. Tôi vào phòng thi luật đi đường. Không có gì vấp váp. Tôi trở ra thi thực hành. Lần này tôi khôn ngoan hơn, tôi không lầm lỗi quẹo tay trái sau khi rời sân đậu, nhưng không vì thế mà ông ta dễ dãi hơn. Ông vẫn cau có đến khó chịu. Ông ta vẫn bắt bẻ từng tý một. Ông đòi hỏi tôi phải thành thạo như người đã từng lái xe hằng năm rồi chứ không phải là người mới tập. Tôi chợt hiểu ông ta cố tình gây khó dễ cho tôi. Tuy hết sức bực mình, tôi chỉ biết phản kháng bằng yên lặng. Khi trở về, ông xuống xe và nói :

— Tôi rất tiếc không thể phát bằng cho ông được vì ông hãy còn non tay lái. Hai nữa chúng tôi được lệnh phải cẩn thận trong việc phát bằng.

Tôi yên lặng không trả lời Trong khi hàng ngày tôi vẫn một mình lái chiếc phi cơ để tập luyện thì cái lão Hồi Giáo lắm cằm này chê tôi không biết lái xe hơi. Thật là mỉa mai. Tôi giận lắm, nỗi giận bốc lên và tôi bắt đầu không nghĩ đến việc lấy bằng lái xe ở Manakech nữa. Hoặc tôi sẽ đi Casablanca thi ? Như thế vừa phiền phức vừa khó thực hiện. Sau cùng tôi nghĩ còn vài tháng nữa tôi trở về Pháp, tôi sẽ lấy bằng ở bên Pháp vậy.

Tuần sau thi lại, tôi sẽ nói thẳng vào mặt lão ta. Tôi cũng phải tỏ cho lão biết tôi không cần cái bằng lái xe của lão ta nữa. Nỗi tức giận của tôi khi bộc lộ ra, chắc chắn chẳng giúp gì cho tôi, nhưng ít nhất cũng làm cho tôi thoải mái phần nào.

Tuần sau tôi trở lại để thi lần thứ ba — Ba lần thi, có lẽ tôi phải là người vụng về nhất trong những người tập lái. Tôi không biết nên bực mình hay nên cười sự lố bịch của hoàn cảnh. Tôi không thể im lìm chịu đựng như hai lần trước và lần nầy hẳn là lần chót tôi thi bằng lái xe ở cái tỉnh nầy.

Tôi bắt đầu thi lại luật đi đường. Giám khảo vẫn là người Pháp đó, điểm đạm khảo sát tôi và sau cùng ông nói :

— Đây là câu hỏi cuối cùng — ông đi sau một xe vận tải — dùng còi xin qua mặt. Xe vận tải bật đèn xanh trả lời ông — Thế nghĩa là gì ?

— Nghĩa là họ bảo tôi cứ vượt đi.

— Sai ! Đèn xanh đó chỉ có nghĩa « tôi đã nghe thấy tiếng còi của ông rồi » còn như muốn vượt, ông phải nhổ ra xem có xe nào đi lại không ? Nếu không, ông mới được vượt. Ông hiểu sai như thế nguy hiểm lắm và

ông có thể gây tai nạn — Đáng lẽ tôi đánh hỏng ông nhưng vì hai lần thi trước ông đều qua được nên tôi châm chước cho ông. Nhưng thi thực hành gì mà phải thi đến lần thứ ba ?

Tôi không trả lời vì cảm thấy đó là câu chê trách chứ không phải là câu hỏi.

Chúng tôi vừa vào xe là tôi tấn công người Á-Rập ngay.

— Tôi phải nói cho ông biết là lần nầy có trượt nữa tôi cũng chẳng cần. Tôi chẳng còn ở Maroc bao lâu nữa. Tôi sẽ sang Pháp, lấy bằng ở Pháp. Nếu không thì khi về Việt-Nam tôi thi cũng chẳng muộn — Tôi học cho nó biết chứ tôi cũng chẳng có xe hơi, mà tôi cũng không có ý định mua xe hơi mà cần phải có bằng ngay.

Sự tức giận của tôi quả nhiên có hiệu quả ngay. Nét mặt ông ta không còn khó chịu như trước, ông vội vã hỏi :

— Sao ? Ông về Việt-Nam à ? Thế ông không phải là lính của Pháp.

— Sao tôi lại là lính của Pháp ?

— Vì ông mặc quân phục Pháp.

— Trong thời gian du học ở đây, chúng tôi tạm thời thuộc quân đội Pháp, chúng tôi phải mặc binh phục Pháp cho tiện việc hành chính cũng như về phương diện kỷ luật. Tôi mới đọc báo thấy Chính Phủ Maroc sắp gửi người sang học ở Saint Cyr. Chúng tôi cũng thế, chúng tôi được Chính phủ Việt-Nam gửi đi học lái máy bay.

Ông ta như hối hận.

— Thế sao ông không bảo tôi ngay. Nếu tôi biết ông là người Việt thì tôi để cho ông đậu ngay lần đầu rồi. Tôi cứ nghĩ ông đi lính cho Pháp. Tôi không ghét Pháp bằng những người đi lính cho Pháp, đi làm tay sai cho chúng. Ông tưởng tôi là người Maroc à ? Tôi là dân Algérien đây. Ngày xưa chúng bắt tôi đi lính cho Pháp. Tôi không chịu và trốn đi. Chúng bắt được tôi, chúng bỏ tù, hành hạ tôi. Tôi căm thù chúng...

Tôi không nghe ông ta nói hết câu. Ra ông ta trút nỗi căm thù người Pháp mà ông ta nuôi dưỡng bao lâu nay, lên trên vai tôi. Tôi không giận ông nữa nhưng tôi ái ngại cho ông. Ngọn lửa căm hờn đã làm mắt ông mờ đi, ông ta không còn nhìn thấy gì, không còn biết suy xét.

Trong khi ông thao thao nguyền rủa người Pháp, trong khi tôi mải suy nghĩ về thái độ của ông, thì phía tay phải có một chiếc xe hơi sắp đi lại. Như muốn tỏ sự quý mến tôi, ông thân mật giành lấy tay lái và bảo để ông lái giúp cho : ông không còn ở cương vị người giám khảo, mà như một người thân, ông chỉ dẫn cho tôi lái xe.

Ông nói :

— Thôi chúng mình đi chơi một chút rồi về. Ông chỉ cho tôi lái vào con đường cụt và bảo tôi ngừng xe lại, ông tiếp tục nói :

— Tôi bị chúng khép về tội đào ngũ. Chúng mới thả tôi lúc đức vua hối

loan. Tôi biết thể nào chúng cũng thất bại. Chúng sẽ ê chề thất bại như chúng đã thất bại ở Việt-Nam. Rồi chúng sẽ phải cuốn gói đi hết. Rồi chúng tôi sẽ thắng và Algérie sẽ độc lập ».

Ông ngừng nói, nhìn bức tường vĩ đại trước mặt chắn ngang con đường mà xe chúng tôi ngừng, rồi nói tiếp :

— Bọn Pháp đã đi vào con đường cụt, con đường không có lối thoát. Cho đến khi chúng hay được, chúng chỉ còn cách xuống tầu về nước.

Tôi vẫn yên lặng nghe ông nói. Những lúc ông giận dữ, trông ông độc ác quá, không còn về con người. Tôi không thể ngờ rằng hận thù có thể biến đổi con người đến thế. Tôi nghĩ đến hai dân tộc cùng sống trên mặt đất nhưng mỗi ngày họ một xa nhau. Họ sẽ xa nhau mãi, cho đến một ngày kia họ được biển Méditerrannée ngăn cách và chỉ bấy giờ họ mới thể bắt tay nhau để cùng sống dưới ánh mặt trời.

NHÃ-DIỄN

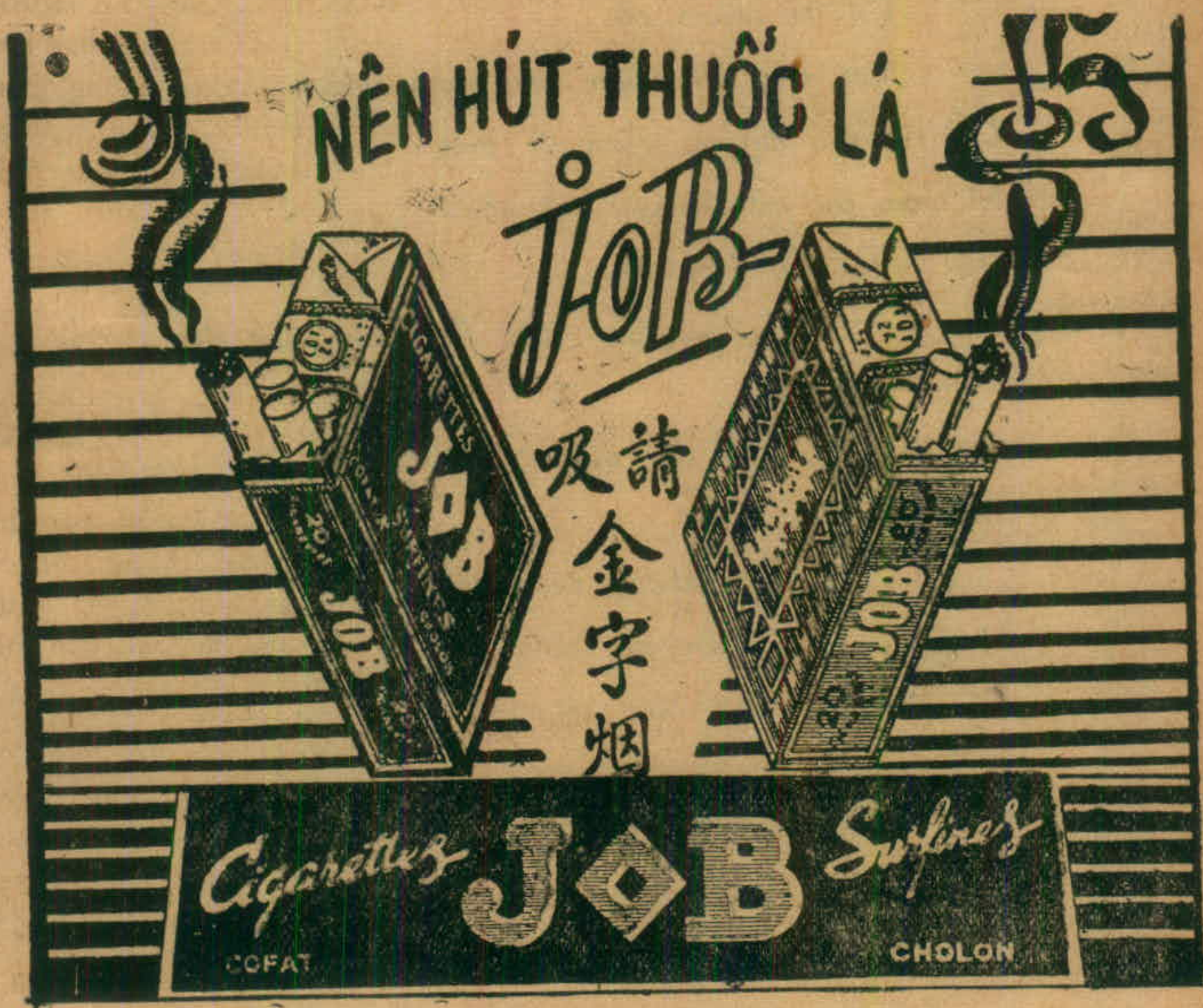

Nước giăn chiều sao ngấn lạnh
Đáy thu trời động gióng tre lay
Hát gì đây
Những điệu ca tình quên mất cả
Nhịp đàn xưa đã gửi cánh heo may
Ai bên ráng mây đương chờ nghe ru ý hoa
Ta chỉ còn trang sách héo
Vài ba nhánh cỏ
Một màu bông tím ngủ trong sương
Cất kín yêu đương, dành để sống
Nỉ non chi mãi chuyện hai người
Nỗi riêng nào đáng kể
khi vầng trăng ngọc sắp chia đôi

Chuyền cung trốn sầu ngâm chưa vui
Đồng sắt reo hoài
không tiếng dội
Lê bước sang miền cát trắng
Hỏi thăm xứ Đẹp vắng ra vào

Những chất ôm hình ngoi hướng nở
Những nguồn, những thề, những âm vang
Muôn loài chắp mối dâng hòa-khúc
Chảy mát, lên hương, đọng đá vàng

Hát chi đây
Mấy ngàn năm ủ khói
Suối thơ trôi phí mộng phương đào
Mộng phương đào qua lòng không in dấu
Để nhạc đời kiếp kiếp vẫn gieo thương

Mượn đôi tia nắng
về chăng mắc
ở cơn giông, hạt lệ, nỗi giờ đen
quãng bơ vơ thuở lặng không đèn
Dứt dây cũ
đổi đàn thay phím cũ
Ngoài song kia, bão loang phiến thâm u
Tạt bóng qua mưa dài hận gió
Trót quen dào dạt
hát chi đây

Cao thấp cũng liều đưa giọng sáng
Rồi đem ánh bạc trả tơ mây

Hòa-Âm XII
Đ. T.

QUAN NIỆM HỘI HỌA

do NGUIỄN-NGU-Í phụ trách

X

Văn-Nên
(tự họa)

★ VĂN-NÊN.

Họ Nguyễn.

Sanh ngày 24-9-1936 tại làng Kiêng-Phước, tỉnh Gò-Công (nay thuộc tỉnh Định-Tường).

Cựu học sanh trường Trung học Trang trí Gia-Định (1954). Dạy Hội họa ở trường Taberd, Sài-Gòn.

Đã triển lãm tại :

— Pháp văn Đồng minh hội (1959),

— Phòng Triển lãm Đô thành (1962), và nhiều kì chung với các họa sĩ khác.

Dự triển lãm Hội họa mùa Xuân các năm kỉ-hợi (1959), canh-tí (1960), tân-sửu (1961) và nhâm dần (1962).

Dự triển lãm Stanvac các năm 1959, 1960, 1961 và được giải đồng hạng năm 1960.

Được thưởng huy chương Đồng kì triển lãm Hội họa mùa Xuân nhâm-dần (1962) với bức « Lòng mẹ ».

I.— Không ai chối cãi rằng nền Hội họa của nước Việt ta có nhiều xu hướng, gần như Hội họa các nước tân tiến nhất. Âu, Mĩ có phái gì thì ta có phái nấy, nhưng nhìn chung, ta thấy ngành Hội họa nước nhà không được phát triển mạnh

Giới cần lao

như lòng người trong nghề mong muốn. Chắc là ta phải đóng vai trò đàn em lẻo đẻo theo sau người.

Phần tôi, tôi vẫn cố tìm tòi để thỏa mãn mình với những khối hình riêng biệt, rồi bố cục sao để tạo một lối đi mà tôi xin tạm gọi là « lối đi dài rộng », trong đó tôi hòa hợp đường nét với màu sắc để tác phẩm mình được sống động. Do đó, mà một số bạn cho tôi thuộc phái Biểu hiện, một số bạn khác lại cho rằng tôi ở phái Tả chân.

Theo tôi, tôi quan niệm rằng : một khi mình quyết sống chết với Nghệ thuật mà không chịu tìm một lối riêng cho mình, cứ đi theo những con đường mòn là phản nghệ thuật rồi đấy, mặc dù có học lâu đến đâu, có tranh tiêu thụ nhiều đến mấy.

II.— Nói thế, xin anh đừng nghĩ rằng tôi đã tìm được lối đi độc đáo. Không đâu, tôi vẫn còn là kẻ lần đường. Tôi chỉ dùng lối tả thực để ghi lên vải những cảm xúc của tôi trước một số cảnh đời, trong số đó cuộc sống của người chung quanh tôi đóng một vai trò không phải nhỏ.

Tôi nhìn, tôi tìm hiểu, rồi tôi say sưa phóng bút chọn màu, không cần biết đề tài và lối diễn tả có dân tộc tính hay không.

Nhưng dù sao, là người Việt, trong đại gia đình Á-Đông, sống, lớn, học, đau khổ trong lòng đất nước, thì làm thế nào tinh thần dân tộc cũng phảng phất trong nét bút, trong tầng màu.

Tôi nghĩ một họa phẩm có giá trị phải chứa đựng ít nhiều dân tộc tính : đồng bào mình xem tranh mình mà cảm thấy lạc loài, xa lạ, không hiểu bằng lí trí, cũng không rung động bằng tiềm thức, thì họa phẩm ấy — vẫn theo tôi — chưa thành công hẳn.

Vả lại, tinh thần dân tộc, nó nằm trong phần vô thức của mình tự thuở nào, rồi

phát hiện lên tác phẩm lúc nào có khi mình không hay không biết. Vì nghệ thuật không có Tổ quốc, nhưng người phụng sự Nghệ thuật có một Quê hương.

Nhưng hiện nay phần đông họa sĩ Việt ta có phần thiên về xu hướng quốc tế, trong đề tài, trong lối bố cục, trong màu sắc và đường nét, trong kĩ thuật đều cố thoát cái gì cố hữu, địa phương, để vươn lên vòm trời chung của Nghệ thuật.

Cho nên tôi thấy họa phẩm của ta muốn được người năm châu thưởng thức, thì tánh cách quốc tế cần phải có ; nhưng nếu trong họa phẩm mà người năm châu cho là hay ấy, người Việt ta lại còn bắt gặp cái gì quen thuộc để cùng rung cảm thêm thì quí biết bao.

Tóm lại, tôi nghĩ rằng Hội họa nước Việt ta phải nên quốc tế hóa, nhưng đừng để mất tinh thần dân tộc.

Tiện đây, tôi xin mở một dấu ngoặc : mong các ban giám khảo tuyển trạch tranh xuất ngoại nên có tinh thần . . . quốc tế, để họa phẩm Việt ta khỏi bị chê, là chỉ có giá trị... địa phương.

III.— Thưa anh, tôi còn trẻ, kinh nghiệm còn ít. Có lẽ vì thế mà tôi «bạo». Lối đi của tôi có khác đôi chút với các bạn. Bố cục tranh của tôi có vẻ lạ lùng, nét và màu có phần bạo, sắc thái gần như đen sẫm, ít khi được tươi sáng tưng bừng, mà như chìm trong trầm lặng, suy tư. Những màu tôi thích : tím thâm, vàng sẫm...

Khi sáng tác, tôi nặng về bố cục. Còn đề tài, tôi thường nhờ cảm hứng mà tìm lấy. Rồi theo cảm xúc lúc bấy giờ mà bôi màu phóng bút.

Tôi kị nhất những màu quá tươi sáng, những thứ màu để trang trí, theo lối Lập thể.

Tôi muốn màu phải cô đọng, phải được lồng trong nét bút cứng rắn.

Tôi quan niệm Hội họa không phải là một thứ Triết lí viển vông, con người sống trên đời phải tranh đấu với bao nhiêu trở ngại, bao nhiêu trái ngược, để mà giữ một vai trò trong bộ máy của xã hội thì lẽ tất nhiên con người cần để lại một dấu vết gì trong tác phẩm của người nghệ sĩ. Vì thế, tôi thích vẽ *người* hơn là vẽ cảnh.

Càng đi sâu vào nghề, tôi thấy Nghệ thuật càng mênh mông, đôi khi làm tôi bối rối. Nhưng rồi, tôi tạm quên cái lí tưởng xa vời mình đặt, mà chỉ nhìn vài cái đích gần gần, đặt đôi giai đoạn rồi cắm đầu làm việc, kiếm tìm. Tôi cho mình phải làm sao để khi một bức tranh hoàn thành, là mình có một ít kinh nghiệm gì, nên tôi cố dành thời giờ đọc thêm sách báo nói về cuộc đời, sự nghiệp, kĩ thuật của một số họa sĩ nổi danh trên thế giới, tôi lại còn học hỏi với bè bạn, và thấy mình phải chiến đấu thường xuyên với cọ, với màu.

Hiện giờ, tôi nghiêng vào cảnh đau khổ của giới đầu tắt mặt tối, và tôi mong rằng sẽ nói lên được một cái gì, sẽ gợi cho người xem chút nghĩ ngợi gì...

Thú thật với anh, sau hai cuộc triển lãm riêng, tôi có thăm dò ý kiến một số đồng nghiệp mà tôi tin ở sự phán đoán và tánh thẳng thắn. Các bạn ấy bảo là : « Khá khá ». Nhưng riêng tôi, tôi thấy chưa được hài lòng. Về bút pháp cũng

Say ngủ

như về kết quả cụ thể thu thập được. Chắc anh cũng như tôi cho rằng sau một cuộc triển lãm, số tranh bán được cũng chứng minh được phần nào sự thành công hay thất bại của người vẽ.

IV.— Trong các họa phẩm của tôi, tôi thường đặt màu đen tương phản màu trắng để nói lên cảnh đau thương, tang tóc của loài người. Và giờ, tôi ưng ý ba bức này : *Lòng mẹ*, *Say ngủ* và *Giới cần lao*. Về mặt kĩ thuật, thì tôi đã cố tạo những hình riêng biệt, những khối dị thường, và màu sắc hòa hợp chặt chẽ, đường nét linh động. Xin thưa với anh trên đây là dụng ý của tôi, còn như khán giả có thấy tôi có « đạt » được hay không lại là việc khác. Còn về mặt nội dung, thì ba cảnh trong ba bức tranh trên đây đã rung động tôi mãnh liệt, và thôi thúc tôi phải sáng tác : có những người tay làm không hở mà hàm nhai không nhiều, thế mà lại còn đèo thêm bịnh tật, rồi còn mang nặng đẻ đau, có những người mà đời sống bắt họ chung đụng với thú, rồi phần đói, phần nhọc, họ lăn ra ngủ say sưa, mặc đàn con nheo nhóc...

V.— Có thể nói là ngành Hội họa nước ta đang lên, bằng chứng là các họa sĩ trẻ cũng như già ùng ùng sáng tác, nhất là trong hai năm nay. Người xem tranh có phần đông đảo, người phê bình tranh trên báo cũng có phần nhiều. Nhưng khổ thay, đa số họa sĩ vẫn sống trong túng thiếu, và điều này cũng ảnh hưởng đến công việc sáng tác.

Muốn tranh bán được, thì phải rán làm vừa lòng khách. Mà bí quyết này phải chăng là tạo những tranh đỏ đỏ, xanh... ,

người xem tranh nhìn là hiểu liền và thấy khoái. Thế thì ta nên vì Nghệ thuật để mà mòn mỏi hay vì Thị hiếu đám đông để có cơ tạm thoát cái loanh quoanh lẩn quẩn của người nghệ sĩ muốn học, muốn hành, mà rất nghèo phương tiện.

Cho nên chúng tôi mong ở sự bảo trợ tích cực của Chánh quyền, sự giới thiệu sáng suốt của báo chí, sự hiểu biết của người mua tranh để Hội họa càng phát triển.

VĂN-NÊN

Nguyễn-Văn-Ngôn

✶ NGUYỄN-VĂN-NGÔN.

Sanh ngày 1-2-1935 tại Vĩnh-Long (Nam-Việt).

Tốt nghiệp trường Mĩ nghệ thực hành Gia-Định năm 1954.

Năm 1958, theo học trường Cao đẳng quốc gia Mĩ thuật Gia-Định.

Đã dự triển lãm chung, do hội Văn hóa Việt-Nam tổ chức năm 1958.

Đã dự các cuộc Triển lãm mùa xuân do Văn hóa vụ tổ chức những năm kỉ-hợi (1959), canh-tí (1960) tân-sửu (1961) và nhâm-dần (1962).

Triển lãm riêng tại phòng Triển lãm Đô thành, năm 1960, với 74 họa phẩm sơn dầu và màu nước, và năm 1962 với 122 bức tranh đủ loại.

Tranh « Mùa lúa chín » *được chọn in lịch Stanvac năm 1962.*

Được bằng Tưởng lệ cuộc Triển lãm mùa Xuân nhâm-dần (1962) với bức tranh « Đất đỏ ».

Theo chỗ tôi biết, thì Hội họa ngày nay ở nước Việt ta không có xu hướng nào nổi bật cả, nhưng đáng kể là lòng nhiệt thành của một số quyết tâm phụng sự Nghệ thuật. Cũng có một số đi vào đường Hội họa để mong làm giàu hoặc mong kiếm chút danh gì, nhưng những người này chỉ là một số rất ít, và họ không đáng cho chúng ta quan tâm.

Phần tôi, tôi vẫn tìm hiểu mọi xu hướng xưa cũng như nay, nhưng tôi không theo hẳn một xu hướng nào, vì như thế là mình tự bằng lòng mình, tự đóng khung mình mất.

Tôi vẽ khi tôi thấy thích, hoặc khi một ý nghĩ gì dày vò tâm trí tôi, hoặc lúc một cảnh vật hay một cảnh đời rung

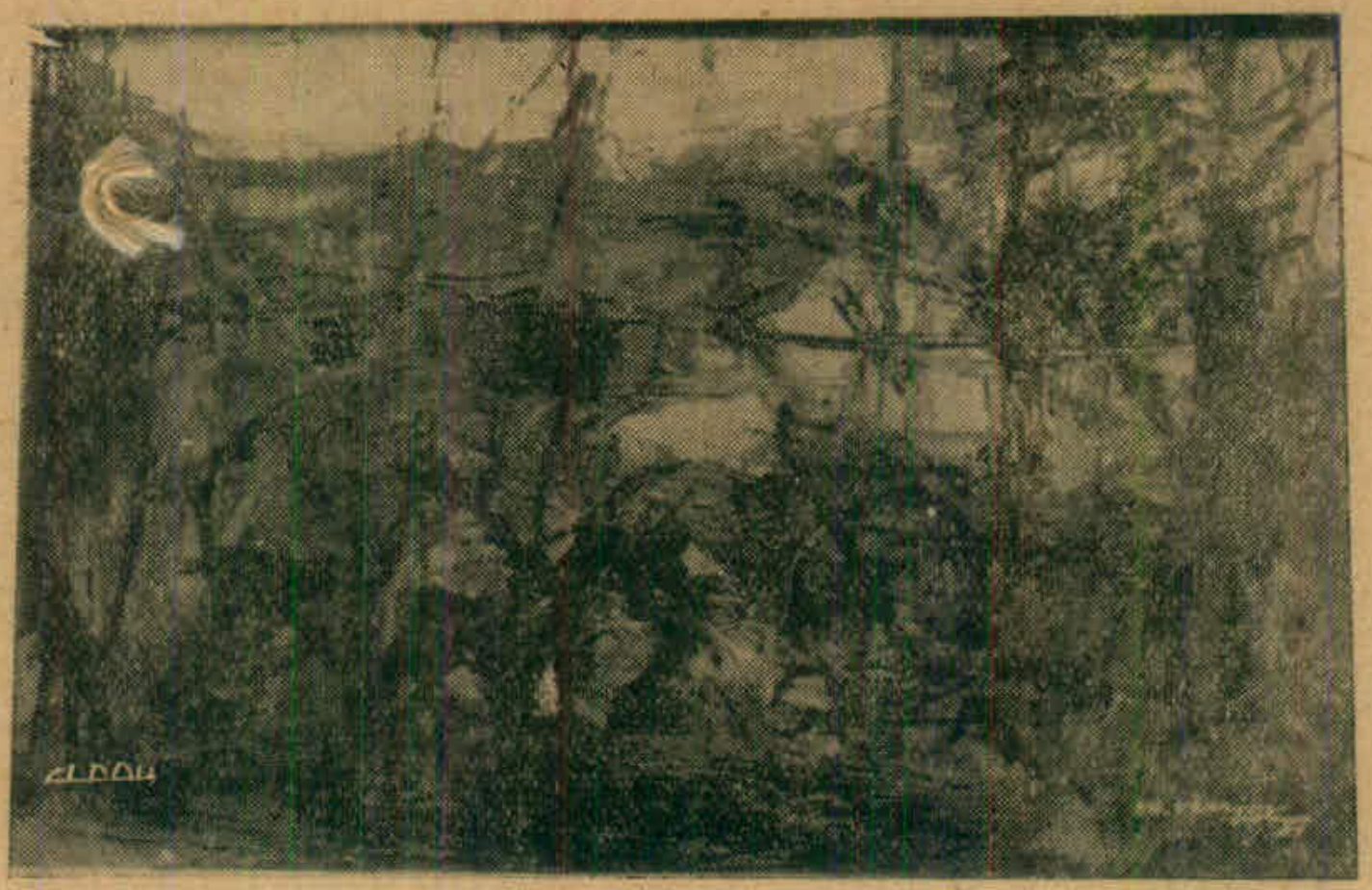

Đời sống nhọc nhằn

cảm tôi. Những lúc đó, không cầm lấy thâu được là những cuộc triển lãm tranh, cọ, không căng lấy vải, là tôi thấy khổ sở vô cùng,

Tôi nghĩ Hội họa là một ngôn ngữ chung cho cả loài người, thì nghệ sĩ phải cố sao cho tác phẩm mình được mọi người thưởng thức, dầu ở dưới vòm trời nào, thì tánh cách quốc tế là điều không có không được.

Về chính trị, người ta đã đi từ cái thế quốc gia hoặc chủng tộc sang cái thế khối, thì tại sao ta lại bo bo giữ cái « quốc hồn quốc tuý » trong Hội họa để người ngoại quốc cho tranh ta chỉ có cái đẹp địa phương !

Lnôn luôn tìm kiếm là điều quan trọng đối với người nghệ sĩ ở bất cứ bộ môn nào, nhưng ở bộ môn Họa, đó là điều tối cần. Nhưng với tôi thì tới nay tôi nhận mình chưa đi đến đâu cả. Ước vọng thì nhiều, mà tài sức có hạn. Kết quả một số tranh bán được, vài giải thưởng. Tôi cho đó không phải là đều đáng cho mình quan tâm. Có đáng quan tâm chăng là con đường mình đi đã đến đâu rồi.

Họa phẩm ưng ý lúc này đây, tôi có hai bức. Một là « *Đời sống nhọc nhằn* », hai là « *Trên sông nước* ».

Tôi xin phép được nói dài dòng về trường hợp cấu tạo chúng.

Một hôm, dưới nắng nung cháy của trưa hè, tôi thấy một người phu đẩy chiếc xe hai bánh chất đầy kiện hàng to và nặng. Người phu xe khom lưng cố đẩy, mồ hôi nhễ nhại ướt cả áo dày cộm bạc màu, rán hết sức mà chiếc xe tiến không được là bao. Khiến tôi tự hỏi người phu xe ngày nào cũng sống nhọc nhằn như thế, chẳng hay rồi họ được hưởng cái gì, họ có mơ ước gì chăng hay chỉ

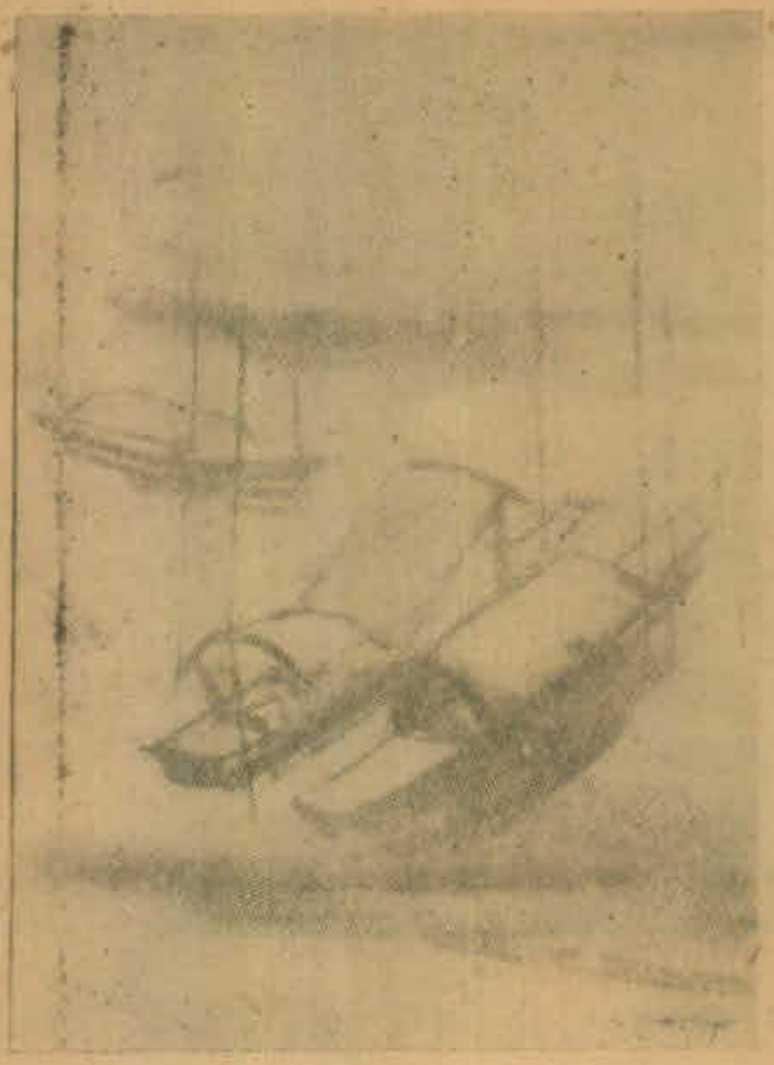

Trên sông nước

cam tâm sống kiếp đọa đày như thế. Tôi thấy cảnh này không phải là lần đầu nhưng chẳng biết sao hôm đó nó xúc động tôi mãnh liệt, cần phải làm cái gì, nếu không phải là giúp chiếc xe nặng nề kia lăn mau hơn nữa, thì cũng tỏ rằng mình chẳng dửng dưng với người đang lao lực nọ. Tôi bèn ghi lại người, vật, cảnh nọ lên vải. Vì thế mà tôi dùng một màu nóng cháy và một màu đen đậm, và nơi chân trời xa, một điểm sáng, đó là điểm hi vọng mà sức người muốn hướng chiếc xe đi.

Với họa phẩm « *Trên sông nước* », tôi đã sáng tác trong một lúc xuất thần. Xin thú thật với anh là tôi cấu tạo nó rất nhanh, không hơn năm phút. Hôm ấy, hứng đến đột ngột, tôi phóng bút và đường nét hình như tự nhiên đến. Tôi cố vẽ nhanh vì có cảm tưởng rằng nếu mình chần rãi, thì phút giây hứng bút qua đi, nét vẽ sẽ gò ép, không còn vẻ thanh thoát nữa. Và khi nét vẽ chót xong, tôi thở dài, vừa sung sướng : mình đã tận dụng phút giây hiếm có nọ, vừa tiếc : bao giờ mới được sống lại giây phút thoát trần kia.

Chẳng biết tôi có bi quan không, nhưng tôi có cảm tưởng rằng nền Hội họa nước Việt ta còn đứng trên một nền tảng chưa chắc gì mấy. Bởi lẽ tôi nhận thấy sự cóp nhặt, a dua thì nhiều, còn sự tìm tòi chân chính, sự sáng tạo cái mới, thì chưa được bao nhiêu. Lại nữa, dường như một số đông có ý chuyên về vật, mà quên người, khiến họa phẩm trở nên khô cằn, không tình cảm, hoặc co ro đi trong con đường cổ điển, nhại lại những cái gì xưa cũ đáng lẽ nên để nằm yên trong Dĩ vãng.

Lúc này hơn lúc nào hết, người ta nhận thấy có hai khuynh hướng rõ rệt đang dằng co nhau trên vòm trời Hội họa nước nhà.

Nhóm thứ nhất bị ảnh hưởng của một số họa sĩ Tây phương lệch lạc, cầu kì, khéo tay hơn là có hồn nghệ sĩ, thiếu căn bản về kĩ thuật. Nói đến kĩ thuật, một số họa sĩ mới cho rằng còn giữ những tư tưởng thoái hóa, nhưng riêng tôi, muốn đi lối nào thì đi, nhưng họa sĩ phải nắm vững kĩ thuật ; có được thế, ta mới có thể diễn tả trung thành những điều ta cảm, ta nghĩ.

Nhóm thứ hai là đa số họa sĩ có tuổi, chịu ảnh hưởng cổ truyền nhiều, cổ truyền Á-Đông hoặc cổ truyền Âu-Châu, họ thủ cựu, họ cố chấp, họ tự mãn, họ không dám ra khỏi đường mòn, cho nên tác phẩm của họ không diễn tả được tiếng

nói của thời đại, không làm giới họa ngoại quốc chú ý đến. Họ lại quá chuyên về phần kĩ thuật, tự biến thành những người « thợ vẽ lành nghề ». Khó mà tìm nơi nhóm này niềm rung cảm chân thành, sự độc đáo trong bố cục, trong đề tài . . .

Cho nên tôi tha thiết mong nền Hội họa của ta sớm có sự chuyển mình...

NGUYỄN-VĂN-NGÔN

Nghiêu-Đề

✱ NGHIÊU-ĐỀ.

Sanh ngày 15 tháng 12 năm 1939 tại Thu - Xà, Quảng-Ngãi (Trung - Việt).

Sinh viên trường Quốc gia Cao đẳng Mĩ Thuật (Sài-gòn).

Huy chương Bạc của phòng triển lãm Hội họa mùa Xuân tân-sửu (1961) do Văn hóa vụ tổ chức.

Kính anh Nguiễn-Ngu-Í,

Mỗi người làm Hội họa vẫn có tham vọng tìm cho mình một đường lối riêng biệt. Tôi chia xẻ ước vọng đó, vậy thôi. Nhưng tôi không thích tranh tôi được quá một giờ khi vẽ xong. Chúng thường bị úp một xó cho bụi... Tôi mang ơn những thằng bạn thường đến và lấy đi biệt tăm, như thế tôi yên tâm hơn. Mỗi lần bán được một bức tranh, tôi thấy như số tiền đó từ trời rơi xuống. Cho nên tôi vung tay quá trán mà không tiếc. Nhiều khi thấy tiền nó quá nhiều, mình không đáng được ! Như là một vụ lường gạt. Tôi cảm ơn hết những người yêu tranh tôi về sự rộng lượng của họ — rộng lượng quá sức ! Cho nên anh có thể ngh ĩ tôi chưa dừng lại — để kiếm điểm — được, hay là đã dừng lại như anh — để nhìn thấy chiếc mô-bi-lết biết bay ! Vì vậy tôi không tự cho tôi ở một xu hướng hoặc ở một trường phái nào hết.

⁂

Ở quê tôi, có một giống chim lạ, sắc trắng, và dáng mong manh lắm, thường bay một mình trong đêm trăng. Người ta bảo rằng nó bay mãi lên cao, và tan vào mặt trăng, không bao giờ trở lại. Tên nó là *Nguyệt*. Tiếng hót hay vô cùng. Không biết vì sao tôi yêu nó. Chỉ biết mỗi lần nó bay ngang cùng tiếng hát đã làm tôi xúc động. Bây giờ tôi nghĩ

Thanh nữ

Nghệ thuật tôi muốn là một cái gì hết sức tự nhiên như tiếng hót của chim *Nguyệt* vậy. (Không phải là tôi có xu hướng *naturalisme*), Như thế chắc anh biết tôi không muốn nói đến vấn đề Dân tộc tính hay Quốc tế tính. Một tác phẩm hẳn nhiên là mang những dấu vết của cuộc sống mà trông đó nó hình thành. Có điều, cũng như sự thật, nhiều khi người ta không nhìn thấy. Khi không phải là kẻ giả hình thì Dân tộc tính trong tác phẩm là một điều tất nhiên. Nói mãi một chuyện tất nhiên, ngoài những hậu ý nào khác, thì tôi chịu, không hiểu nỗi người ta thường lầm lẫn nó với đề tài. Hoặc giả vì vậy người ta bàn tới nó chăng? Nói về mình đã khó, giải thích cả tác phẩm mình nữa thì thật quá sức. Tôi chỉ có thể trả lời anh, tôi thích nhất bức *« Chân dung của Lê »* vì nó như một kỉ niệm. Khó phân biệt được những xúc động của Nghệ thuật và những xúc động của kỉ niệm, nhất là khi người ta chỉ còn lại kỉ niệm.

Tôi trả lời anh là mang cái chủ quan phơi bày ra. Cho nên tôi nói cho tôi, không phải nhân danh giới Hội họa. Không khỏi nhiều khi — mà nó thường lắm nữa — tôi thấy Nghệ thuật như một cái gì không thật. Nó phù phiếm, nó lừa dối như khi tôi nói *« Anh yêu Em »*. Vậy mà tôi biết tôi sẽ nói *« Anh yêu Em »* suốt đời.

Trả lời anh chỉ có vậy ; lan man và vô bổ. Mong anh thương tôi mà không giận.

NGHIỄU-ĐỀ

Thanh nữ ngồi

bài cuối của Lê

NGHIÊU-ĐỀ

anh giờ mặt dạn mày dày
nửa thân du tử nửa tay giang hồ
anh giờ còn lại thân cô
biển ầm chân sóng đã xô dạt người
sáng trời giã biệt yên vui
của em phồ thị của tôi lũng ngàn
bước dài qua buổi thu phân
xa tay hạnh phúc quen gần ưu tư
biết thân tôi biết sương mù
đà vây một bận theo người muôn năm
nghe Lê phù phiếm tay gần
trông em tiếng nói đã ngần ầy xa.

N. Đ.

ĐÍNH CHÁNH

Bài *Người Hải Ngoại* của Bùi-Giáng ở số 136, có in nhầm một câu ở đoạn cuối. Xin đọc lại là :

Cành Nam rủ phượng sai nhầm
Đoạn trường ai dựng bên tầm xuân phơi

***

Bài « **giải thưởng văn chương** » đăng ở số này, trang 37, cột 2, dòng 6, 7 xin đọc : « nhưng **nếu có thì** đó chỉ là **những** cuộc « chơi »...

— trang 39, cột 2 dòng 3... không phải là **người có** tất cả bài »

— trang 40 cột 2 dòng 15 : « nhân **lên** 2 »

— trang 42 cột 1 dòng 30 « **của** Đỗ-Nam-Tử. »

Sau khi « *Lang thang* » ở các nẻo đường đất nước lúc khói lửa tơi bời và trầm ngâm ở sa mạc Sahara, người phụ nữ nửa chừng xuân ấy lại ngừng chân lại... thời xưa để từ bờ sông Seine sắp gởi về quê hương :

THƯ SINH & TRƯƠNG CHI

Một tập kịch thơ chan chứa *tình* và *TÌNH*

Một tác phẩm mới của nhà xuất bản « PHÙ-SA »

Buổi chiều lá rụng

của **NGỌC-LINH**

— Một quyển tiểu thuyết mà xem xong, người bình dân khoan khoái, người trí thức bâng khuâng...

— Một quyển tiểu thuyết không thể thiếu trong tủ sách gia đình. bạn, nhất là khi bạn có cô em vợ xinh xinh ngoan ngoãn..

ĐÃ CÓ BÁN :

Gia-Đình Tôi

Truyện vui của DUY-LAM

180 trang **ĐỜI NAY** *xuất bản. Giá 42 $.*

Nhà vẽ « VIỆT NAM »

« VIETNAM » ART-STUDIO — EXHIBITION OF PAINTINGS

Vẽ Quảng-cáo đủ loại — Trang-trí — Cliché Cinéma — Họa chân dung do Họa-sĩ VŨ-HỐI, cựu Giáo-sư trường Trung-học Thủ-đô, hiện Giáo-sư trường Trung-học HẬU-GIANG trông nom.

13/3, đại lộ Ngô-Quyền — Cần-Thơ — VIỆT-NAM

SINH-HOẠT

TRÀNG - THIÊN

Thời đại ngày nay và công việc sáng tác, theo ý Hermann Hesse

Đề kỷ niệm cái chết vừa xảy ra của Hermann Hesse, trên tạp chí *Tin Văn* (Les nouvelles littéraires) Marcel Schneider viết một bài sơ lược về thân thể và sự nghiệp văn hào ấy. Bài này bắt đầu : « Hồi năm 1947, khi Hermann Hesse nhận giải Nobel, nhiều người Pháp trí thức không hề biết đến cả cái tên của ông ».

Sự hững hờ của quần-chúng Pháp đối với H. Hesse như vậy thật đáng lưu ý. Nhưng điều đáng lấy làm lạ hơn là mười sáu năm sau khi H. Hesse được giải Nobel, chính một văn sĩ ái mộ ông như Marcel Schneider vẫn còn chưa biết rõ ràng về ông. Trong bài văn nói trên M. Schneider bảo H. Hesse được giải Nobel năm 1947, thực ra thì là năm 1946 ; M. Scheneider lại bảo mơ hồ rằng H. Hesse chết giữa tuổi tám mươi, thực ra thì ông đã đúng tám mươi lăm tuổi vào ngày 2 tháng 7 năm nay.

Hermann Hesse không những bị quần chúng Pháp lạnh nhạt mà cho đến đồng bào ông đối với ông cũng không sốt sắng mấy. Ông có cha Đức, mẹ Thụy-Sĩ. Ông viết bằng tiếng Đức.

Hermann Hesse

Sống thì khi ở quê nội khi ở quê ngoại. Phía nội ông có nhiều người làm y sĩ, làm mục sư, giáo sĩ. Bắt đầu, ông cũng định theo gương tổ tiên, nghiên cứu thần học. Nhưng mà rồi nửa chừng ông bỏ đạo, theo đuổi thơ văn. Tác phẩm của ông thâm trầm, khó hiểu. Đời sống tinh thần của ông có nhiều dằn vặt, thắc mắc, đau khổ. Ông đã từng lìa bỏ gia đình, đi chu du về phía Đông phương, sang mãi tận Ấn-Độ tìm hiểu Phật giáo. Tới lúc ông lần lần tìm thấy sự yên tĩnh trong tâm hồn thì cuộc Âu

chiến bùng nổ, khiến ông hoang mang trở lại. Ông phản đối chiến tranh, kịch liệt phản đối chiến tranh, cho nên nước Đức hiếu chiến không có cảm tình với ông. Năm 1912 ông sang Thụy-sĩ, ở tại Montagnola, trong một ngôi biệt thự rất xinh đẹp do một người bạn thân là bác sĩ Hans Bodmer tặng. Ông lấy quốc tịch Thụy-sĩ, rồi sống ở đây cho đến ngày cuối cùng.

Hermann Hesse là một nhà văn Âu-châu thù nghịch với luận lý Descartes, với sự mê say tiến bộ, với lòng mê tín ở máy móc, với cái trí thức chuyên-môn-hóa cực độ đã gieo sự hỗn loạn trong kiến thức của con người, với khuynh hướng hiếu chiến v. v... Ông kêu gọi một thái độ sống nhu thuận, hòa hợp với nhịp điệu, trật tự của vũ trụ...

Quần chúng đông đảo không để ý đến những lời khuyến dụ thâm trầm của ông, nhưng trong hạng thượng lưu trí thức ở Âu-Châu, nhiều người thán phục ông. Để tựa quyển *Đi thăm Đông phương* của ông, André Gide đã viết :

« Ngày nay người ta chỉ chú ý tới những cái gì dữ dội ầm ĩ, còn những tác phẩm ôn hòa thì âm i như lửa vùi. Nếu quả nó thực có giá trị, thì chỉ sau một thời gian mấy năm nó mới lan dần ra, tỏa rộng ra được ».

Romain Rolland là bạn chí thiết của H. Hesse. Và một nhà văn viết tiếng Đức nữa, và cũng được giải Nobel, là Thomas Mann, rất hâm mộ ông.

Nhưng mối cảm tình của những bậc trí thức ấy, tuy là một vinh dự lớn, vẫn không làm cho ông tránh khỏi cái cảm tưởng cô đơn. Trước ngày từ trần ít lâu, ông có tiếp một nữ phóng viên nhiếp ảnh là Gisèle Freund, và ông buồn rầu bảo rằng :

... Thỉnh thoảng, những năm gần đây tôi cảm thấy nỗi cô độc của một người sống sót vào một thời đại không còn phải của mình nữa. Nhưng rồi, sau một thời kỳ im lặng, đám thanh niên trở lại viết thư cho tôi bảo rằng một thế hệ mới lại khám phá ra các tác phẩm của tôi, những tác phẩm theo tôi nghĩ thì đã bị quên lãng rồi.

Nhiều lần, tôi muốn trả lời và nói với họ rằng : « Tôi không thể trả lời các câu hỏi của các bạn. Tôi không thể trả lời nổi những câu hỏi của các bạn được. Tôi không thể trả lời nổi cả những câu hỏi của chính tôi đặt ra. Tôi cũng bối rối và tuyệt vọng như các bạn trước cuộc đời và những tàn ác của nó. Tất cả những gì tôi có thể làm được, ấy là bảo với các bạn rằng không phải chỉ có các bạn hoang mang mà thôi đâu. Những nhà văn, ít ra họ có thể cất một tiếng kêu giữa nỗi đau khổ của họ. Còn kẻ khác phải im lặng chịu đựng đau khổ.»

Con người thù ghét chiến tranh, bối rối trước những tàn ác của cuộc đời, con người đã bỏ nước Đức ra đi trong trận đại chiến trước, bây giờ lại phải sống trong một thời đại còn bị đe dọa nặng nề hơn. Trông thấy chiếc phi cơ quân sự, ông than thở :

— Không thể tìm thấy hòa bình ở chỗ nào cả, không thể tìm ra được chỗ nào mà trốn thoát CHÚNG NÓ cả !

Điều ngộ nghĩnh là một văn hào ít được quần chúng biết đến như ông lại luôn luôn để hết tâm trí theo dõi từng biến cố của cuộc sống quanh mình, lại là một người thiết tha với thời đại mình, thiết tha đến một mức độ khác thường. Thật vậy, nhiều nhà văn được quần chúng xem là « tiếng nói của thời đại », sáng tác rất khoẻ, thường «cất tiếng nói», chăm chỉ sửa giọng nói cho hay, cho hấp dẫn. Còn Herman Hesse, ông nghĩ những thời như thời này làm cho ông hết nói nổi, hết viết nổi, nhất là viết tiểu thuyết :

Với tư cách nhà văn, nhà nhân bản học, tôi luôn luôn chống lại chiến tranh, chống lại sự say cuồng kinh tởm muốn cắt nhân loại ra làm hai phần để hủy diệt nhau bằng những phương tiện khủng khiếp. Tội lấy làm phục những nhà văn trẻ còn có thể nghĩ tới những cuốn tiểu thuyết, chuyên chú vào sự nghiệp của họ, cố gắng đem ánh sáng vào giữa cảnh hỗn loạn quanh mình. Tôi cho rằng cuộc đời trở nên khó khăn thêm rất nhiều đối với một nhà văn trẻ ngày nay, mặc dù họ có những điều lợi về vật chất, về mặt quảng cáo và tác phẩm họ được in nhiều. Nhiều khi tôi tự hỏi nếu bây giờ mà tôi còn trẻ thì không biết tôi sẽ viết ra thứ sách gì. Và tôi không thể trả lời nổi.

⁂

Nhân tiện, chúng ta nhớ tới lời nói của nhà văn lão thành khác, François Mauraci. Cũng một thiết tha như vậy đối với thời cuộc, và một bề tắc như vậy lúc về già.

F. Mauriac cho rằng không thể viện lẽ nghệ thuật mà tự tách rời ra các lo lắng chính trị. « Tác phẩm lớn lao nào mà lại có thể xuất tự một cõi lòng và một khối óc hững hờ với lịch sử con người ? Tác phẩm của Tolstoï của Dostoïewski, của Dickens, của Stendhal và của Balzac đều không phải là những tác phẩm như thế ». Ngay tới Marcel Proust, mà người ta thường nêu ra làm thí dụ cho một cuộc đời nghệ sĩ, ôm bệnh tật, thu hình vào tháp ngà, xa lánh thế sự, chỉ biết có nghệ thuật, Marcel Proust — theo lời F. Mauriac cũng đã từng có một thời theo dõi và bênh vực say sưa vụ Dreyfus, không có thể chắc chắn M. Proust đã không thể nào xây dựng nổi những nhân vật trong giòng Guermantes và Verdurin, những Swann, Bloch hay Saint Loup.

Nhưng còn ở F. Mauriac, nỗi tha thiết đối với thời đại đã tác động ra sao ? Ông lại cũng thú thực như Hermann Hesse rằng ông không thể viết nổi một quyển tiểu thuyết nữa (trong những trang *Sổ tay — Bloc-notes* trên tạp chí *Figaro văn học* số ra ngày 14-7-62). Không phải vì tuổi già nguội lạnh : ông bảo mình hăng hái hơn bao giờ hết. Cũng không phải vì sợ kỹ thuật lỗi thời trước đám trẻ ngày nay : ông có thể viết cho thỏa thích mình và cho một số độc giả đồng điệu của mình cũng

được chữ. « Cái gì làm cho mình tê liệt, vào tuổi tôi, ấy là biết rằng sắp đến cái lúc mà mọi việc đều hóa thành vô nghĩa : một sự thực khủng khiếp đến nỗi nó sẽ giết tiêu hết mọi ảo mộng. Không có một câu chuyện bịa nào có thể được thay thế vào chương cuối của chuyện đời chúng ta ».

Trong quyển khảo luận *Tiểu thuyết đi về đâu ?* (*Où va le roman ?*), nhà phê bình Pierre de Boisdeffre để ý rằng trong lớp tiểu thuyết gia giữa hai cuộc đại chiến tự dưng có một số rất đông bỏ nghiệp thình lình : Malraux, Duhamel, Romains, Mauriac... Về F. Mauriac, nhà khảo luận nói : « Chính ông cũng ý thức được tính cách vô nghĩa của văn chương trong một thế giới đang bị đe dọa hủy diệt ».

Trở về Hermann Hesse. Thực không ngờ tuổi già lại khắc khoải đến thế về thời đại mới, thời đại mà họ đã bảo là « không phải của mình ».

Sự choáng váng trước giờ trọng đại của lịch sử, chận đứng ngòi bút của những người lỗi lạc từng liên tiếp sáng tác trên nửa thế kỷ !

Những lời tâm sự cuối cùng của lớp người ấy không khỏi làm một số bạn trẻ chúng ta giật mình lo lắng.

TRÀNG-THIÊN

THU-THỦY

Khỉ vẽ

Một cuốn sách của Desmond Morris, chuyên gia ở sở bách thú Luân-Đôn, vừa phát hành đã gây nên dư luận xôn xao ở Anh. Sách đang được dịch ra nhiều thứ tiếng khác. Đó là một tác phẩm nói về hội họa... của loài khỉ.

Nguyên trong khoảng năm mươi năm nay, Desmond Morris đã theo dõi thái độ và bút pháp của ba mươi hai con khỉ. Những họa sĩ lạ lùng đem ra thí nghiệm này đều thuộc vào lớp trẻ (từ hai đến năm tuổi). Chúng thành thực yêu nghệ thuật, làm việc vì thích thú, ham mê chứ không bị ép buộc mua chuộc gì. Tác giả cam đoan rằng không hề có hứa hẹn thưởng chuối cho một nghệ sĩ nào, bởi vậy có thể chắc chắn là không có trường hợp sáng tác vội vàng cẩu thả để mau lãnh phần thưởng. Hơn nữa, có những họa hầu say mê nghệ thuật đến nỗi trong khi vẽ mà bị quấy rầy thì nổi dóa lên phản đối càu nhàu ngay.

Như thế chứng tỏ hoàn cảnh sáng tác hoàn toàn tự do.

Trong hoàn cảnh ấy, họ đã sáng tác rất khoẻ. Hai họa hầu có tài hơn cả, một tên là Alpha đã vẽ được trên hai trăm họa phẩm, một nữa tên là Congo đã lưu lại ngót bốn trăm bức tranh.

Bảo rằng số lượng như thế chưa đủ nói lên một thành công chăng ? — Thì Desmond Morris đã mang tranh ấy ra triển lãm tại London Art Gallery, và được sự hoan nghênh nhiệt liệt của giới sành sỏi về nghệ thuật. Trong số khách hàng hâm mộ đến mua tranh, người ta thấy có những tên tuổi như Picasso, Herbert

Họa sĩ...

...và tác phẩm

Read, Roland Penrose v.v... Đối với những họa sĩ mới ra đời ngày nay còn có sự tán thưởng nào hơn nữa !

Dĩ nhiên tất cả họa phẩm nói trên đều không có đề tài, không hình dung một cái gì. Nếu phải tìm ra một ít danh từ chuyên môn để tiện việc xếp loại, thì có lẽ chúng ta nêu lên các tiếng : vô hình (non figuratif), vô thể (informel), trừu tượng (abstrait), chẳng hạn.

Nêu lên các tiếng ấy không khỏi bị giới họa sĩ kêu là lạm dụng danh từ, là phỉ báng nghệ thuật, là hồ đồ. Tuy vậy, đó là một việc làm không xa bản ý của Desmond Morris. Ông này xem như trong vòng trên nửa thế kỷ nay nghệ thuật đã phát triển theo một chiều hướng lộn về thời thơ ấu. Năm 1900 biểu hiệu tuổi sáu mươi của nền hội họa già nua trong sự mô tả ghi chép tỉ mỉ thực tại. Năm 1960 hội họa cơ hồ lộn lại tuổi lên hai : những quệch quạc, bôi bác loạn xạ của phái trừu tượng gợi lại những nét lem luốc của trẻ con, và — xa hơn nữa — những nét lăng nhăng của loài khỉ.

Để tìm hiểu về nghệ thuật, nguồn gốc, qui tắc, con đường phát triển của nghệ thuật v. v... người ta đã từng đi ngược tuổi tác mà nghiên cứu đến nét bút của trẻ con, đã từng đi ngược thời gian tìm về theo dõi những hình khắc trên đá của các giống người cổ sơ hồi tiền sử... Tại sao không tiến xa thêm nữa, thử thí nghiệm trên nét vẽ của một giống động vật khôn ngoan gần con người ?

Desmond Morris đã nhẫn nại thí nghiệm. Cuối cùng ông tuyên bố rằng giữa những bậc thầy như Léonard de Vinci với một họa hầu như Congo, dẫu rằng có sự cách biệt muôn trùng, nhưng vẫn có lắm điểm tương đồng.

Tựu trung, có thể nêu lên sáu nguyên tắc quan trọng nhất chi phối tất cả hoạt động sáng tác hội họa, từ khỉ tới người.

Thứ nhất là nghệ sĩ chỉ có thể tìm thấy phần thưởng ngay trong công việc của mình đang làm, trong cái

hứng khởi sáng tạo của mình. Nghĩ tới lợi lộc, công danh, nghệ sĩ không thành thực sẽ làm hỏng. Con khỉ vẽ vì quả chuối hứa hẹn cũng sẽ không làm được bức tranh nên thân.

Thứ hai là nguyên tắc điều hợp. Dù đến các con khỉ, chúng cũng biết tìm một thể quân bình cho bức tranh. Nếu lỡ nghiêng về một số chi tiết, chúng biết vội vàng sửa chữa ngay chỗ khác cho được cân xứng.

Thứ ba là nguyên tắc phân hóa. Khỉ cũng như trẻ con, chúng lần lần thêm-thắt, chữa đi chữa lại, làm cho bức vẽ từ chỗ đơn giản tiến dần đến những chi tiết phức tạp, phong phú.

Thứ tư là nguyên tắc biến hóa đề tài. Người ta biết có những nghệ sĩ chuyên vẽ mèo, vẽ ngựa, vẽ trái táo, vẽ vũ nữ v. v... , đề tài tuy một mà mỗi bức mỗi khác, khai thác mỗi khía cạnh khác của sự vật. Con khỉ Congo, về đề tài cây quạt cũng biết sử dụng những biến hóa khá tài tình.

Thứ năm là tuồng như đến một mức nào đó bức tranh phải được coi là hoàn thành, khi ấy một nét bút thêm vào sẽ làm hại tác phẩm. Khỉ cũng như người, đều có thể nhận thấy cái mức độ hoàn thành đó. Con khỉ Congo khi vẽ xong rồi mà bị ép vẽ thêm liền nổi giận bôi xóa lung tung, làm cho hỏng hết.

Thứ sáu là phải công nhận có những nguyên tắc sơ đẳng căn bản trong hội họa, hoặc căn cứ nơi những lý do liên quan đến sự hoạt động của các bắp thịt ở bàn tay, ở cánh tay, hoặc những lý do thuộc về quang học (chẳng hạn nguyên tắc về *con số vàng* — nombre d'or), hoặc những lý do thuộc về tâm lý...

Sáu nguyên tắc nêu trên là những nguyên tắc sinh vật học về sự sáng tạo hội họa, vừa đúng đối với loài người mà cũng vừa đúng đối với loài khỉ. Desmond Morris tin tưởng ở sự ích lợi của công cuộc nghiên cứu hội họa theo hướng ấy. Ông hô hào cổ xúy thành lập một Viện Nghiên cứu Thẩm mỹ sinh vật học.

Đề nghị tuy có lạ lùng mà thực ra không phải không ai nghĩ tới, bởi vì ở Nga từ 1913, trước cuộc cách mạng, người ta cũng đã bắt đầu tập cho khỉ vẽ.

THU-THỦY

(Theo tài liệu của André Bay troug tạp chí *Le Figaro littéraire* số ngày 11-8-1962).

★

NGUIỄN-NGU-Í thuật theo Wolfang Leonhard trên tài liệu của Preuves information

Đại hội Thanh niên thế giới tại Helsinki

Đây là lần thứ tám mà Thanh niên thế giới gặp nhau. Nhưng gặp nhau lần này ở thủ đô Phần-Lan lại là một cuộc gặp gỡ lịch sử. Lịch sử vì trong số 13.000 tham dự,

có một số đông đại biểu hai châu Phi. Á, và nhiều người đã lớn tiếng tỏ sự bất bình của họ đối với sự thiên vị rõ rệt của những người tổ chức.

∴

Thật là khó cho bất cứ quan sát viên nào đã dự trọn tuần cuộc đại hội Thanh niên thế giới kì này mà muốn phê phán cuộc gặp gỡ lớn lao trên đây trong vòng năm bảy hàng! Có hoạt động cuồng nhiệt mà lại có cả hiện tượng lãnh đạm thờ ơ. Có tranh luận nghiêm chỉnh mà lại có cả vu khống trắng trợn. Có bồ câu hòa bình xen lẫn bọn *vô lại nhà binh*. Có trình diễn rõ ràng về văn hóa xen với tuyên truyền chánh trị ba xu, cũng như có quan điểm rộng rãi bên thành kiến ngu si với tinh thần hẹp hòi, bao nhiêu điều trái ngược ấy đã sát cánh nhau trong đại hội này.

Dĩ nhiên là cũng như các lần trước, sự điều khiển thật sự Đại hội nằm trong tay những công chức có kinh nghiệm và được lựa chọn kỹ càng, tất cả đều thuộc nhóm Liên-Xô — Đông-Âu. Nhưng sự tham dự có nhiều màu sắc khác nhau.— Tỉ như người ta gặp hội viên những tổ chức thanh niên công giáo, ưa hòa bình, thích tự do hoặc trung lập, tuy biết rõ cái tính cách lèo lái và thiên vị của Đại hội cũng đến dự vì hi vọng và tin tưởng rằng sự tham gia của họ là một cơ hội cho đại hội nghe những lời lẽ không phải là của cộng sản. Người ta lại gặp những thiếu niên nhận lời mời để được nghỉ hè không tốn kém, và chẳng quan tâm mấy đến đại hội!

Một số đông không chấp nhận sự thiên vị của đại hội. Và sự chống đối giữa những người tham dự với những người tổ chức đã giải thích tại sao đại hội lại không diễn ra như đã trù tính trước. Nhiều phen ban tổ chức phải đối đầu với lắm vụ lộn xộn.

Ban tổ chức đợi 18.000 đại biểu thanh niên, thế mà chỉ có gần 13.000 người đến.

Tổ chức thanh niên Ghana từ chối tham dự vào phút chót.

Thanh niên Thổ-Nhĩ-Kì không tới khiến tấm bảng kẽ tên nước này nằm lăn lóc phía ngoài sân vận động.

Người ta đợi 500 đại biểu khối Cộng-hòa Á-Rập Thống nhất, mà chỉ có 50 người đến Helsinki.

Trường hợp phái đoàn Tích-Lan cũng vậy : người ta hi vọng họ đến đông gấp hai.

Trong hàng ngũ các phái đoàn châu Phi và Nam-Mĩ, cũng có sự kiện tương tợ.

Ban tổ chức Đại hội giải quyết vấn đề rắc rối này một cách rất ư là giản dị : họ cho sinh viên đại học « Patrice Lumumba » ở Moscou đóng vai « đại biểu », và dĩ nhiên là các đại biểu chánh thức rất đỗi bất bình.

Có khi, như trường hợp Mễ-Tây-Cơ và Bô-Li-Vi : người ta loan tin

có sự tham dự chánh thức của những tổ chức thanh niên rất quen thuộc, mà thực ra ai cũng biết là họ không bao giờ đặt chân đến Helsinki.

Còn ba nhân viên phái đoàn Pa-Na-Ma thì thật sự gồm có hai chàng thanh niên ở tại Cuba, còn chàng thứ ba vốn ngụ tại... Liên bang Nga-Xô-Viết !

Cả đến những phái đoàn của khối cộng-sản phương Đông vốn vẫn đồng nhất mà nay cũng có thái độ dị biệt rõ rệt. Mối bất hòa giữa Nga và Trnng-Cộng và sự xung đột giữa Nga với An-Ba-Ni, ai cũng thấy : phái đoàn An-Ba-Ni gồm gần bốn mươi nhân viên sống cách biệt suốt thời đại hội. Phái đoàn Trung-Cộng mà trong kì đại hội năm 1959 ở Vienne, số tham dự đứng vào hạng nhì, nay chỉ có 110 đoàn viên, trong đó hai phần ba thnộc về nhóm tài tử trình điễn vũ khúc và dân ca Trung-Quốc. Ngoài ra, cuộc diễn hành của các phái đoàn Đông-Âu tại vận động trường Helsinki cũng biểu lộ những khác biệt càng rõ rệt, mặc dầu có nhiều nét tương đồng. Phái đoàn Ba-Lan là phái đoàn « dân sự » hơn hết, và phái đoàn này về mọi điểm giông như một phái đoàn của Tây-Âu. Phái doàn Hung-Gia-Lợi đặc biệt ở điểm không có những cái... đặc biệt của các nước « dân chủ nhân dân ». Bảo-Gia-Lợi và Tiệp-Khắc chọn một vị trí trung bình, quốc gia thứ nhất thiên về khía cạnh dân ca. Trái lại phái đoàn Thanh niên Đức-Quốc tự do (tức Đông-Đức) mang đến hai dàn quân nhạc đồ sộ. Nhưng chính phái đoàn hùng hỗ này lúc nào cũng bị giám thị và kiểm soát ; tàu họ không cặp chung bến với tàu các phái đoàn khác. Không thể nào bắt chuyện với một đoàn viên thường của phái đoàn Thanh niên Đức... « tự do » này. Sự kiểm soát gắt gao và không chút sơ hở cũng như tánh cộc cằn của đoàn thanh niên trên đây là dấu hiệu sự yếu kém của họ, và điều này được ba mươi bảy đoàn viên Đông-Đức xác nhận bằng hành động : trốn khỏi phái đoàn !

Nhưng có điểm lí thú và hữu ích đáng ghi là thái độ quả quyết của thanh niên các nước chậm tiến, các nước ở ngoài hàng ngũ. Một số đông bọn họ xác định rõ ràng rằng họ là đại biểu những nước trung lập đến Đại hội để để xướng hòa bình và tình hữu nghị quốc tế chớ không phải để nhận sự tuyên truyền thiên lệch của khối Cộng. Tỉ như phái đoàn Cộng hòa Á-Rập Thống nhứt, lớn tiếng hoan hô « Nasser » thay vì hò hét những khẩu hiệu người ta làm sẵn. Trong một cuộc hội ý, một thanh niên In-Đô-Nê-Xi-A đòi Đại hội cấm ngặt các cuộc thí nghiệm nguyên tử, bất cứ từ đâu đến. Phái đoàn Nhật muốn tổ chức một cuộc biểu tình chống lại những cuộc thí nghiệm của Mĩ và Nga và ban chỉ huy Đại hội phải nhọc nhằn hết sức mới ngăn cản được.

Tuy nhiên, trong những cuộc hội thảo chính trị đó, hễ lần nào có dự kiến bày tỏ một quan điểm độc lập,

ngay cả trung lập nữa, cũng đều bị bóp ngẹt liền. Thật sự ra, không bao giờ có sự trao đổi tự do ý kiến, cả đến những buổi họp mà người ta rêu rao rằng đó là một « diễn đàn tự do ». Sự thiên lệch và hẹp hòi này gây lắm cuộc phản kháng của nhiều phái đoàn, tỉ như phái đoàn các nước Tích-Lan, In-Đô-Nê-Xi-A, Dahomey, Nigéria và Ouganda. Huấn luyện viên phái đoàn In-Đô-Ni-Xi-A bỏ đại hội ngày thứ ba. Thư kí đoàn Thanh niên của đảng dân chủ Ouganda từ chức trưởng phái đoàn nước mình. Và sau cùng, trong cuộc nghỉ họp cuối tuần, 44 đoàn viên của phái đoàn Tích-Lan tỏ sự phản đối bằng cách rút ra khỏi Đại hội.

Người ta bàn cãi nhiều về một « giải pháp cải biên xây dựng ». Nhiều đại biểu gợi ý tổ chức một Đại hội thanh niên quốc tế thật sự, tạm thời nhờ Liên-Hiệp-Quốc, U-NESCO, hoặc những tổ chức thanh niên không tham dự bảo trợ, như thế mới có sự tỏ bày, bàn xét mọi quan điểm một cách thật là tự do.

Được vậy, Đại hội có thể mới danh chính ngôn thuận :

— một đại hội thanh niên và sinh viên của tất cả mọi nước trên hoàn cầu để đem lại hòa bình và tình hữu nghị cho mọi dân tộc.

***

Dưới đây là vài cảm tưởng của một thanh niên thủ lãnh nghiệp đoàn Phi-Châu, ông Melvin, dân biểu nước Gambie, sau khi dự Đại hội về :

« Ở cuộc hội thảo nào, nguyên tắc căn bản về tự do ngôn luận cũng không hề được tôn trọng. Chỉ những đại biểu ca ngợi xã hội chủ nghĩa và lên án chế độ tư bản và đế quốc mới được trao lời. Có một phiên họp, sự thiên vị bỉ ổi quá đến nỗi phân nửa đại biểu Tích-Lan vừa bỏ phòng họp vừa phản đối và về nước mình tức khắc sau khi cho bà Bandaranaike, Thủ tướng của họ, hay quyết định của họ ».

« Sau Đại hội, tất cả đại biểu được chánh phủ Nga mời đến thăm Léni. grad và Moscou, mọi sở phí đều do chính phủ Nga đài thọ. Chỉ một số ít nhận lời. Số đông, trong đó có tôi và các bạn đồng nghiệp, cho rằng mình tai nghe mắt thấy thế khá nhiều và đã hiểu đại khái cũng đủ những phương pháp Mác-Lênin ra sao rồi.

« Tuy vậy, dự Đại hội này đối với tôi là một kinh nghiệm lí thú. Từ một nước nhỏ, nghèo và chậm tiến, tôi không thể nào không kinh ngạc trước các tổn kém của một cuộc gặp gỡ như thế. Tiền di chuyển cho một đại biểu Gambie là 7.000 quan mới. Con số này thật ra chẳng nghĩa gì so với số tiền chi phí cho hằng ngàn đại biểu từ khắp thế giới đến. Người ta ước lượng đại hội Thanh niên thế giới kì thứ tám này tốn hơn 70 triệu quan mới. Một phần số tiền này mà được đầu tư vào một nước chậm tiến như nước tôi thì chắc chắn sẽ đem lại một sự tiến bộ đáng kể rồi ».

NGUIỄN-NGU.Í *thuật*

NGUIỄN-NGU-Í thuật

Giáo dục trong thời đại kĩ thuật

Đêm 24-8-62, trong một buổi họp của Tổng liên đoàn Giáo giới tại trụ sở, 2 đại lộ Thống-Nhất, ông Nguyễn-Hữu-Chỉnh, trưởng phái đoàn Việt-Nam tại đại hội thứ XI của Tổng liên đoàn Giáo giới quốc tế, có trình bày một quyết nghị quan trọng của Đại hội, vồn họp tại kinh đô Thụy-Điển ngày 29 tháng 7 đến ngày 5 tháng 8 vừa rồi.

***

« *Giáo dục trong thời đại kĩ thuật* » là một trong những vấn đề mà Tổng hội Giáo giới quốc tế quan tâm vào bậc nhất, nên sau một thời gian nghiên cứu, tổng liên đoàn đề ra một số nguyên tắc để các nhà hữu trách có thể dựa vào đó đặng giải quyết những vấn đề đặt ra cho việc kế hoạch hóa nền Giáo dục ở thời đại kĩ thuật.

Hai mục đích của việc kế hoạch hóa này là :

1.— Sửa soạn cho mọi người có thể hoàn tất những hoạt động nghề nghiệp về kĩ thuật để mưu sinh trong một xã hội tân tiến và tham gia đắc lực vào sự thịnh vượng chung.

2.— Tăng cường và bảo vệ những giá trị đạo đức về tinh thần và sửa soạn cho mọi người có thể sống tự do và xứng đáng trong một xã hội tân tiến mà kĩ thuật đã rở tnên một trong số những động lực chính biến đổi đời sống của mọi người.

Và đây là quan niệm của tổng liên đoàn Giáo giới quốc tế về vấn đề quan trọng này :

1.— Cần phải bảo tồn sự quân bình giữa sự đào luyện về nhân bản và sự đào luyện về khoa học kĩ thuật và chuyên môn.

2.— Việc kế hoạch hóa cần thiết được thực hiện bằng cách dung hòa những yếu tố kinh tế và những yếu tố xã hội ; công cuộc này còn phải được luôn luôn tương xứng với những điều kiện thay đổi của kĩ thuật căn cứ không những ở nhu cầu hiện tại mà còn ở những đòi hỏi của một tương lai xa xôi.

3.— Sự phối trí giữa các trình độ và các bộ môn khác nhau của nền giáo dục là thiết yếu trong một công cuộc kế hoạch kia hợp lí nền giáo dục.

4.— Việc kế hoạch hóa phải được thực hiện theo khuynh hướng dân chủ hóa nền giáo dục, đem tới cho mỗi cá nhân những cơ hội tối đa để có thể phát triển tới tột độ những khả năng và thiên tư của họ.

5.— Các nhà hữu trách về giáo dục tuy phụ trách việc kế hoạch hóa, cũng

cần được sự hợp tác của các tổ chức công hay tư liên hệ, nhất là các tổ chức giáo giới.

6.— Việc kế hoạch hóa phải căn cứ vào những thực tại căn bản của từng quốc gia. Các tổ chức quốc tế nên trợ giúp một cách hữu hiệu những quốc gia nào cần tới, để có thể trù liệu và thực hiện việc kế hoạch hóa đó.

***

Kĩ thuật phát triển mau chóng, cho nên phần tử nào trong ngành Giáo dục cũng cần phải chú trọng tới những nhu cầu của con người, của tập thể và luôn luôn cải tiến những chương trình học tập. Điều quan trọng bậc nhất vào thời đại kĩ thuật là học đường phải chú trọng trước hết tới sự nhu cầu của mỗi trẻ em, và đặc biệt phải lo sao cho các học sinh kém thông minh nhất thấy được khuyến khích để chúng có thể thành công trên đường đời.

Chương trình học cần chú ý đến việc vượt khỏi những hàng rào về ngôn ngữ, những phong tục địa phương cùng là những hệ thống đo lường hoặc tiền tệ không giống nhau. Và học đường giữ vai trò quan trọng trong việc :

a) giúp đỡ phụ huynh và trẻ em thấu hiểu lối sống mới ;

b) khuếch trương những tương quan chặt chẽ hơn giữa phụ huynh và các giáo chức để cho hai bên thêm thông cảm ;

c) khuyến khích các giáo chức trong việc tăng cường những kiến thức cùng là sự thông hiểu về xã hội ở ngoài khu vực học đường để cho họ có đủ điều kiện giảng dạy cho học sinh về hết thảy những liên quan tới tập thể trong đó chúng sẽ sống và hoạt động.

Đại hội đồng các đại biểu họp kì thứ XI thỉnh cầu tổng liên đoàn Giáo giới quốc tế can thiệp với tổ chức Văn hóa quốc tế (UNESCO) để tổ chức này cung cấp một cách dồi dào và nhanh chóng mọi sự viện trợ kĩ thuật, về phương diện cố vấn và giáo sư chuyên môn cũng như về phương diện học cụ cho các quốc gia gia nhập tổng liên đoàn.

Đại hội đồng lại khuyến cáo các hiệp hội quốc gia can thiệp với các chính quyền liên hệ để phổ biến thật rộng rãi những gì có thể giúp ích cho sự tự trau giồi kiến thức để cho *kiến thức không còn là đặc quyền của một số ít mà trở thành một lợi ích cho số đông.*

***

Sau cuộc thuyết trình, có phần văn nghệ giúp vui. Tiếc rằng phần này giao cho do các nghệ sĩ... nhà nghề ngoài đời phụ trách. Phải chi được các nghệ sĩ... tài tử trong đại gia đình Giáo giới đảm nhiệm, thì cái vui thêm phần ý nghĩa biết bao...

NGUIỄN-NGU-Í *thuật*

Bách-Khoa vừa nhận được

— Tình yêu em — Em về bên nớ (Mai-Thùy-Trâm) — Kẻ khốn nạn (Nhân-Dung) — Tiếng súng đêm (Huỳnh-Hữu-Phước) - Núi câm ; Tầm hoang (Hồ-Dạ-Thoại) — Đêm buồn của nó (Lệ-Khánh) — Hình ảnh xứ Huế (Nguyễn-Đức-Tuấn) — Nghiêng nón (Nguyễn-Lê-Cang) — Ngõ về kỷ niệm ; Cõi mộng (Mạc-Quan-Huyền) — Lan Hương (Hoàng-Ngọc-Hiền) — Khối đầu (Nh=n) — Thu tình tự (Nguyễn-Đình-Tạc) — Mùa sương (Lê-Tâm) Cao nguyên ; Nguồn xưa (Trang-Thiên-Phong) — Nét buồn trong tim (Mặc-Mai-Nhân) — Còn nhớ gì không ; Khát vọng ; Lối buồn (Thanh-Phương-Thảo) Tiếng thời gian (Tâm-Tuyên) — Kiếp nghèo (Hoài-Minh) — Của em (Yên-Vũ) — Không đề ; Thu... (Vũ-Trung-Túy-Lang) — Sầu ca sa mạc (Cô-Lữ) — Mưa (Thạch-Bích) — Tâm sự kề vai (Nghiêng-Nghiêng) — Thân phận (Nhất-Phương-Trinh — Quê hương tôi (Luân-Hoàn) — Nàng thơ. . (Vân-Đài) — Chối từ.. (Vân-Huyền) — Kể cho em chuyện một đêm ; Thương hoài .. (Phượng Tấn) — Chiều cô đơn ; Đôi mắt (Sĩ-Hồng-Giả) — Gối thu ; Chiều bờ sông... (Hoàng-Bích-Ni)

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, **trừ THƠ** và trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

— **Ô. Vũ-Đình-Uyên.**— Xin ông coi lại thể lệ mua báo đăng trong các số Bách-Khoa trước. Chúng tôi vẫn còn một số báo cũ, khi ông cần dùng xin gửi ngân phiếu về tòa soạn ; gửi thẳng tiền e thất lạc và không hợp pháp.

☆

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Em đốt lá rừng** : Tập thơ thứ tư của Thần-Liên Lê-văn-Tất, nhà thơ tàn phế ở Châu-Đốc, Thi-đàn Sơn-hải-nguyệt-phong-vân xuất bản và tác-giả gửi tặng Sách dày 60 trang, khổ lớn, gồm trên 40 bài thơ, in trên giấy đẹp, nền hoa, bản lưu-niệm không đề giá.

— **Những viên sỏi** 13 truyện ngắn chọn lọc của Tạ-Ty, lời đầu sách của Hiếu-Chân, Nam-Chi tùng-thư xuất bản, do tác-giả gửi tặng. Sách dày 210 trang, giá 65 $.

— **Nghệ thuật làm văn và đọc văn** của Vũ-Ký, in lần thứ 3, do nhà Khai-Trí và gửi tặng. Sách dày trên 650 trang, gồm những tài liệu về luận-văn, giảng-văn, văn-học-sử, dùng cho các cấp Trung-học Phổ-thông, Chuyên-khoa, Kỹ-thuật. Giá bán 120 đ.

— **Bi ca** tập thơ của Hoài-Phương, Thời-Nay xuất bản, tác-giả gửi tặng. Sách dày trên 50 trang gồm 18 bài thơ, bản đặc biệt không đề giá.

Cần

Mua lại hoặc xin sao lại :

— **Phạm-Thái ; Quỳnh-Như** : kịch thơ của *Phan-Khắc-Khoan*.

— **Vạn bửu tình trường** của *Đào-Tấn* cùng soạn với *Lê Quí-Đôn*, *Võ-Đình-Phương*.

— **Cô xuý nguyên âm, Giai nhân dị mặc** của *Đông-Châu* Nguyễn-Hữu-Tiến.

— **Phò-Chiêu thiền sư thi văn tập ; Nứ lưu văn học sử; Bạch Vân am thi văn tập** của *Sở-Cuồng* Lê-Dư.

— **Phú Nôm** của *Vũ-Khắc-Tiệp*.

— **Việt Hán văn khảo** của *Phan-Kế-Bính*.

— **Đào nương ca ; Câu đối** của *Ôn-Như* Nguyễn-Văn-Ngọc.

— **Khảo luận về Kim Vân Kiều** của *Vệ-Thạch* Đào-Duy-Anh

— **Việt sử đại toàn** của *Mai-Đăng-Đệ*.

— **Nam hoa kinh** và **Sử kí Tư-Mã-Thiên**, do *Nhượng-Tống* dịch.

— **Dương-Từ Hà-Mậu** của *Đỗ Chiểu*.

— **Hai ngày am dật sĩ** và **Một lũ chán đời** của *Nguyễn-Văn-Lịch* (xuất bản khoảng 1925-30).

Xin liên lạc với : Nguiễn - Hữu - Ngư do tạp chí Bách Khoa, 160, *Phan-Đình-Phùng* — *Saigon*.

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◇ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone 20.821 — SAIGON

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

★

LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2

★

SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÁNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy
CHI - CỤC PHU : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

★

NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlauv Preah Kossamac

★

CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIEN-ĐÔNG

★

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

BÁCH-KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ. T. 25.539 – H. T. 339

SAIGON

-:-

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA DÀI HẠN

Phương danh độc giả.....

Địa chỉ.....

Thời hạn mua (1).....bắt đầu từ.....

Thể thức trả tiền.....

.....*ngày*.....*tháng*.....*1962*

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm : 180 $

6 tháng : $

---

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, bay bằng chi phiếu hoặc gởi bưu phiếu.

• Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— Trả trước 180 $, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 $ (20số thường 200 $ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 $ = 240 $)

• Mua dài hạn Bách - Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

FOREIGN EXCHANGE BANK

THE BANK OF TOKYO LTD

HEAD OFFICE : TOKYO JAPAN

SAIGON OFFICE

No 12 - 22, Dai lo HAM NGHI

Tel : 25.807-25.808 P.O. Box No M. 7

DOMESTIC OFFICES

Head Office - Ginza - Yaesudori - Ningyocho - Marunouchi - Yurakucho - Hibiya - Shimbashi - Asakusa - Uchisaiwaicho - Yokohama - Shimizu - Nagoya - Akatsuka - Osaka - Semba - Shinsaibashi - Kobé - Tor Road - Hiroshima - Shimonoseki - Fukuoka - Nagasaki - Sapporo - Otaru.

OVERSEAS OFFICES

New York - San Francisco - Los Angeles - Seattle - Rio De Janeiro - Sao Paulo - Buenos Aires - London - Hamburg - Dusseldorf - Paris - Karachi - Bombay - Calcutta - Vientiane - Kuala Lumpur - Singapore - Hong Kong - Bangkok.

REPRESENTATIVES OFFICE

Chicago - Houston - Toronto - Mexico City - Lima - Brussels - Lagos - Johannesburg - Beyrouth - Baghdad - Teheran - New Deihi - Rangoon - Phnom-Penh - Djakarta - Manila - Sydney - Caire - Frankfurt - Vancouyer.

THE BANK OF TOKYO OF CALIFORNIA

San Francico - Los Angeles - Gardena - San Jose

THE BANK OF TOKYO TRUST COMPANY

New York